

# I TI-MÔ-THÊ

Warren W. Wiersbe



## CỨ Ở TRONG CHỨC VỤ (ITi 1:1-20)

“Cần những người ưa thích mạo hiểm, lương ít, giá rét, nhiều tháng trường trong cảnh tối tăm, nguy hiểm thường xuyên, không chắc được trở về an toàn. Được vinh dự và nổi tiếng nếu thành công.”

Mẫu quảng cáo đó xuất hiện trên tờ nhật báo tại Luân đôn và hàng ngàn người đã hưởng ứng! Mẫu quảng cáo này được Ngài Ernest Shackleton, nhà thám hiểm Bắc cực nổi tiếng, ký tên, và đó là điều quan trọng.

Nếu Chúa Giê-xu Christ đã quảng cáo tìm người hầu việc Ngài, thì lời quảng cáo đó có thể đại khái như sau:

“Cần những người nam và nữ cho công tác khó khăn giúp đỡ xây dựng Hội Thánh của Ta. Các con sẽ thường xuyên bị hiểu lầm, ngay cả bởi những người làm việc chung với mình. Các con sẽ thường xuyên bị kẻ thù vô hình tấn công. Các con có thể không thấy kết quả của sự lao nhọc mình, và các con sẽ chỉ được nhận được sự ban thưởng trọn vẹn sau khi đã hoàn tất mọi công tác được giao. Các con có thể sẽ mất mát gia đình, những hoài bão ước mơ, ngay cả sự sống mình nữa.”

Bất chấp những yêu cầu Ngài đề ra, Chúa Giê-xu Christ nhận được “đơn xin việc” của nhiều người vui lòng dâng hiến mọi sự cho Ngài. Ngài chắc chắn là Người Chủ vĩ đại nhất mà bất cứ ai cũng có thể hầu việc, và công tác xây dựng Hội Thánh Ngài chắc chắn là thách thức lớn lao nhất mà một tín đồ có thể dâng hiến đời mình để thực hiện.

Ti-mô-thê là một thanh niên đáp ứng lại sự kêu gọi của Đấng Christ để giúp xây dựng Hội Thánh Ngài. Ông là một trong những phụ tá đặc biệt của sứ đồ Phao-lô. Cùng với Tít, Ti-mô-thê giải quyết một số việc khó khăn trong các Hội Thánh mà Phao-lô đã thiết lập. Ti-mô-thê được dưỡng dục trong một gia đình tin kính (ITi 1:5) và đã được chính mình Phao-lô dẫn dắt đến đức tin nơi Đấng Christ. Điều này giải thích vì sao Phao-lô gọi Ti-mô-thê là “con thật của ta trong đức tin” (ITi 1:2).

Ti-mô-thê sinh ra mang hai dòng máu: Mẹ ông là người Do Thái, cha ông là người Hy Lạp. Ông thật sốt sắng với Đấng Christ đến nỗi những người lãnh đạo Hội Thánh địa phương của ông tiến cử ông cho Phao-lô, và Phao-lô đem Ti-mô-thê cùng đi truyền giáo với ông (Cong 16:1-5). Phao-lô thường nhắc nhở Ti-mô-thê rằng ông đã được chọn lựa cho chức vụ này (ITi 1:18 4:14). Ti-mô-thê trung tín với Chúa (ICo 4:17) và có mối quan tâm sâu xa đối với dân sự của Đức Chúa Trời (Phi 2:20-22).

Nhưng bất chấp sự kêu gọi của Chúa dành cho ông, sự liên kết khăng khít giữa ông với Phao-lô, và các ân tứ thuộc linh ban cho ông, Ti-mô-thê dễ bị ngã lòng. Lần cuối cùng Phao-lô ở với Ti-mô-thê, ông đã khích lệ người ở lại tại Ê-phê-sô và hoàn thành công tác của mình (ITi 1:3). Rõ ràng là Ti-mô-thê có những đau yếu về thể chất (ITi 5:23) cũng như những giai đoạn ngã lòng, và bạn có ấn tượng là một số thành viên trong Hội Thánh không đang tôn kính vị mục sư của mình cách đúng mực như là một tôi tớ của Đức Chúa Trời (ITi 4:12 ITi 2:6-8).

Ê-phê-sô không phải là nơi dễ dàng nhất để chăn dắt một Hội Thánh. (Liệu có “nơi nào dễ dàng” không? Tôi e là không có đâu). Thành Ê-phê-sô dành cho việc thờ lạy Đấng Đức Chúa Trời, nữ thần của bản năng tính dục. Những hình ảnh khiêu dâm của bà ta khích động đủ mọi thứ vô luân về tình dục (Cong 19:1-41). Phao-lô đã thực hiện một công tác lớn lao tại Ê-phê-sô trong suốt ba năm chức vụ của ông, vì thế “mọi người trong cõi A-si đều nghe đạo Chúa” (Cong 19:10). Không dễ để Ti-mô-thê đi theo một người như Phao-lô! Dĩ nhiên, Sa-tan có những kẻ

giúp việc cho nó tại thành này vì bất cứ nơi nào có những cơ hội thuộc linh thì cũng có những trở lực từ phía ma quỷ (ICo 16:8-9).

Phao-lô đã viết thư tín chúng ta gọi là ITi-mô-thê để khích lệ Ti-mô-thê, để giải thích cách thức điều hành một Hội Thánh địa phương, và đề cử cố thẩm quyền riêng của mình với tư cách một tông đồ của Đức Chúa Trời. Trong chương 1 Phao-lô giải thích ba trách nhiệm của một mục sư và các tín hữu trong một Hội Thánh địa phương.

## 1. Dạy giáo lý lành mạnh (ITi 1:1-11)

Ngay trong lời chào thăm của bức thư, Phao-lô đã khẳng định thẩm quyền của ông như là một tông đồ của Chúa Giê-xu Christ. Những kẻ đang gây rối cho Ti-mô-thê đều cần phải nhớ rằng mục sư của họ có mặt tại đó vì Đức Chúa Trời đã đặt ông tại đó, vì thẩm quyền của Phao-lô là do nơi Đức Chúa Trời ban cho. Phao-lô là một “sứ đồ,” một người Đức Chúa Trời sai đi với một sự uỷ thác đặc biệt. Chức sứ đồ của ông đến bởi “điều răn” từ Chúa Giê-xu Christ. Từ này có nghĩa là “một sự uỷ thác của vua”. Cả Phao-lô và Ti-mô-thê đều được sai đi bởi Vua của các vua!

Chúa Giê-xu Christ không chỉ là Chúa, mà Ngài còn là “Cứu Chúa” của chúng ta, một danh xưng được dùng 10 lần trong các Thư tín Giám mục (ITi 1:1 2:3 4:10 IITi 1:10 Tit 1:3-4 2:10,13 3:4,6). Với Ti-mô-thê đang ngã lòng, đề tài “sự hy vọng của chúng ta” (ITi 1:1) quả là một sự nâng đỡ thật. Phao-lô đã viết lời khích lệ tương tự cho Tít (Tit 1:2 2:13 3:7). Việc nhận biết rằng Chúa Giê-xu Christ sẽ trở lại vì cố chúng ta khích lệ chúng ta trung tín hầu việc Ngài.

Một nguyên do những người hầu việc Đấng Christ phải cứ ở trong chức vụ là vì các giáo sư giả đang ráo riết cố gắng giành lấy các Cơ Đốc Nhân. Có những giáo sư dạy các đạo lý giả dối vào thời của Phao-lô y như trong thời đại ngày nay, và chúng ta không được xem thường họ. Những giáo sư giả này không có tin mừng cho những tội nhân hư mất. Thay vào đó, họ tìm cách dẫn Cơ Đốc Nhân đi lạc đường và giành lấy những người này cho mục đích của họ.

Phao-lô dùng ngôn ngữ quân sự để giúp Ti-mô-thê và các tín hữu của ông nhìn thấy sự nghiêm trọng của vấn đề (ITi 1:3). “Truyền mệnh lệnh” có nghĩa là “ra những chỉ thị nghiêm khắc từ một cấp chỉ huy cao hơn.” Phao-lô đã dùng từ này (đôi khi được dịch là “Điều răn” và “Mạng lệnh”) tám lần trong hai thư tín của ông gửi cho Ti-mô-thê (ITi 1:3,5,18 4:11 5:7 6:13,17 IITi 4:1). Ông đang diễn đạt ý này: “Hỡi Ti-mô-thê, con không chỉ là một mục sư của Hội Thánh tại một thành phố đầy khó nguy. Con cũng là một chiến sĩ Cơ Đốc phục dưới mệnh lệnh của Vua. Giờ đây con hãy truyền các mệnh lệnh này lại cho các chiến sĩ trong Hội Thánh của con!”

Đó là mệnh lệnh gì? “Đừng truyền dạy các đạo lý nào khác với những điều Phao-lô đã dạy dỗ!” Trong nguyên bản có 32 lần nhắc đến “đạo lý,” “dạy dỗ,” “giáo sư,” “dạy,” và “giảng dạy” trong ba Thư tín Giám mục. Trong Hội Thánh đầu tiên, các tín đồ được dạy dỗ Lời của Đức Chúa Trời và ý nghĩa của những đạo lý Cơ Đốc căn bản. Trong nhiều Hội Thánh ngày nay, toà giảng và chỗ dành cho ban hát lễ là những nơi để tiêu khiển, chớ không phải để được sự soi sáng và nuôi dưỡng tâm linh.

Đức Chúa Trời đã giao thác chân lý của Lời Ngài cho Phao-lô (ITi 1:11) và Phao-lô đã uỷ thác lại cho Ti-mô-thê (6:20). Trách nhiệm của Ti-mô-thê là gìn giữ đức tin (IITi 1:14) và truyền dạy lại cho những người trung tín (2:2).

Phao-lô đồng nhất hoá việc dạy dỗ giả dối như là “phù ngôn và gia phở vô cùng” (ITi 1:4). Tít đương đầu với sự dạy dỗ giả dối tương tự tại Co-rét (Tit 1:14 3:9). Các giáo sư giả đang sử dụng Luật pháp trong Cựu Ước, và đặc biệt các gia phở, để tạo nên đủ loại thuyết mới mẻ và những giáo lý mới này đang dẫn người ta đi lạc đường. Các giáo sư giả đang nêu lên những câu hỏi, chứ không đang giải đáp chúng. Họ không đang đẩy mạnh “kế hoạch cứu rỗi của Đức Chúa Trời” (“sự mở mang công việc của Đức Chúa Trời,” ITi 1:4), nhưng đang dẫn người ta đi sai lạc khỏi chân lý. Thay vì đem đến sự yêu thương, lòng tinh sạch, lương tâm tốt, và đức tin thật, những giáo lý mới lạ này đang gây ra sự chia rẽ, giả hình, và đủ mọi vấn đề khác.

Phao-lô đã dùng từ “lương tâm” 21 lần trong các bức thư của ông, và trong đó sáu lần từ này được nói đến trong các Thư tín Giám mục (ITi 1:5,19 3:9 4:2 IITi 1:3 Tit 1:15). Từ “lương tâm” có nghĩa là “nhận thức.” Lương tâm là quan toà bên trong lòng lên án chúng ta khi chúng ta làm điều sai và tán đồng khi chúng ta làm điều đúng (Ro 2:14-15). Để lảm chúng ta phạm tội trái với lương tâm làm cho nó trở nên “dơ dáy” (Tit 1:15). Việc phạm tội tái đi tái lại khiến cho lương tâm cứng cõi để rồi trở nên “chai lì” như vết sẹo (ITi 4:2).

Thật đáng buồn khi những người tự xưng là Cơ Đốc Nhân tẻ tách khỏi đường lối Chúa vì họ chối bỏ “giáo lý lành mạnh” (“đạo lành,” ITi 1:10). Phao-lô cũng gọi đó là “đạo lý theo sự tin kính” (6:3), “sự dạy dỗ có ích” (IITi 1:13), “đạo lành (4:3 Tit 1:9 2:1), “đức tin” (1:13 2:2), và “lời nói lành” (2:8). Nhưng nhiều kẻ lại ưa thích “những lời vô ích” (ITi 1:6) của những người dạy dỗ các giáo lý mới lạ hơn là Lời thanh sạch của Đức Chúa Trời đem lại sự thánh khiết trong đời sống. Ngày nay thật không may là chúng ta không chỉ có “những lời vô ích” (“lời nói vô nghĩa”) trong việc dạy dỗ và rao giảng, nhưng cả trong âm nhạc nữa. Vô số bài hát không những chẳng dạy dỗ giáo lý tốt lành nào, mà nhiều bài thậm chí còn dạy dỗ những giáo lý giả dối nữa. Một ca sĩ không có quyền hát một lời ca giả dối, cũng giống như một giáo sư không có quyền dạy dỗ một điều dối trá vậy.

Lý do của đạo giả này là việc sử dụng sai Luật pháp của Cựu Ước. Các giáo sư giả này không hiểu nội dung hay mục đích của Luật pháp Đức Chúa Trời. Họ đang dẫn dắt tín đồ ra khỏi sự tự do của ân điển (Ga 5:1) để bước vào ách nô lệ của việc tuân giữ luật pháp, một thảm kịch vẫn còn xảy ra ngày nay. Xác thật (bản tánh cũ của chúng ta) ưa thích việc tuân giữ luật pháp theo tôn giáo, vì các phép tắc và luật lệ giúp một người có thể tỏ ra thánh khiết mà không cần phải thực sự thay đổi tâm lòng mình.

Phao-lô liệt kê 14 loại người bị Luật pháp định tội (ITi 1:9-10). Đây là một trong số những bảng liệt kê như thế trong Tân Ước (Mac 7:20-23 Ro 1:18-32 Ga 5:19-21). Việc sử dụng hợp pháp Luật pháp cũ là để phơi bày, ngăn giữ, và cáo trách những kẻ vô luật pháp. Luật pháp không thể nào cứu được những tội nhân hư mất (Ga 2:21 3:21-29) nó chỉ có thể cho thấy nhu cầu cần phải có một Đấng Cứu chuộc. Khi một tội nhân tin nơi Chúa Giê-xu Christ, người ấy được thoát khỏi sự rủa sả của Luật pháp (Ga 3:10-14), và những đòi hỏi công bình của Luật pháp được thoả mãn bởi sự ngự trị của Đức Thánh-Linh khi người tín đồ đầu phục Đức Chúa Trời (Ro 8:1-4).

Phao-lô (ITi 1:9-10) đặc biệt tập trung vào năm trong số Mười Điều Răn trong Xu 20:1-17

Điều răn thứ 5 – “Hãy hiếu kính cha mẹ ngươi” – “những kẻ giết cha mẹ.”

Điều răn thứ 6 – “Ngươi chớ giết người” – “những kẻ giết mẹ, giết người.”

Điều răn thứ 7 – “Ngươi chớ phạm tội tà dâm” – “những kẻ tà dâm, kẻ đấm nam sắc.”

Điều răn thứ 8 – “Ngươi chớ trộm cướp” – “những kẻ ăn cướp người (những kẻ bắt cóc).”

Điều răn thứ 9 – “Người chớ nói chứng dối” – “những kẻ nói dối, những kẻ thề dối.”

Chính “đạo Tin Lành vinh hiển” cứu chuộc những tội nhân hư mất. Phao-lô đã từng trải quyền năng của Phúc Âm ấy (Ro 1:16), và ông đã được giao cho chức vụ giảng Phúc Âm (ITe 2:4). Luật pháp và Phúc Âm đi đôi nhau, vì Luật pháp mà không có Phúc Âm là chẩn đoán mà không có phương cách chữa trị nhưng Phúc Âm mà không có Luật pháp thì chỉ là Tin Mừng cứu rỗi dành cho những người không tin là mình cần đến nó vì họ chưa hề được nghe tin tức đau buồn về sự phán xét. Luật pháp không phải là Phúc Âm, nhưng Phúc Âm không phải là sự vô luật pháp (Ro 3:20-31).

## 2. Công bố Phúc Âm (ITi 1:12-17)

Việc đề cập đến “Phúc Âm vinh hiển của Đức Chúa Trời hạnh phúc” (ITi 1:11) cảm động Phao-lô chia sẻ lời chứng cá nhân của riêng ông. Ông là một “Vật chứng A” để chứng tỏ rằng Phúc Âm ân điển của Đức Chúa Trời thật sự hành động. Khi bạn đọc lời chứng của Phao-lô (Cong 9:1-22 22:1-21 26:9-18), bạn bắt đầu hiểu thấu được sự lạ lùng của ân điển Đức Chúa Trời và quyền phép cứu rỗi của Ngài.

A. *Quá khứ của Phao-lô* (ITi 1:13a). Ông đã từng là một kẻ phạm thượng vì đã chối bỏ thần tính của Chúa Giê-xu Christ và ép buộc người khác cũng chối bỏ điều đó. Ông là một kẻ bất bớ đã dùng quyền hành thuộc thể cố tìm cách phá tán Hội Thánh. “Những lời ngăm đe giết người” chính là hơi thở của sự sống ông (Cong 9:1). Ông bất bớ Hội Thánh của Đấng Christ (ICo 15:9) và rồi khám phá rằng ông thật sự đang tra tay trên Chúa Giê-xu Christ, Đấng Mê-si-a (Cong 9:4). Trong giai đoạn này của cuộc đời ông, ông ưng thuận việc ném đá Ê-tiên và tàn hại Hội Thánh (Cong 8:1-4).

Phao-lô đã từng là kẻ tàn hại, một từ có nghĩa là “kiêu ngạo và xác xược”. Từ tương đương hiện đại có thể là “kẻ hay bắt nạt”. Nó ám chỉ một kẻ kiêu căng ngạo mạn “luôn cư xử cách kiêu căng hùng hổ” bằng bạo lực. Nhưng những nguyên nhân cơ bản của việc làm độc ác của ông là “sự không hiểu biết” và “lòng vô tín”. Ngay cho dù Sau-lo thành Tạt-sơ đã từng là một người tài giỏi và học thức cao (Cong 22:3 Ga 1:13-14), nhưng tâm trí ông bị che khuất khỏi chân lý (IICo 4:3-4 ICo 2:14). Ông đã từng là một người sùng đạo, thế nhưng ông không hướng đến thiên đàng! Cho đến khi đặt đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ thì ông mới được cứu (Phi 3:1-11).

B. *Phao-lô được cứu như thế nào* (ITi 1:13b-15). Làm thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết lại có thể từng cứu vớt và tha thứ một tội nhân đầy sự công bình riêng như vậy? Những từ trọng tâm là “sự thương xót” và “ân điển.” Đức Chúa Trời bởi sự thương xót Ngài đã không giảng cho Phao-lô điều mà ông đáng phải nhận lãnh thay vào đó, Đức Chúa Trời bởi ân điển Ngài đã ban cho Phao-lô điều ông không xứng đáng được hưởng. Ân điển và sự thương xót là tình yêu thương của Đức Chúa Trời bày tỏ qua hành động, tình yêu thương của Đức Chúa Trời phải trả một giá để cứu chuộc tội nhân hư mất. Không phải chỉ có tình yêu của Đức Chúa Trời đã cứu chuộc chúng ta, vì Đức Chúa Trời yêu thương toàn thể gian này (Gi 3:16). Chính là nhờ ân điển mà chúng ta được cứu (Eph 2:8-9) vì Đức Chúa Trời giàu lòng thương xót (2:4) và đầy ân điển (2:7).

“Sự không hiểu biết” của Phao-lô có liên hệ gì với sự cứu rỗi của ông? Liệu sự không hiểu biết có là một lời bào chữa trước mặt Đức Chúa Trời chẳng? Dĩ nhiên là không! Thực tế về sự không hiểu biết của ông có liên quan đến một luật đặc biệt của người Do Thái (Le 5:15-19 Dan 15:22-31). Nếu một người cố ý phạm tội “cách kiêu căng ngạo mạn” trong Y-sơ-ra-ên, người ấy bị loại trừ khỏi dân sự. Nhưng nếu phạm tội do lầm lỡ, người ấy được phép mang

đến của lễ xứng hiệp để chuộc tội lỗi mình. Chúa Giê-xu hiểu rõ nguyên tắc này khi Ngài cầu nguyện trên thập tự giá, “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:34). Sự không biết của họ đã không cứu họ, và lời cầu xin của Đấng Christ cũng không cứu họ, nhưng sự kết hợp của cả hai điều này đã trì hoãn sự đoán phạt của Đức Chúa Trời, ban cho họ một cơ hội để được cứu.

Phao-lô nêu lên rằng ông được cứu nhờ ân điển “vô cùng dư dật”! Phao-lô thích dùng tiền tố Hy Lạp hyper (có nghĩa là “một số lượng vô cùng dư dật”), và ông thường gắn tiền tố đó vào các từ ngữ trong thư tín của mình. Bạn có thể dịch một số từ đó là “đức tin rất tấn tới” (super-increase faith) (IITe 1:3) “quyền vô hạn” (super-abounding power) (Eph 1:19) “thắng hơn bội phần” (super-conqueror) (Ro 8:37). Cùng tiền tố này đã du nhập vào ngôn ngữ tiếng Anh là hyper (quá). Chúng ta nói đến những trẻ em “quá hiếu động” và những người “quá nhạy cảm.”

Phao-lô vạch rõ rằng sự cứu rỗi này không dành cho riêng ông, nhưng cũng dành cho tất cả những ai tin nhận Chúa Giê-xu Christ (ITi 1:15). Nếu Chúa Giê-xu đã có thể cứu Sau-lơ thành Tạt-sơ, kẻ đứng đầu tội nhân, thì Ngài cũng có thể cứu bất cứ người nào khác! Chúng ta ngưỡng mộ sự khiêm nhường của Phao-lô, và chúng ta nhận thấy rằng ông tự cho mình là kẻ “hèn mọn nhất trong các sứ đồ” (ICo 15:9) và là kẻ “hèn hơn hết mọi thánh đồ” (Eph 3:8). Xin lưu ý là Phao-lô không viết “trong những kẻ có tội đó tôi đã là (thời quá khứ) đầu, mà “trong những kẻ ấy tôi là (thời hiện tại) đầu.”

**C. Phao-lô đã trở nên thế nào** (ITi 1:12,16). Ân điển của Đức Chúa Trời biến cải kẻ bất bớ thành một người giảng Phúc Âm, và kẻ giết người thành một người hầu việc Chúa và một nhà truyền giáo! Sự biến đổi trong đời sống Phao-lô quá đột ngột đến nỗi Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem ngỡ rằng đó là một thủ đoạn lừa dối, và họ phải khó khăn lắm mới tiếp nhận ông (Cong 9:26-31). Đức Chúa Trời đã ban cho Phao-lô chức vụ của ông ông không nhận lãnh chức vụ đó từ nơi Phi-e-rơ hay từ các sứ đồ khác (Ga 1:11-24). Ông được kêu gọi và uỷ thác bởi Đấng Christ phục sinh trên thiên đàng.

Đức Chúa Trời thấy Phao-lô là trung tín, và vì vậy Ngài giao phó cho ông sứ mệnh rao giảng Phúc Âm. Thậm chí khi còn là một nhà lãnh đạo Do thái vô tín và không hiểu biết gì về Phúc Âm, Phao-lô đã giữ được một lương tâm tốt khi sống theo ánh sáng mà ông đã có. Thông thường những người vốn là những tội nhân hư mất vô cùng bại hoại lại trở nên những Cơ Đốc Nhân rất tốt lành và được Đức Chúa Trời dùng cách lớn lao để chinh phục linh hồn người khác. Đức Chúa Trời không chỉ phó thác việc rao giảng Phúc Âm cho Phao-lô, nhưng Ngài cũng ban năng quyền để Phao-lô có thể hầu việc Phúc Âm ấy (Phi 4:13 ICo 15:10). Khi một người vâng theo tiếng gọi của Đức Chúa Trời để hầu việc Ngài, Đức Chúa Trời luôn trang bị và ban năng quyền cho người ấy.

Nhưng Phao-lô không chỉ trở nên một người hầu việc, nhưng ông cũng trở nên một gương mẫu nữa (ITi 1:16). Phao-lô là một gương mẫu cho các tội nhân hư mất tin nhận Đấng Christ theo ý nghĩa nào? Không ai trong chúng ta đã từng có kinh nghiệm như Phao-lô đã có trên đường Đa-mách (Cong 9:1-43). Chúng ta không nhìn thấy một ánh sáng, ngã té xuống đất, và nghe Chúa Giê-xu phán từ trời xuống. Nhưng Phao-lô là một khuôn mẫu (“điển hình”) đối với tất cả mọi tội nhân hư mất, vì ông là kẻ đầu tội nhân! Ông là bằng chứng cho thấy ân điển của Đức Chúa Trời có thể biến đổi bất cứ tội nhân nào!

Nhưng có một sự ứng dụng đặc biệt của điều này dành cho dân Y-sơ-ra-ên ngày nay, những người đồng quốc với Phao-lô, những người mà Phao-lô đặc biệt nặng lòng (Ro 9:1-5 10:1-3). Những người Y-sơ-ra-ên, giống như Sau-lơ thành Tạt-sơ khi chưa trở lại đạo, rất sùng kính, công bình riêng, mù loà trước Luật pháp của chính họ và sứ điệp về Đấng Mê-si-

a, và không sẵn lòng tin. Một ngày kia, Y-sơ-ra-ên sẽ nhìn thấy Chúa Giê-xu Christ y như Phao-lô đã thấy Ngài và cả dân tộc này sẽ được cứu. “Chúng nó sẽ nhìn xem Ta là Đấng chúng nó đã đâm” (Xa 12:10). Đây có thể là một lý do vì sao Phao-lô nói ông “được sinh ra đúng thời điểm” (ICo 15:8), vì kinh nghiệm gặp gỡ Đấng Christ phục sinh của ông diễn ra vào lúc khởi đầu của thời kỳ Hội Thánh này chứ không phải vào lúc kết thúc (Mat 24:29).

### 3. Bảo vệ đức tin (ITi 1:18-20)

Phao-lô giao cho Hội Thánh địa phương một trách nhiệm thứ ba phải hoàn thành, ngoài việc dạy giáo lý lành mạnh và công bố Phúc Âm.

Một lần nữa, Phao-lô dùng ngôn ngữ quân đội để câu nói của ông thêm mạnh mẽ, vì từ “mệnh lệnh” (sự răn bảo) (ITi 1:18) có nghĩa là “một mệnh lệnh khải từ một cấp chỉ huy cao hơn truyền xuống” (1:3). Phao-lô cũng nhắc nhở Ti-mô-thê rằng Đức Chúa Trời đã chọn ông cho chức vụ ông đang đảm nhận. Rõ ràng là một số tiên tri trong các hội chúng địa phương đã được Thánh-Linh dẫn dắt để chọn Ti-mô-thê cho sự hầu việc Ngài (xin xem Cong 13:1-3 để có gương mẫu của tiến trình này).

Phục sự Đức Chúa Trời tại thành phố Ê-phê-sô ngoại giáo thật không dễ, nhưng Ti-mô-thê là một người chịu phục dưới mệnh lệnh, và ông phải vâng theo. Trọng trách của người lính chiến là “làm đẹp lòng kẻ chiêu mộ mình” (IITi 2:4), chứ không làm đẹp lòng chính mình. Hơn nữa, Ti-mô-thê có mặt ở tại đó bởi sự bổ nhiệm thiên thượng: Đức Chúa Trời đã chọn ông và sai phái ông. Chính sự kiện này có thể đem đến cho ông sự bảo đảm trong những lúc khó nguy. Nếu bạn là tôi tớ của Đức Chúa Trời, được kêu gọi bởi Thánh Linh, vâng theo ý muốn của Ngài, thì bạn có thể “cứ ở trong chức vụ” và làm trọn công việc mình. Những sự bảo đảm này giúp Ti-mô-thê có thể đánh trận tốt lành.

Phao-lô thay đổi hình ảnh minh họa từ bộ binh sang hải quân (ITi 1:19). Ông cảnh tỉnh Ti-mô-thê rằng cách duy nhất để thành công là cầm giữ “đức tin và lương tâm tốt.” Nếu chỉ tuyên xưng đức tin trên môi miệng mình thôi thì không đủ chúng ta phải thực hành đức tin trong đời sống hàng ngày của mình nữa. Một người nói về vị mục sư giả hình của ông ta như sau, “Ông ta thật là một nhà truyền đạo tài ba, ông không bao giờ nên rời khỏi toà giảng nhưng ông thật là một Cơ Đốc Nhân nghèo nàn về tâm linh, ông không bao giờ nên bước lên toà giảng cả!”

Một lương tâm tốt thật quan trọng đối với một trận chiến tốt lành và một chức vụ thành công. H. L. Mencken định nghĩa lương tâm là “tiếng nói bên trong báo trước cho chúng ta rằng có thể có người đang nhìn chúng ta”. Nhưng một người có lương tâm tốt sẽ làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời bất chấp ai đang theo dõi hoặc người ta có thể nói gì. Giống như Martin Luther, ông sẽ nói, “Chúa ôi, con đang đứng nơi đây, con không thể làm gì khác được, vì vậy xin Chúa hãy giúp con!”

Những người tự xưng là Cơ Đốc Nhân khiến cho đức tin mình “chìm đắm” bằng cách phạm tội nghịch lại lương tâm mình. Đạo lý xấu thường bắt đầu bằng hành vi xấu, và thường bởi tội lỗi kín giấu. Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ đã cố tình chối bỏ lương tâm tốt của mình để bảo vệ đời sống không tin kính của họ. Phao-lô không cho chúng ta biết chính xác họ làm gì, trừ ra việc tội lỗi họ liên quan tới “sự phạm thượng” theo một cách thức nào đó. Hy-mê-nê nói rằng sự sống lại đã thuộc về quá khứ rồi (IITi 2:16-18). A-léc-xan-đơ là một tên gọi phổ biến vào thời đó, vì vậy chúng ta không thể biết chắc liệu người được Phao-lô nhắc tên trong bức thư kế của ông gửi cho Ti-mô-thê (IITi 4:14) có phải là cùng người ấy không nhưng nếu đúng vậy, thì chắc chắn người này đã chống lại Phao-lô bằng việc dạy dỗ giáo lý giả dối.



“Đã bị phó cho quỷ Sa-tan” (ITi 1:20) ám chỉ sự sửa phạt của các sứ đồ (ICo 5:5) và sự trừ bỏ khỏi Hội Thánh địa phương. Động từ “học biết” (ITi 1:20) có nghĩa là “học biết bằng kỹ luật.” Khi một Cơ Đốc Nhân không chịu ăn năn, Hội Thánh địa phương sẽ thi hành kỹ luật, loại trừ người ấy ra khỏi mối thông công của các thánh đồ nhằm bảo vệ người ấy, khiến cho người ấy dễ bị nguy hiểm trước những sự tấn công của Sa-tan. Mỗi thông công của Hội Thánh địa phương, vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời, đem đến cho người tín đồ sự bảo vệ thuộc linh. Sa-tan phải xin Đức Chúa Trời cho phép khi muốn tấn công một tín đồ (Giop 1:1-2:13 Lu 22:31-34).

Mỗi Hội Thánh địa phương thường xuyên chiến trận nghịch lại các thế lực gian ác. Có những tiên tri giả và giáo sư giả, cũng như những christ giả. Sa-tan là kẻ khởi xướng những giáo lý giả dối, vì nó là kẻ nói dối ngay từ ban đầu (Gi 8:44). Đối với một Hội Thánh địa phương việc dạy giáo lý lành mạnh và công bố Phúc Âm không, chưa đủ. Hội Thánh cũng phải bảo vệ đức tin bằng cách vạch trần những sự giả dối cũng như chống trả lại những giáo lý của ma quỷ (ITi 4:1).

Quan trọng là chức vụ của chúng ta phải được quân bình. Một số Hội Thánh chỉ rao giảng Phúc Âm và ít khi dạy dỗ người mới trở lại đạo những chân lý của đời sống Cơ Đốc. Một số Hội Thánh khác lại chỉ đang chống trả giáo lý giả dối họ không có sự hầu việc Chúa tích cực. Chúng ta phải là những giáo sư của giáo lý lành mạnh (“đạo lành,” ITi 1:10) nếu không tín đồ sẽ không tăng trưởng. Chúng ta phải rao giảng Phúc Âm và tiếp tục chinh phục những kẻ hư mất về cho Đấng Christ. Và chúng ta phải bảo vệ đức tin chống lại những kẻ sẽ làm bại hoại Hội Thánh bởi giáo lý giả dối và đời sống không tin kính. Đây là một trận chiến lâu dài, nhưng nó phải được tiến hành.

Ti-mô-thê chắc hẳn đã được giúp đỡ và khích lệ rất nhiều khi ông đọc phân đoạn đầu này của bức thư Phao-lô gửi. Đức Chúa Trời đã kêu gọi Ti-mô-thê, trang bị cho ông, và đặt ông vào vị trí của chức vụ mình. Việc làm của Ti-mô-thê không phải là chạy khắp thành Ê-phê-sô, dấn dáp vào vô số trách nhiệm. Việc của ông là chăm lo cho Hội Thánh bằng cách giành lấy những linh hồn hư mất, dạy dỗ những kẻ đã được cứu, và bảo vệ đức tin. Bất cứ công tác nào không liên hệ đến những chức vụ này sẽ phải bị loại bỏ. Một lý do một số Hội Thánh địa phương đang gặp nan đề là các mục sư và những nhà lãnh đạo thuộc linh đang bận rộn với quá nhiều hoạt động không chính thức và không đang thực hiện những công tác Đức Chúa Trời đã kêu gọi họ làm.

Có lẽ là một ý hay nếu các Hội Thánh của chúng ta có được một sự kiểm kê công tác thuộc linh mình đang thực hiện!

## **2. SỰ HẦU VIỆC HAY GÁNH XIẾC? (ITi 2:1-15)**

“Mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự” (ICo 14:40) là một nguyên tắc cơ bản để điều hành công tác của Hội Thánh. Rõ ràng là chàng trai trẻ Ti-mô-thê đang gặp một số vấn đề trong việc áp dụng nguyên tắc này vào các hội chúng tại Ê-phê-sô. Những buổi nhóm thờ phượng chung đang mất trật tự và không còn hiệu quả vì các tín hữu cả nam lẫn nữ trong Hội Thánh đều không vâng theo Lời Đức Chúa Trời.

Một vị mục sư nói với tôi, “Hội Thánh là một cơ thể, vì thế chúng ta không nên quá chú trọng vào tổ chức. Chúng ta cần phải để Đức Thánh-Linh tự do hành động.”

Tôi đáp, “Nhưng nếu một cơ thể bị rối loạn mất tổ chức, nó sẽ chết. Vâng, chúng ta phải để Thánh Linh tự do hành động, nhưng ngay cả Thánh-Linh cũng không được tự do không vâng theo Lời của Đức Chúa Trời được.”

Thông thường, điều chúng ta cho là “sự tự do của Thánh Linh” là những ý tưởng xác thịt của một Cơ Đốc Nhân nào đó không đang bước đi trong Thánh Linh. Cuối cùng thì “sự tự do” này trở thành tình trạng hỗn loạn, và Thánh Linh đau buồn khi một Hội Thánh dần dần đi xa ra khỏi những tiêu chuẩn của Lời Đức Chúa Trời.

Để chống lại khuynh hướng này, Phao-lô cổ vũ những người nam lẫn nữ trong Hội Thánh và nhắc nhở họ về những trách nhiệm thuộc linh của mình.

## 1. Những người nam - Cầu nguyện (ITi 2:1-8)

A. *Sự cầu nguyện phải là ưu tiên một* (ITi 2:1a). “Trước hết mọi sự” ám chỉ rằng việc cầu nguyện là quan trọng nhất trong sự thờ phượng chung của Hội Thánh. Thật đáng buồn khi nhìn thấy sự cầu nguyện đã mất đi tầm quan trọng như thế nào trong nhiều Hội Thánh. Một vị mục sư đã nói, “Nếu tôi thông báo có một bữa tiệc lớn, người ta sẽ bỏ mọi việc bận rộn để đến dự. Nhưng nếu tôi thông báo có buổi nhóm cầu nguyện, thì nếu những người trợ giúp (usher) xuất hiện là đã may mắn rồi!” Không chỉ những buổi nhóm cầu nguyện đặc biệt không còn tiến triển tại hầu hết các Hội Thánh địa phương nữa, mà cả sự cầu nguyện trong những buổi nhóm chung cũng bị giảm sút rất nhiều. Nhiều vị mục sư dành nhiều thời gian cho các thông báo hơn là cho việc cầu nguyện!

Người bạn tốt của tôi Peter Deyneka, Sr., người sáng lập Hiệp Hội Tin lành tiếng Slav, thường xuyên nhắc nhở tôi: “Cầu nguyện nhiều, năng quyền nhiều! Không cầu nguyện, không có năng quyền!” Sự cầu nguyện là một phần của chức vụ sứ đồ quan trọng như việc rao giảng Lời Đức Chúa Trời vậy (Cong 6:4). Thế nhưng một số mục sư dành nhiều giờ soạn bài giảng của mình, nhưng không hề chuẩn bị cho sự cầu nguyện trước hội chúng. Kết quả là những lời cầu nguyện của họ có tính thông lệ, nhàm chán, và lặp đi lặp lại. Tôi không đang gợi ý là một mục sư phải viết mọi lời cầu nguyện ra và đọc lên, nhưng ông ta cần suy nghĩ kỹ những gì mình sẽ cầu nguyện. Điều này sẽ giữ cho “lời cầu nguyện trong chức vụ mục sư” không bị nhàm chán và không chỉ là một sự lặp đi lặp lại của những gì “đã được cầu nguyện” tuần lễ trước đó.

Nhưng các tín hữu trong Hội Thánh cũng cần được chuẩn bị để cầu nguyện. Tâm lòng của chúng ta phải ngay thẳng với Đức Chúa Trời và với nhau. Chúng ta phải thật sự muốn cầu nguyện, và không cầu nguyện chỉ để làm đẹp lòng người ta (như những người Pha-ri-si đã làm trong Mat 6:5), hay để làm trọn một bổn phận tôn giáo. Khi một Hội Thánh địa phương ngưng nương nhờ vào sự cầu nguyện, Đức Chúa Trời cũng ngưng chúc phước cho chức vụ của Hội Thánh đó.

B. *Tính đa dạng của sự cầu nguyện* (ITi 2:1b). Có ít nhất bảy danh từ Hy Lạp khác nhau nói về “sự cầu nguyện,” và bốn trong các danh từ đó được dùng ở đây. Sự khẩn nguyện mang ý tưởng của “việc nêu một lời thỉnh nguyện cho một nhu cầu cảm biết là cần thiết.”

Sự cầu xin là một từ thông dụng nhất cho hoạt động này, và nó nhấn mạnh tính cách thiêng liêng của sự cầu nguyện. Chúng ta đang cầu nguyện với Đức Chúa Trời cầu nguyện là một hành vi thờ phượng, chứ không chỉ là một sự biểu lộ những nhu cầu của mình. Cần phải có sự tôn kính trong tâm lòng khi chúng ta cầu xin với Đức Chúa Trời.

Sự cầu thay được dịch đúng nhất là sự thỉnh cầu. Cùng từ này được dịch là “cầu nguyện” trong ITi 4:5, và nó ám chỉ việc cảm tạ về thức ăn chúng ta dùng. (Khá rõ rệt là chúng ta không cầu thay cho thức ăn của mình theo nghĩa thông thường của từ đó.) Ý nghĩa căn bản của từ này là “đến gần một người và trò chuyện cách tự tin với người ấy.” Nó gợi ý là chúng

ta tận hưởng mỗi thông công với Đức Chúa Trời để rồi chúng ta có sự tin quyết nơi Ngài khi chúng ta cầu nguyện.

Sự cảm tạ dứt khoát là một phần của sự thờ phượng và cầu nguyện. Chúng ta không chỉ cảm tạ vì những lời cầu nguyện mình được nhậm, mà còn vì Đức Chúa Trời là Đấng nào và những điều Ngài đã làm cho chúng ta bởi ân điển Ngài. Chúng ta không nên chỉ thêm sự cảm tạ vào cuối một lời cầu nguyện vị kỷ! Sự cảm tạ cần phải là một yếu tố quan trọng trong mọi lời cầu nguyện của chúng ta. Thật ra, đôi khi chúng ta cần bắt chước Đa-vít và trình dâng lên Đức Chúa Trời chỉ sự cảm tạ mà thôi chớ không có lời thỉnh cầu nào cả! (Thi 103:1-22).

“Sự cầu nguyện và nài xin (thỉnh cầu) với sự tạ ơn” là một phần trong công thức của Phao-lô để có sự bình an của Đức Chúa Trời trong lòng chúng ta (Phi 4:6). Thật đáng lưu ý là Đa-ni-ên, chiến sĩ cầu nguyện vĩ đại, đã thực hành kiểu cầu nguyện này (Da 6:10-11).

**C. *Đối tượng của sự cầu nguyện*** (ITi 2:1-2). “Mọi người” vạch rõ rằng không người nào trên đất này ở ngoài ảnh hưởng của sự cầu nguyện đầy lòng tin. (Chúng ta không có thí dụ nào cổ vũ cho việc chúng ta cần phải cầu nguyện cho những người đã quá cố. Nếu chúng ta phải làm điều đó, thì Phao-lô chắc hẳn đã có một cơ hội tốt để cho chúng ta biết trong phân đoạn này của bức thư ông gửi.) Điều này có nghĩa là chúng ta cần phải cầu nguyện cho những người đã được cứu và những kẻ hư mất, cho những người ở gần chúng ta và những kẻ ở xa, cho kẻ thù nghịch cũng như bạn hữu. Thật không may, những người Pha-ri-si không có cái nhìn bao quát này trong lời cầu nguyện của họ, vì họ chỉ tập trung sự quan tâm của mình chủ yếu vào dân Y-sơ-ra-ên thôi.

Phao-lô khuyên giục Hội Thánh đặc biệt cầu nguyện cho những người cầm quyền. Hoàng đế Nê-rông gian ác đang ngồi trên ngôi vào lúc đó, thế nhưng các tín đồ có bổn phận phải cầu nguyện cho ông ta! Thậm chí khi chúng ta không thể nào kính nể những người nam cũng như nữ đang cầm quyền, chúng ta phải tôn trọng chức vụ của họ và cầu nguyện cho họ. Thật ra, chính là vì lợi ích riêng của mình mà chúng ta làm điều đó: “hầu cho chúng ta có thể sống cách bình tịnh và yên ổn trong mọi sự tin kính và thánh khiết” (ITi 2:2b). Hội Thánh đầu tiên luôn đối diện với sự chống đối và bắt bớ, vì thế thật khôn ngoan khi cầu nguyện cho những người cầm quyền. “Bình tịnh” liên quan đến những hoàn cảnh chung quanh chúng ta, trong khi “yên ổn” ám chỉ một thái độ trầm tĩnh bên trong chúng ta. Kết quả cần phải là đời sống tin kính và đáng tôn.

Đúng là như thế, Phao-lô đã không kể tên tất cả những người chúng ta có thể và cần phải cầu thay, vì “mọi người” bao hàm vấn đề cách đầy đủ. Chúng ta không thể cầu thay cho mọi người trên thế giới theo từng tên một, nhưng chắc chắn chúng ta nên cầu thay cho những người mình biết và biết đến. Tại sao vậy? Vì đó là một điều tốt đẹp nên làm, và vì điều đó đẹp lòng Đức Chúa Trời.

**D. *Lý do phải cầu nguyện*** (2:3-4). Từ “tốt lành” là một từ trọng tâm trong các thư tín giám mục của Phao-lô (ITi 1:8,18 2:3 3:1,7,13 4:4,6 5:4,10,25 6:12-13,18-19 ITi 1:14 2:3 4:7 Tit 2:7,14 3:8,14). Từ Hy Lạp chú trọng đến ý tưởng về một điều gì đó bản chất là tốt lành, chớ không chỉ tốt trong những hiệu quả của nó. “Phải, đúng, ngay thẳng, đẹp” (fair) và “tốt đẹp, hay,” (beautiful) là những từ đồng nghĩa. Chắc chắn sự cầu nguyện tự nó là một việc làm tốt đẹp, và mang theo với nó nhiều lợi ích tốt đẹp.

Nhưng sự cầu nguyện cũng làm Chúa vui thích. Sự cầu nguyện làm đẹp lòng Đức Chúa Cha khi con cái Ngài cầu xin như Ngài đã truyền bảo. Những người Pha-ri-si cầu nguyện để được người ta khen ngợi (Mat 6:5) hoặc để tạo ấn tượng nơi những người thờ phượng khác (Lu 18:9-14). Cơ Đốc Nhân thật cầu nguyện để làm đẹp lòng Đức Chúa Trời. Điều này ám

chỉ là chúng ta phải cầu nguyện theo ý muốn Đức Chúa Trời, vì chắc hẳn Đức Chúa Cha chẳng đẹp lòng khi chúng ta cầu xin cách vị kỷ (Gia 4:1-10 IGi 5:14-15). Người ta thường nói rằng mục đích của sự cầu nguyện không phải là để ý muốn con người được thực hiện trên thiên đàng, mà là để ý muốn Đức Chúa Trời được thực hiện trên đất này.

Ý muốn của Đức Chúa Trời là gì? Về một mặt, đó là sự cứu rỗi những linh hồn hư mất. Chúng ta có thể cầu thay cho “mọi người” vì ý muốn Đức Chúa Trời là “mọi người” nhận biết được sự cứu rỗi bởi đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ. Đức Chúa Trời yêu thương thế gian (Gi 3:16) và Đấng Christ đã chết thay cho toàn thể nhân loại (IGi 2:2 4:14). Chúa Giê-xu đã chết trên thập tự giá để Ngài có thể kéo “mọi người” đến với sự cứu rỗi (Gi 12:32). Điều này không có nghĩa là tất cả mọi người không ngoại trừ ai, vì chắc chắn không phải toàn thể nhân loại đều sẽ được cứu. Nó có nghĩa là tất cả mọi người không phân biệt – người Do Thái và các Dân Ngoại, giàu và nghèo, sùng đạo và ngoại giáo.

Nếu Đức Chúa Trời không muốn người nào chết mất, thì tại sao quá nhiều người lại bị hư mất? Đức Chúa Trời thật nhịn nhục với các tội nhân hư mất, thậm chí trì hoãn sự đoán phạt của Ngài để họ có thể đến với Đấng Christ (IIPhi 3:9). Nhưng sự cứu rỗi tùy thuộc vào “sự hiểu biết chân lý” (ITi 2:4). Không phải tất cả mọi người đều được nghe chân lý của Phúc Âm, và nhiều người đã được nghe lại khước từ chân lý ấy. Chúng ta không thể giải thích sự mâu thuẫn của quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời và trách nhiệm của con người (Gi 6:37) nhưng hãy hiểu rõ rằng cả hai điều này đều được dạy dỗ trong Kinh-Thánh và đều được làm cho hòa hợp trong kế hoạch cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời. Chúng ta đã biết rằng sự cầu nguyện là một phần quan trọng trong chương trình của Đức Chúa Trời để có thể ảnh hưởng tới một thế giới đang hư mất. Chúng ta có trách nhiệm cầu nguyện cho những linh hồn hư mất (Ro 10:1) và chuẩn bị chính mình sẵn sàng chia sẻ Phúc Âm với những người khác.

E. *Nền tảng của sự cầu nguyện* (ITi 2:5-7). Nhiều tín đồ không nhận biết rằng sự cầu nguyện dựa trên việc làm của Chúa Giê-xu Christ với tư cách Cứu Chúa và Đấng Trung bảo. Là Người-Trời, Chúa Giê-xu Christ là Đấng Trung bảo toàn hảo giữa một Đức Chúa Trời thánh khiết và con cái yếu đuối của Ngài. Một trong những lời than phiền của Gióp liên quan tới sự vắng mặt của một người trung gian có thể đem lời than vãn của ông đến trước ngài Đức Chúa Trời. “Chẳng có người nào phân xử giữa hai chúng ta, có thể đặt tay mình trên hai chúng ta” (Giop 9:33).

Vì chỉ có một Đức Chúa Trời, nên chỉ cần một Đấng Trung bảo, và Đấng Trung bảo đó là Chúa Giê-xu Christ. Không người nào khác có thể đủ tư cách. Chúa Giê-xu Christ vừa là Đức Chúa Trời vừa là con người, và do đó có thể là “người phân xử” giữa Đức Chúa Trời và con người. Trong đời sống trọn vẹn và sự chết thế của Ngài, Ngài đã thoả mãn những đòi hỏi công bình của luật pháp thánh khiết của Đức Chúa Trời. Ngài là “giá chuộc cho mọi người”. Từ “giá chuộc” có nghĩa là “một cái giá được trả để giải phóng một nô lệ”. Sự chết của Ngài “thay thế cho tất cả mọi người”. Dầu sự chết của Đấng Christ chỉ hữu hiệu đối với những người tin Ngài, nhưng nó đủ để cứu chuộc tội lỗi của toàn thể nhân loại. Chúa Giê-xu đã phán rằng Ngài đến “để phó sự sống Ngài làm giá chuộc nhiều người” (Mat 20:28).

Đấng Christ đã chết thay cho “tất cả mọi người”, và Đức Chúa Trời mong muốn “tất cả mọi người đều được cứu”. Làm thế nào Tin Mừng này đến được với một thế giới đầy tội lỗi? Đức Chúa Trời kêu gọi và phong chức cho các sứ giả mang Phúc Âm đến với những tội nhân hư mất. Phao-lô là một sứ giả như vậy: ông là một người giảng Phúc Âm (sứ giả của nhà vua), một sứ đồ (một người được sai đi với một sự uỷ thác đặc biệt), và một giáo sư. Cùng Đức Chúa Trời đáng đã ban bố cứu cánh (sự cứu rỗi những kẻ hư mất) cũng ban phát phương tiện

để đạt đến cứu cánh: sự cầu nguyện và rao giảng Lời Đức Chúa Trời. Tin Mừng này không chỉ dành cho người Do Thái, mà cũng dành cho các dân ngoại nữa.

Nếu nền tảng cho sự cầu nguyện là công tác hy sinh của Đấng Christ trên thập tự giá, thì sự cầu nguyện là một hoạt động quan trọng nhất trong một Hội Thánh. Không cầu nguyện là coi thường Thập tự giá! Cầu nguyện cho chính mình mà thôi là chối bỏ tầm ảnh hưởng khắp thế giới của Thập tự giá. Phốt lò những linh hồn hư mất là phốt lò Thập tự giá. “Tất cả mọi người” là từ trọng tâm của đoạn này: Chúng ta cầu nguyện cho “tất cả” vì Đấng Christ đã chết cho “tất cả” và chính ý muốn của Đức Chúa Trời là “tất cả” đều được cứu. Chúng ta phải dâng hiến chính mình cho Đức Chúa Trời để trở thành một phần trong chương trình rộng khắp thế giới của Ngài đến với mọi người trước khi quá trễ.

F. *Thái độ trong sự cầu nguyện* (ITi 2:8). Phao-lô nêu lên cách khẳng định rằng “những người nam” cần phải cầu nguyện trong hội chúng địa phương. Cả những người nam lẫn những người nữ đều cầu nguyện trong Hội Thánh đầu tiên (ICo 11:4-5), nhưng điểm nhấn mạnh ở đây là trên những người nam. Chúng ta thường thấy những buổi nhóm cầu nguyện của phụ nữ, nhưng không thường xuyên thấy những buổi nhóm cầu nguyện của nam giới. Nếu những người nam không cầu nguyện, thì Hội Thánh địa phương sẽ không có những nhà lãnh đạo tận hiến để trông coi chức vụ của Hội Thánh.

Những người đờn ông Do Thái có thông lệ cầu nguyện với hai tay giơ cao lên trời. Tư thế “cúi đầu, khoanh tay, mắt nhắm lại” theo truyền thống của chúng ta không được tìm thấy hoặc truyền dạy nơi nào trong Thánh Kinh cả. Thật ra, có nhiều tư thế cầu nguyện được tìm thấy trong Kinh-Thánh: đứng giơ tay thẳng lên (IVua 8:22) quỳ (Da 6:10) đứng (Lu 18:11) ngò (IISa 7:18) cúi đầu xuống (Sa 24:26) ngược mắt lên (Gi 17:1) sấp mình xuống đất (Sa 17:3). Điều quan trọng không phải là tư thế của thân thể mà là tư thế của tâm lòng.

Phao-lô nêu lên ba yếu tố cần thiết để sự cầu nguyện được hữu hiệu, và yếu tố đầu tiên là “tay thánh sạch.” Hiên nhiên điều này có nghĩa là một đời sống thánh khiết, một tâm lòng trong sạch. “Tay thánh sạch” là biểu tượng của một đời sống không chỗ trách được (Thi 24:4 IISa 22:21). Nếu chúng ta chứa chấp tội lỗi trong đời sống mình, chúng ta không thể nào cầu nguyện và trông mong Đức Chúa Trời đáp lời mình (Thi 66:18).

Yếu tố thứ nhì là “không phẫn nộ,” và nó đòi hỏi là chúng ta phải có quan hệ tốt với nhau. Có thể dịch rõ hơn là “không giận dữ.” Một người thường xuyên gặp rắc rối với các tín đồ khác, vốn là một kẻ gây phiền phức hơn là một người giảng hoà, không thể nào cầu nguyện và nhận được sự đáp lời từ Đức Chúa Trời.

“Nghĩ ngờ” ám chỉ là chúng ta phải cầu nguyện bởi đức tin, nhưng từ này thật sự có nghĩa là “cãi cộ.” Khi chúng ta có sự giận dữ trong lòng, chúng ta thường có những mối bất hoà công khai với người khác. Cơ Đốc nhân cần phải học biết cách biểu lộ sự bất đồng mà không tỏ ra cau có bực dọc. Chúng ta cần phải “làm tất cả mọi điều mà không làm bầm và cãi cộ” (Phi 2:14).

Vậy nên, việc cầu nguyện hữu hiệu đòi hỏi là tôi phải ở trong một mối tương quan phải lẽ với Đức Chúa Trời (“tay thánh sạch”) và với các anh em tín hữu của mình (“không làm bầm và cãi cộ”). Chúa Giê-xu đã dạy dỗ chân lý tương tự (Mac 11:24-26). Nếu chúng ta dành nhiều thời gian chuân bị hơn để cầu nguyện và sửa soạn lòng mình phải lẽ trước mặt Đức Chúa Trời, thì những lời cầu nguyện của chúng ta sẽ càng hữu hiệu hơn nữa.

## 2. Những người nữ - Vâng phục (ITi 2:9-15)

Vào thời đại “Giải phóng Phụ nữ” này và trong các phong trào phụ nữ khác, từ “vâng phục” khiến cho một số người thấy giận dữ. Một số tác giả có thiện chí thậm chí đã lên án Phao-lô là một “lão già độc thân hay gắt gỏng” bài xích phụ nữ. Những người nào trong chúng ta giữ vững sự linh cảm và thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời biết rằng những sự dạy dỗ của Phao-lô đến từ Đức Chúa Trời chớ không phải từ cá nhân ông. Nếu chúng ta gặp một nan đề với những gì Kinh Thánh phán về những người nữ trong Hội Thánh, vấn đề không phải là với Phao-lô (hay Phi-e-rơ – IPhi 3:1-7), mà với Chúa là đáng đã ban Lời Ngài (ITi 3:16-17).

Từ ngữ được dịch là “sự khuất phục” trong ITi 2:11 được dịch là “vâng phục” trong Eph 5:21-22 và Co 3:18. Theo nghĩa đen nó nghĩa là “chịu phục dưới”. Bất cứ ai đã phục vụ trong quân đội đều biết rằng “cấp bậc” liên hệ tới thứ bậc và thẩm quyền, chớ không liên hệ tới giá trị hay khả năng. Một đại tá thì cấp bậc cao hơn một anh binh nhì, nhưng điều đó không nhất thiết có nghĩa là vị đại tá là một người tốt hơn anh binh nhì. Nó chỉ có nghĩa là vị đại tá có một cấp bậc cao hơn và do đó có nhiều thẩm quyền hơn.

“*Mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự*” (ICo 14:40) là một nguyên tắc Đức Chúa Trời tuân giữ trong sự sáng tạo của Ngài. Giống như một đạo quân sẽ bị hỗn loạn nếu không có những cấp bậc quyền hành, cũng vậy xã hội sẽ ở trong tình trạng nhiễu loạn nếu không có sự vâng phục. Con cái cần phải vâng phục cha mẹ vì Đức Chúa Trời đã ban cho cha mẹ thẩm quyền dạy dỗ con cái và sửa phạt chúng trong sự yêu thương. Những kẻ làm công cần phải thuận phục chủ và vâng lời họ (Eph 6:5-8 nhằm ám chỉ trực tiếp đến các nô lệ trong nhà, nhưng có thể áp dụng với các nhân viên ngày nay). Công dân cần phải vâng phục những bậc cầm quyền, ngay cho dù các bậc cầm quyền không phải là Cơ Đốc Nhân (Ro 13:1-14 IPhi 2:13-20).

Sự vâng phục không phải là sự nô dịch hoá. Sự vâng phục là việc nhận biết trật tự của Đức Chúa Trời trong gia đình và Hội Thánh, và vui vẻ vâng theo trật tự đó. Khi một người vợ Cơ Đốc vui vẻ vâng phục Chúa và vâng phục chồng mình, điều đó sẽ làm lộ rõ ra cái đẹp nhất trong nàng. (Để việc này có thể xảy ra, người chồng phải yêu vợ mình và sử dụng trật tự của Đức Chúa Trời như một công cụ để xây dựng, chớ không phải một vũ khí để chống lại nhau – Eph 5:18-33). Sự vâng phục là chìa khoá đưa đến sự tăng trưởng thuộc linh và sự hầu việc Chúa: Người chồng cần phải vâng phục Chúa, Cơ Đốc Nhân cần phải vâng phục nhau (5:21), và vợ cần phải vâng phục Chúa và vâng phục chồng mình.

Điểm nhấn mạnh trong phân đoạn này (ITi 2:9-15) là vị trí của những người nữ trong Hội Thánh địa phương. Phao-lô khuyên những người đàn bà tin kính này bày tỏ sự vâng phục của mình bằng nhiều cách.

A. *Phục sức gọn ghẽ* (2:9). Sự tương phản ở đây là giữa sự hào nhoáng giả tạo của thế gian và vẻ đẹp chân thật của một đời sống tin kính. Phao-lô không ngăn cấm việc dùng đồ trang sức hay áo quần đẹp đẽ, nhưng đúng hơn ông ngăn cấm việc sử dụng thái quá những phương tiện này để thay thế cho vẻ đẹp thật của “một tâm thần dịu dàng và yên lặng” (IPhi 3:1-6). Một người nữ chỉ nhờ vào những vẻ đẹp bên ngoài chẳng bao lâu sẽ hết “đạn dược”! Người ấy có thể thu hút sự chú ý, nhưng sẽ không chiếm được tình cảm lâu dài. Có lẽ những một nhất thời mới lạ nhất đang cám dỗ những người nữ trong Hội Thánh tại Ê-phê-sô, và Phao-lô đã phải nhắc nhở Ti-mô-thê cảnh cáo những người nữ không được để rơi vào bẫy rập của chúng.

Từ ngữ dịch là “gọn ghẽ” (vừa phải, giản dị) (ITi 2:9) đơn giản có nghĩa là “lịch sự và gọn gàng.” Nó liên hệ với từ ngữ Hy Lạp từ đó chúng ta có được từ tiếng Anh là “mỹ phẩm trang điểm.” Trang phục của một người nữ cần phải lịch sự, gọn gàng, và có thẩm mỹ. “Tính kín đáo” nghĩa đen có nghĩa là “sự vừa phải, tránh những sự thái quá”. Một người nữ có đức tính

này lấy làm hổ thẹn khi vượt ra khỏi những giới hạn của những gì lịch sự và thích hợp. “Tính đúng mực” ra từ một từ Hy Lạp có nghĩa là “có một đầu óc và lương tri lành mạnh”. Nó mô tả một sự tự chủ bên trong – một “máy ra-đa” thuộc linh – báo cho một người biết điều gì là tốt đẹp và thích hợp.

Ê-phê-sô là một thành phố thương mại phồn vinh, và một số phụ nữ tại đó tranh cạnh nhau để được sự chú ý và tiếng tăm. Vào thời đó những kiểu tóc đắt tiền trang điểm với đồ trang sức quý giá là một cách để đạt đến đỉnh cao trong xã hội được mọi người chấp nhận. Phao-lô khuyên những người nữ Cơ Đốc hãy chú ý đến “người bề trong,” về đẹp đích thực mà chỉ Đấng Christ mới có thể ban cho. Ông không cấm đoán việc dùng áo quần hay đồ trang sức đẹp đẽ. Ông cảnh cáo họ phải cân nhắc kỹ lưỡng và chọn điều gì thích hợp, với sự chú trọng vào sự trang nhã và tính chất thánh khiết bên trong.

Một mùa hè nọ, một thành viên trong Hội Thánh đã than phiền với tôi, “Càng lúc càng khó khăn hơn để một phụ nữ Cơ Đốc có thể tìm ra loại quần áo thích hợp! Tôi không chịu mặc loại đồ tắm họ đang bán! Điều gì đã xảy ra với sự trang nhã đã lỗi thời?”

B. *Những việc làm tin kính* (2:10). Phao-lô không gợi ý là dùng những việc lành để thay chỗ cho quần áo! Đúng hơn, ông đang đối chiếu “sự rẻ tiền” của những áo quần và nữ trang đắt giá với những giá trị đích thực của đặc tính tin kính và sự hầu việc Đấng Christ. “Sự tin kính” là một từ trọng tâm khác trong các thư tín giám mục của Phao-lô (ITi 2:2,10 3:16 4:7-8 6:3,5-6,11 IITi 3:5 Tit 1:1). Về quyền rũ có thể phần nào áp dụng cho những cái bên ngoài, nhưng sự tin kính phải xuất phát từ bên trong.

Chúng ta không bao giờ được xem nhẹ vị trí quan trọng của những người nữ tin kính trong chức vụ của Hội Thánh. Sứ điệp Phúc Âm có ảnh hưởng vô cùng lớn lao trên họ, vì nó khẳng định giá trị của họ trước mặt Đức Chúa Trời và sự bình đẳng của họ trong thân thể của Đấng Christ (Ga 3:28). Phụ nữ có một địa vị thấp kém trong thế giới La Mã, nhưng Phúc Âm đã thay đổi điều đó.

Có những người nữ tận hiến đã hầu việc Chúa Giê-xu trong những ngày Ngài thi hành chức vụ trên đất này (Lu 8:1-3). Họ có mặt vào lúc đóng đinh và chôn Ngài, và người đầu tiên rao báo tin tức vinh hiển về sự Chúa phục sinh lại chính là một người nữ. Trong sách Công-vụ chúng ta gặp Đô-ca (Cong 9:36), Ly-đi (16:14), Bê-rít-sin (18:1-3), và những người nữ tin kính tại các Hội Thánh ở Bê-rê và Tê-sa-lô-ni-ca (17:4,12). Phao-lô đã chào thăm ít nhất tám người đàn bà trong Ro 16:1-27 và Phê-bê, đã mang thư Rô-ma đến tận nơi, là một nữ chấp sự tại một Hội Thánh địa phương (Ro 16:1). Nhiều nữ tín đồ đã đưa chồng mình đến với Chúa và rồi mở cửa nhà mình để hầu việc Đấng Christ.

C. *Học hỏi cách yên lặng* (ITi 2:11). “Sự yên lặng” là một từ dịch không thích hợp, vì nó đem lại ấn tượng là những người nữ tin Chúa không bao giờ được mở miệng trong buổi nhóm lại. Đây cũng là từ được dịch là “yên ồm” trong câu 2. Một số người đàn bà lạm dụng sự tự do mới tìm thấy trong Đấng Christ, và tạo nên những sự náo động trong những buổi nhóm bằng cách ngắt lời. Đây chính là vấn đề mà Phao-lô đã viết trong lời khuyên răn này. Những người đàn bà có vẻ đang ở trong hiểm họa làm rối tung Hội Thánh bằng cách cố gắng “tận hưởng” sự tự do của mình. Phao-lô đã viết một lời khuyên tương tự cho Hội Thánh tại Cô-rinh-tô (ICo 14:34), mặc dầu lời khuyên này có thể áp dụng chủ yếu cho việc nói tiếng lạ.

D. *Tôn trọng thẩm quyền* (ITi 2:12-15). Những người nữ được phép dạy dỗ. Những người đàn bà lớn tuổi hơn cần phải dạy dỗ những thiếu nữ trẻ tuổi (Tit 2:3-4). Ti-mô-thê được dạy dỗ tại gia đình bởi mẹ và bà nội ông (IITi 1:5 3:15). Nhưng trong chức vụ dạy dỗ của họ, họ không được “làm ra vẻ kẻ cả” đối với những người nam. Việc một người nữ tin kính dạy

đỗ một người nam cách riêng tư chẳng có gì là sai trật cả (Cong 18:24-28) nhưng người ấy không được nắm quyền trong Hội Thánh và tìm cách thế chỗ của một người nam. Người ấy cần phải thực hành “sự yên lặng” và giúp duy trì trật tự trong Hội Thánh.

Phao-lô nêu lên một số lý lẽ để hỗ trợ lời khuyên này là những người đàn ông Cơ Đốc trong Hội Thánh cần phải là những người lãnh đạo thuộc linh. Lý lẽ đầu tiên là từ Sự sáng tạo: A-đam được dựng nên trước hết, rồi đến Ê-va (ITi 2:12-13). (Phao-lô cũng dùng lý lẽ này trong ICo 11:1-10). Chúng ta phải ghi nhớ rằng sự ưu tiên không có nghĩa là sự trội vượt hơn. Cả người nam và người nữ đều được tạo dựng bởi Đức Chúa Trời và theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời. Vấn đề chỉ là thẩm quyền: Người nam được tạo dựng trước tiên.

Lý lẽ thứ nhì liên hệ đến sự sa vào tội lỗi của con người. Sa-tan dối gạt người nữ khiến bà phạm tội (IICo 11:3 Sa 3:1) người nam phạm tội với đôi mắt mở to ngắm nhìn. Vì có A-đam chối bỏ mệnh lệnh do Đức Chúa Trời ban bố, ông lắng nghe lời vợ mình, bất tuân Đức Chúa Trời, và đem tội lỗi và sự chết vào trong thế gian. Sự vâng phục của những người vợ đối với chồng mình là một phần của sự sáng tạo nguyên thủy. Sự mất trật tự chúng ta có trong xã hội ngày nay là kết quả của sự vi phạm mệnh lệnh Đức Chúa Trời đã ban bố.

Tôi không nghĩ Phao-lô ám chỉ rằng những người nữ dễ tin hơn những người nam và do đó dễ dàng bị lừa gạt hơn vì kinh nghiệm cho thấy rằng cả những người nam và những người nữ đều bị Sa-tan dối gạt. Vào một dịp nọ, Áp-ra-ham nghe lời vợ mình và gặp phiền phức (Sa 16:1-16). Sau đó, bà lại khuyên nhủ ông và Đức Chúa Trời bảo ông phải nghe theo (Sa 21:1-34). Trong chức vụ mục sư của riêng tôi, tôi đã nhận được lợi ích vô cùng từ sự khích lệ và khuyên bảo của những người nữ tin kính nhưng tôi đã cố gắng không để họ chiếm lấy quyền hành trong Hội Thánh. Thật ra, những người nữ tôi từng quen biết không có tham vọng “điều hành” những việc trong Hội Thánh.

Sự tạo dựng con người và sự sa ngã của họ cả hai đều dường như đặt người nữ vào một địa vị thấp kém hơn, nhưng người nữ vẫn thật sự có chức vụ từ nơi Đức Chúa Trời (ITi 2:15). Có lẽ có một mối tương quan mật thiết trong tâm trí của Phao-lô giữa những gì ông viết ra đây và những gì Môi-se đã ghi lại trong Sa 3:16 – lời hứa về Đấng Christ sẽ được “thực hiện bởi một người nữ” (Ga 4:4). Chính là qua một người nữ mà Đấng Christ đã đến thế gian, (Xin ghi nhớ rằng Chúa Giê-xu đã có một người mẹ trên đất nhưng không có một người cha trên đất – Lu 1:34-35 Mat 1:18)

Nhưng Phao-lô dạy một bài học thực tiễn (ITi 2:15). Ông hứa rằng người đàn bà sẽ “được giữ an toàn qua việc sinh con” (bản NIV) nếu như “họ” (cả người chồng lẫn người vợ) tiếp tục trong sự tận hiến cho Chúa cách chân thành.

Phải chăng điều này có nghĩa là những bà mẹ Cơ Đốc sẽ không bao giờ chết trong việc sinh con? Cả lịch sử và kinh nghiệm đều cho chúng ta biết rằng họ vẫn chết. Đức Chúa Trời có những mục đích của Ngài, và đường lối Ngài cao hơn ý tưởng chúng ta (Es 55:8-9). Phao-lô xác nhận một nguyên tắc chung khích lệ những người nữ tin Chúa vào thời đó. Chức vụ của họ không phải là “điều hành” Hội Thánh, mà là chăm sóc gia đình và nuôi dạy con cái vì có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (ITi 5:14). Sự nhóm họp trong gia đình của họ sẽ đem đến cho họ vô số cơ hội để dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời và hầu việc các thánh đồ (Ro 16:1-6)

Những người nữ tin kính thực sự có một chức vụ quan trọng trong hội chúng địa phương, ngay cho dù họ không được kêu gọi để trở thành những giáo sư dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời theo một ý nghĩa mục vụ. Nếu tất cả đều được thực hiện “cách phải phép và theo thứ tự,” thì Đức Chúa Trời sẽ ban phước.



### 3. ĐI THEO NHỮNG LÃNH ĐẠO (ITi 3:1-16)

Mọi việc thành hay bại đều do nơi bộ phận lãnh đạo, trong gia đình hay tại một Hội Thánh địa phương cũng vậy. Đức Thánh-Linh ban ân tứ cho các tín đồ để làm chức vụ mình tại Hội Thánh địa phương, và trong vòng các ân tứ đó là “các mục sư và giáo sư” (Eph 4:11) và “những kẻ cứu giúp” và “những người cai quản” (ICo 12:28). Như chúng ta đã lưu ý trước đây, ngay cho dù Hội Thánh là một cơ thể thì nó phải được tổ chức nếu không nó sẽ chết. Bộ phận lãnh đạo là một phần của tổ chức thuộc linh.

Trong phân đoạn này, Phao-lô mô tả người giám mục, người chấp sự, và bản thân Hội Thánh. Khi hiểu được ba sự mô tả này, chúng ta sẽ có thể cung cấp bộ phận lãnh đạo tốt hơn cho sự hầu việc Chúa của Hội Thánh.

#### 1. Vị mục sư (ITi 3:1-7)

Theo Tân Ước, các thuật ngữ “giám mục”, “mục sư”, và “trưởng lão” đồng nghĩa nhau. “Giám mục” có nghĩa là “trông nom”, và các trưởng lão có trách nhiệm trông nom công việc của Hội Thánh (IPhi 5:1-3 Cong 20:17,28). “Trưởng lão” dịch từ chữ Hy Lạp presbutes, có nghĩa là “một ông lão”. Phao-lô đã dùng từ “hội trưởng lão” trong ITi 4:14, không nhằm ám chỉ một hệ phái, mà là “những bậc trưởng thượng” của hội đồng phong chức cho Ti-mô-thê. Các trưởng lão và các giám mục (hai tên gọi dành cho cùng một chức vụ, Tit 1:5-7) là những người trưởng thành có sự khôn sáng và từng trải thuộc linh. Cuối cùng, “mục sư” có nghĩa là “người chăn bầy”, là người dẫn dắt và chăm sóc bầy của Đức Chúa Trời.

Khi so sánh những phẩm chất nêu lên ở đây dành cho các giám mục với những phẩm chất nêu lên cho các trưởng lão trong Tit 1:5-9, bạn nhanh chóng nhìn thấy rằng chúng ta đang xem xét cùng một chức vụ. Tổ chức Hội Thánh thật đơn giản vào thời các sứ đồ: Có các mục sư (các trưởng lão, các giám mục) và các chấp sự (Phi 1:1). Dường như là có một số lớn các trưởng lão trông nom công việc của mỗi Hội Thánh, một số liên quan đến việc “cai trị” (tổ chức và cai quản), một số khác lo việc dạy dỗ (ITi 5:17).

Nhưng những người này phải đủ tư cách. Thật tốt nếu một tín đồ tăng trưởng ao ước chức vụ giám mục, nhưng cách tốt nhất để đạt được chức vụ này là phát triển tính cách Cơ Đốc và thoả mãn các yêu cầu sau. Việc trở thành một trưởng lão / giám mục là một quyết định nghiêm chỉnh, một quyết định không được coi nhẹ trong Hội Thánh ban đầu. Phao-lô nêu lên 16 phẩm chất đòi hỏi nơi một người nếu người ấy trông mong được phục vụ với tư cách một trưởng lão / giám mục / mục sư.

A. *Không chỗ trách được* (ITi 3:2). Từ này nghĩa đen là “không có gì để nắm lấy”, tức là, đời sống người ấy không được có điều gì mà Sa-tan hoặc những người chưa được cứu có thể nắm giữ lấy để phê phán hay tấn công Hội Thánh. Không có đời sống con người nào là vô tội, nhưng chúng ta phải phấn đấu để không chỗ trách được, hay “hoàn hảo”.

B. *Chồng của một vợ* (3:2). Tất cả những tính từ bỏ nghĩa trong đoạn này đều dành cho nam giới. Sự hầu việc Chúa của nữ giới trong một hội chúng địa phương có một phạm vi rộng lớn, nhưng chức vụ trưởng lão không dành cho phái nữ. Tuy nhiên, đời sống gia đình của một mục sư vô cùng quan trọng, và đặc biệt là tình trạng hôn nhân của người ấy. (Cùng điều kiện này cũng áp dụng cho các chấp sự, qua câu 12.) Điều này có nghĩa là một mục sư không được ly dị và tái hôn. Phao-lô chắc hẳn không đang nói đến chế độ đa thê, vì không thành viên nào trong Hội Thánh, huống chi là một mục sư, sẽ được chấp nhận nếu người ấy có nhiều vợ. Ông cũng không đang ám chỉ sự tái hôn sau khi người vợ qua đời vì tại sao một mục sư lại bị cấm

kết hôn lần nữa, trong ánh sáng của Sa 2:18 và ITi 4:3? Hẳn là các thành viên của Hội Thánh đã mất đi người bạn đời có thể kết hôn lần nữa, vậy thì tại sao lại ngăn trở vị mục sư?

Rõ ràng là khả năng quản trị đời sống hôn nhân và gia đình riêng của một người biểu lộ khả năng quản nhiệm một Hội Thánh địa phương (ITi 3:4-5). Một vị mục sư đã từng ly dị khiến bản thân ông và Hội Thánh dễ bị người ngoài phê phán, và những người gặp khó khăn trong đời sống hôn nhân khó có thể khuyên bảo một người khác bị đổ vỡ trong gia đình riêng của mình. Tôi không thấy có lý do gì khiến những Cơ Đốc nhân sốt sắng đã từng ly dị và tái hôn không thể nào hầu việc trong những chức vụ khác trong Hội Thánh, nhưng họ không đủ tư cách để làm trưởng lão hoặc chấp sự.

C. *Tiết độ* (3:2). Đây có nghĩa là “tỏ ra tự kiềm chế” hay “điềm tĩnh”. “Hãy tự kiềm chế trong mọi việc” (IITi 4:5, nghĩa đen). Hay “hãy điềm tĩnh trong mọi tình huống”. Một mục sư cần có sự phán đoán điềm tĩnh, nhạy bén trong mọi việc.

D. *Trang nghiêm* (ITi 3:2). Ông phải có một thái độ nghiêm trang và đứng đắn trong công việc của mình. Điều này không có nghĩa là ông không có tính khôi hài, hay ông luôn tỏ ra nghiêm nghị và thiếu tươi vui. Đúng hơn điều này hàm ý là ông biết được giá trị của mọi việc và không làm hạ thấp chức vụ hoặc sứ điệp của Phúc Âm qua cách cư xử đại dột.

E. *Xứng đáng* (3:2). Từ này dịch là “có thứ tự” thì hay hơn. Vị mục sư cần phải có trật tự trong sự suy nghĩ và trong lối sống của mình, cũng như trong việc dạy dỗ và rao giảng. Đây cũng là từ Hy Lạp được dịch là “gọn ghẽ, lịch sự” trong ITi 2:9, liên hệ đến y phục của những người nữ.

F. *Hay tiếp khách* (3:2). Theo nghĩa đen là “yêu mến khách lạ”. Đây là một chức vụ quan trọng trong Hội Thánh ban đầu khi các tín đồ di chuyển cần có chỗ để lưu lại (Ro 12:13 He 13:2 IIIGi 1:5-8). Nhưng ngay cả ngày nay, một mục sư cùng với vợ có lòng hiếu khách là một sự trợ giúp lớn lao đối với cộng đồng tín hữu của một Hội Thánh địa phương.

G. *Khéo dạy dỗ* (3:2). Việc dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời là một trong những chức vụ chính yếu của một trưởng lão. Thật ra, nhiều học giả tin rằng “các mục sư và giáo sư” trong Eph 4:11 nói đến một người nhưng kiêm hai nhiệm vụ. Một mục sư tự động là một giáo sư (IITi 2:2,24). Phillips Brooks, nhà truyền đạo người Mỹ nổi tiếng, đã nói, “‘Có tài dạy dỗ’ không phải là một điều gì đó một người tình cờ có được, hoặc bởi sự bộc phát bất ngờ nào đó của lòng nhiệt thành nóng cháy.” Một mục sư phải là một người cẩn thận nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời, và tất cả những gì hỗ trợ cho ông trong việc hiểu biết và dạy dỗ Lời ấy. Mục sư nào biếng nhác trong việc nghiên cứu của mình sẽ chuốc lấy sự hổ thẹn trên toà giảng.

H. *Không mê rượu* (ITi 3:3). Từ này mô tả một người ngồi dây dưa với chung rượu và do đó uống quá độ. Sự kiện Phao-lô khuyên Ti-mô-thê hãy uống một ít rượu vì mục đích chữa bệnh (ITi 5:23) cho thấy là tín đồ không bị đòi hỏi kiêng cử rượu hoàn toàn. Thật buồn thay, một số trong các thành viên của Hội Thánh Cô-rinh-tô lại say sưa, thậm chí tại bữa tiệc yêu thương đi kèm với lễ Tiệc Thánh! (ICo 11:21). Người Do Thái pha rượu chung với nước để rượu không quá mạnh. Một sự kiện phổ biến là nước không tinh khiết vào thời đó, nên rượu nhẹ uống cách điều độ rất có thể sẽ tốt cho sức khoẻ hơn.

Tuy nhiên, có một sự khác biệt lớn lao giữa việc dùng rượu do ảnh hưởng văn hoá trong thời đại của Kinh-Thánh và việc ủng hộ kỹ nghệ sản xuất rượu ngày nay. Lời khuyên và gương mẫu của Phao-lô trong Ro 14:1-23 (đặc biệt câu 21) sẽ áp dụng ngày nay theo một cách thức đặc biệt. Một vị mục sư tin kính chắc hẳn sẽ muốn nêu gương mẫu tốt nhất chớ không muốn làm lý do để bào chữa cho tội lỗi trong đời sống của một người anh em nào đó yếu đuối hơn.

I. *Không phải là kẻ hung bạo* (ITi 3:3). “Đừng cãi lẫy, đừng tìm kiếm sự mâu thuẫn.” Charles Spurgeon nói với các sinh viên cao đẳng của ông, “Đừng đi khắp nơi với nắm đấm thủ sẵn để đánh nhau, mang theo một khẩu súng lục thần học trong túi quần của các bạn.”

J. *Không ham tiền bạc* (3:3). Phao-lô sẽ nói nhiều hơn về tiền bạc trong 6:3-21. Nếu một người không có lương tâm hay sự liêm chính, người ấy có thể sử dụng chức vụ như một cách để kiếm tiền dễ dàng. (Không phải các mục sư đều được trả lương nhiều đến mức đó trong hầu hết các Hội Thánh!) Những mục sư tham lam luôn có “những việc làm ăn” diễn ra bên ngoài Hội Thánh, và những hoạt động này gặm nhấm dần tính cách của họ và ngăn trở chức vụ của họ. Các vị mục sư phải “không được (làm việc) vì lợi dơ bẩn” (IPhi 5:2).

K. *Kiên nhẫn* (ITi 3:3). Từ dịch hay hơn là “mềm mại”. Mục sư phải lắng nghe người khác, phải có khả năng đón nhận sự chỉ trích mà không phản ứng lại. Ông cần phải để cho những người khác hầu việc Đức Chúa Trời trong Hội Thánh mà không bị mục sư “sai khiến”.

L. *Hoà nhã* (3:3). Các mục sư phải là những người giảng hoà, chớ không phải những kẻ gây rối. Điều này không có nghĩa là họ phải thoả hiệp những niềm tin của mình. Bất đồng là điều không thể tránh được nhưng đừng cay cú. Sự nóng nảy không đem lại kết quả cho sự hầu việc Chúa lâu dài.

M. *Không tham lam* (3:3). Bạn có thể tham nhiều thứ ngoài ra tiền bạc: danh tiếng, một chức vụ rộng lớn khiến bạn được nổi tiếng, thăng tiến trong chức vụ, v.v. . . Từ này tập trung chủ yếu vào tiền bạc.

N. *Gia đình tin kính* (3:4-5). Điều này không có nghĩa là một mục sư phải có gia đình, hay, nếu có gia đình, thì phải có con cái. Tuy nhiên, hôn nhân và gia đình có lẽ là ý muốn của Đức Chúa Trời đối với hầu hết các mục sư. Nếu con cái riêng của một người không thể vâng lời và kính trọng người ấy, thì Hội Thánh của người ấy khó thể kính trọng và vâng theo sự lãnh đạo của người. Đối với các Cơ Đốc Nhân, Hội Thánh và gia đình là một: Chúng ta cần phải chăm lo cho cả hai với tình yêu thương, chân lý, và kỷ luật. Vị mục sư không thể nào sống như thế này tại gia đình và như thế khác tại Hội Thánh. Nếu ông ta sống như vậy, con cái ông sẽ nhận ra, và sẽ có vấn đề xảy ra. Những từ “cai trị” trong câu 4 và 5 có nghĩa là “đứng đầu, điều khiển, cai quản”, và ám chỉ rằng mục sư là người lèo lái công việc của Hội Thánh. (Dĩ nhiên, không phải như một người độc tài, mà như một người chăn dắt yêu thương – IPhi 5:3). Từ ngữ dịch là “chăm sóc” trong câu 5 hàm ý một sự giúp đỡ cá nhân đối với nhu cầu của Hội Thánh. Nó được dùng trong ẩn dụ về người Sa-ma-ri nhân lành để mô tả sự quan tâm đối với người đang bị thương (Lu 10:34-35).

O. *Không phải là một tín đồ mới* (ITi 3:6). “Người tín đồ mới” nghĩa đen là “một người mới được gieo trồng,” ám chỉ một Cơ Đốc Nhân còn non trẻ. Tuổi tác không phải là sự đảm bảo của sự trưởng thành, nhưng thật hữu ích nếu một người dành cho bản thân mình thời gian để học hỏi và tăng trưởng trước khi người ấy đảm nhận một Hội Thánh. Dĩ nhiên là một số người trưởng thành nhanh hơn một số khác. Sa-tan ưa thích nhìn thấy một mục sư trẻ thành công, nổi kiêu ngạo, và rồi phá đổ tất cả những gì đã được xây dựng lên.

P. *Được người ngoại làm chứng tốt* (3:7). Ông có trả tiền các hoá đơn không? Ông có danh tiếng tốt giữa vòng những người chưa được cứu mà ông có quan hệ không?(Co 4:5 ITE 4:12).

Không vị mục sư nào từng cảm thấy rằng mình trọn vẹn theo như yêu cầu đề ra, và các tín hữu của ông cần phải cầu nguyện cho ông thường xuyên. Không dễ mà hầu việc với tư cách một mục sư / trưởng lão, nhưng thật dễ dàng hơn nhiều nếu tính cách của bạn trọn vẹn như điều Đức Chúa Trời mong muốn.

## Người chấp sự (ITi 3:8-13)

Từ tiếng Anh “chấp sự” là một sự chuyển tự của từ Hy Lạp diakonos đơn giản có nghĩa là “người tôi tớ”. Có thể là nguồn gốc của các chấp sự được ghi lại trong Cong 6:1-15. Các chấp sự đầu tiên được chỉ định để trợ giúp cho các sứ đồ. Trong một Hội Thánh địa phương ngày nay, các chấp sự giúp san sẻ bớt các gánh nặng khác cho các mục sư / các trưởng lão để họ có thể tập trung vào chức vụ giảng dạy Lời Đức Chúa Trời, cầu nguyện, và giám sát thuộc linh.

Ngay cho dù các chấp sự không được ban cho thẩm quyền của các trưởng lão, họ vẫn phải thoả đáp những điều kiện nào đó. Nhiều chấp sự trung tín đã được lập làm trưởng lão sau khi họ đã chứng tỏ phẩm chất của chính mình.

A. *Trang nghiêm* (ITi 3:8). Một chấp sự cần phải đáng tôn kính một người có tính cách Cơ Đốc đáng phải noi theo. Một chấp sự cần phải xem trọng trách nhiệm của mình và sử dụng chức vụ, chớ không chỉ làm đầy chức vụ đó mà thôi.

B. *Không nói hai lời* (3:8). Người ấy không mách lẻo từ nhà này sang nhà khác người ấy không hay nói chuyện tầm phào. Người ấy không nói với người này một điều này và rồi nói với người khác một điều hoàn toàn trái ngược. Bạn có thể tin vào những gì người ấy nói.

C. *Không ghiền rượu* (3:8). Chúng ta đã bàn luận điều này trong lời chú thích ở câu 3.

D. *Không tham lợi phi nghĩa* (3:8). Các chấp sự quản lý các của dâng và phân phối tiền bạc cho những người nghèo thiếu trong Hội Thánh. Việc này có thể cám dỗ người ấy ăn cắp, hoặc sử dụng ngân quỹ theo những cách thức vị kỷ. Các uỷ ban tài chánh trong các Hội Thánh cần có một thái độ thuộc linh đối với tiền bạc.

E. *Đạo lý lành mạnh* (3:9). Từ “màu nhiệm” có nghĩa là “chân lý đã từng được giấu kín nhưng hiện nay đã được bày tỏ bởi Đức Chúa Trời”. Những giáo lý lớn lao của đức tin được che khuất đối với những kẻ không có đức tin, nhưng có thể được những người tin Chúa am hiểu. Các chấp sự phải hiểu giáo lý Cơ Đốc và lấy lương tâm thanh sạch vâng giữ đạo ấy. Thật thiếu sót nếu chỉ ngồi trong các buổi nhóm và quyết định phải “điều hành Hội Thánh” như thế nào. Họ phải đặt các quyết định của mình trên nền tảng Lời Đức Chúa Trời, và họ phải hỗ trợ các quyết định ấy bằng đời sống tin kính của mình.

Tôi đã nhận thấy là một số chức viên trong Hội Thánh biết những cơ cấu tổ chức Hội Thánh của mình rõ hơn là biết Lời Đức Chúa Trời. Việc có những luật lệ và phép tắc của địa phương thật tốt để giúp duy trì trật tự, nhưng điều quan trọng là phải điều hành công việc của một Hội Thánh trên nền tảng của Lời Đức Chúa Trời. Lời Thánh Kinh là “cơ cấu tổ chức” của Hội Thánh đầu tiên! Một người chấp sự không hiểu biết Kinh Thánh là một điều ngăn trở đối với sự tiến triển trong một hội chúng địa phương.

Một người bạn mục sư của tôi, hiện nay đã về Nước Chúa, đảm nhận một Hội Thánh vốn tách ra từ một Hội Thánh khác và thường xuyên tranh chiến với bản thân mình. Qua những điều ông thuật lại với tôi, những buổi họp bàn công việc của họ là một điều gì đó phải lưu tâm! Cơ cấu tổ chức của Hội Thánh được sùng kính gần như tương đương với Kinh Thánh. Người ta gọi nó là “quyển sách xanh”. Người bạn tôi bắt đầu dạy cho các tín hữu Lời Đức Chúa Trời, và Thánh Linh bắt đầu biến đổi đời sống họ. Nhưng kẻ thù bắt tay hành động và xui giục một số chức viên thách thức vị mục sư của mình trong một cuộc họp.

“Ông không đang vâng giữ theo quyển sách xanh!” họ nói.

Người bạn của tôi giờ cao quyền Kinh Thánh lên và hỏi, “Chúng ta sẽ vâng theo Lời Đức Chúa Trời, hay một quyển sách xanh do con người viết ra? Đây là một bước ngoặt trong Hội Thánh, và rồi Đức Chúa Trời ban phước với sự tăng trưởng và năng quyền lạ lùng.

Một chấp sự không hiểu biết Lời của Đức Chúa Trời không thể nào điều hành công việc của Hội Thánh Đức Chúa Trời. Một người chấp sự không sống theo Lời Đức Chúa Trời, nhưng có một “luơng tâm ô uế,” không thể nào điều hành Hội Thánh của Đức Chúa Trời được. Chỉ vì một thành viên trong Hội Thánh có tiếng tăm, thành đạt trong công việc, hay rộng rãi trong sự dâng hiến không có nghĩa là người ấy đủ tư cách để hầu việc trong cương vị một chấp sự.

F. *Được thử nghiệm* (3:10). Điều này ám chỉ việc theo dõi đời sống của họ và xem thử họ ăn ở như thế nào. Trong hầu hết các Hội Thánh, một thành viên mới hoặc một Cơ Đốc Nhân mới có thể bắt đầu hầu việc Đức Chúa Trời trong sự thăm viếng, dẫn dắt, giúp đỡ trong Trường Chúa nhật, và rất nhiều cách khác nữa. Đây là nguyên tắc trong Mat 25:21: “Người đã trung tín trong việc nhỏ, ta sẽ lập người coi sóc nhiều.”

Thật đáng lưu ý là nhiều nhà lãnh đạo được đề cập đến trong Kinh Thánh trước hết đã được thử nghiệm như những kẻ tội tở. Giô-sép là một kẻ tội tở tại Ai Cập trong 13 năm trước khi ông trở thành tể tướng trong xứ. Môi-se chăn chiên suốt 40 năm trước khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông. Giô-suê là tội tở của Môi-se trước khi ông trở thành người kế nghiệp Môi-se. Đa-vít đang chăn chiên cho cha mình khi Sa-mu-ên viếng thăm để xức dầu cho ông làm vua của Y-sơ-ra-ên. Ngay cả Chúa Giê-xu của chúng ta cũng đến như một kẻ tội tở và lao động như một người thợ mộc, và sứ đồ Phao-lô là một người may trại. Trước hết là một tội tở, sau đó là một người cai trị.

Lời chứng của một Hội Thánh địa phương luôn bị suy yếu đi khi một tín hữu chưa được thử nghiệm lại được lập làm chức viên của Hội Thánh. “Có thể Jim sẽ tham gia Hội Thánh nhiều hơn nếu chúng ta lập anh ấy làm chấp sự,” là một lời phát biểu cho thấy sự không hiểu biết cả đôi với Jim lẫn với Lời của Đức Chúa Trời. Một Cơ Đốc Nhân chưa được thử nghiệm là một Cơ Đốc Nhân chưa được chuẩn bị. Người ấy có thể sẽ đem đến nhiều tai hại hơn là lợi ích nếu bạn giao cho người ấy một chức vụ trong Hội Thánh.

G. *Gia đình tin kính* (ITi 3:11-12). Vợ của chấp sự là một phần của chức vụ người ấy, vì sự tin kính phải bắt đầu tại gia đình. Các chấp sự không được là những người đã ly dị và tái hôn. Vợ họ phải là người tin Chúa, là những người nữ nghiêm trang trong sự hầu việc Chúa, không nói xấu (nghĩa đen là “không phải là những kẻ quý quyết,” vì từ “kẻ quý quyết” hay “ma quý” có nghĩa là “kẻ nói vu, kẻ kiện cáo giả dối”), và trung tín trong mọi việc họ làm. Buồn thay khi nhìn thấy sự thiệt hại gây ra cho một Hội Thánh địa phương khi vợ của các trưởng lão hoặc chấp sự nói hành và nói xấu, nói vu cho người khác.

Một số người nghiên cứu cho rằng câu 11 không phải ám chỉ vợ của các chấp sự, mà nói đến một thứ bậc khác của những người hầu việc Chúa – các nữ chấp sự. Nhiều Hội Thánh có nữ chấp sự trợ giúp cho công tác phụ nữ, trong các lễ báp-tem, trong những lần thông công, v.v... Phê-bê là một nữ chấp sự tại Hội Thánh ở Xen-cơ-rê (Ro 16:1, từ được dùng là diakonon). Có lẽ trong một số Hội Thánh, vợ các chấp sự thực tế đã hầu việc với tư cách nữ chấp sự. Chúng ta cảm tạ Đức Chúa Trời vì sự hầu việc Chúa của những người nữ tin kính tại Hội Thánh địa phương, dù họ có nắm giữ các chức vụ hay không! Không cần phải giữ một chức vụ để có một công tác hầu việc Chúa hoặc sử dụng ân tứ Chúa ban.

H. *Sốt sắng đối với công việc* (ITi 3:13). Người ấy phải sử dụng chức vụ, chớ không chỉ giữ chức vụ mà thôi. Từ Hy Lạp dịch là “cấp bậc (như trong quân đội), một cái nền, một

bạc thang, hoặc một thanh ngang trên một cái thang. Thật là khích lệ biết bao đối với một chấp sự trung tín! Đức Chúa Trời sẽ “thăng chức” cho người ấy về mặt thuộc linh và ban cho người ấy ngày càng được tôn trọng hơn giữa vòng các thánh đồ, nghĩa là người ấy có những cơ hội to lớn hơn để hầu việc Ngài. Một chấp sự trung tín có một chỗ đứng tốt đẹp trước mặt Đức Chúa Trời và con người, và có thể được Đức Chúa Trời dùng để xây dựng Hội Thánh. Người ấy có sự dạn dĩ thuộc linh giúp cho sự hầu việc Chúa được hữu hiệu.

Chắc chắn một phần của phước hạnh này có thể bao gồm khả năng của việc “thăng tiến về mặt tâm linh”. Thật vui mừng biết bao cho một mục sư khi nhìn thấy các chấp sự trở thành các trưởng lão, và rồi nhìn thấy một số trưởng lão được kêu gọi vào chức vụ chăn bầy trên nền tảng hầu việc Chúa trọn thời gian. (Chúng ta cần phải nhớ rằng, trong các Hội Thánh thời Tân Ước, các trưởng lão được kêu gọi ra từ các hội chúng địa phương của chính mình. Họ không phải từ những nơi khác đến).

Hầu việc trong Hội Thánh địa phương là một vấn đề hệ trọng. Mỗi một người trong chúng ta phải tra xét tâm lòng riêng của mình để chắc chắn là mình đủ tư cách, bởi ân điển của Đức Chúa Trời.

### 3. Các tín hữu (ITi 3:14-16)

Các trưởng lão, chấp sự, và các tín hữu trong Hội Thánh cần được nhắc nhở đến ý nghĩa của một Hội Thánh địa phương. Trong phân đoạn ngắn ngủi này, Phao-lô nêu lên ba bức tranh của Hội Thánh.

A. *Nhà của Đức Chúa Trời* (ITi 3:15). Hội Thánh của Đức Chúa Trời là một gia đình, vì vậy dịch là “gia đình” có lẽ thích hợp hơn. Một trong những từ Phao-lô ưa thích dùng nhất là “anh em” (ITi 4:6). Khi một tội nhân tin nhận Chúa Giê-xu Christ làm Cứu Chúa, người ấy lập tức được sinh lại trong gia đình của Đức Chúa Trời (Gi 1:11-13 IPhi 1:22-25). Phao-lô khuyên chàng trai trẻ Ti-mô-thê phải đối xử với các tín hữu của Hội Thánh địa phương như đối xử với các thành viên của gia đình riêng mình vậy (ITi 5:1-2).

Bởi vì Hội Thánh địa phương là một gia đình, nên nó phải được nuôi dưỡng và đồ ăn thường ngày giúp nuôi dưỡng các tín hữu là Lời của Đức Chúa Trời. Đó là bánh của chúng ta (Mat 4:4), là sữa và thịt (ICo 3:1-2 He 5:12-14) và là mật ngọt (Thi 119:103). Một mục sư phải dành thời gian nuôi dưỡng chính mình để rồi ông có thể nuôi dưỡng những kẻ khác (ITi 4:6). Một Hội Thánh không tăng trưởng bởi sự thêm vào, mà là bởi sự nuôi dưỡng (Eph 4:11-16). Thật đáng buồn khi nhìn thấy cách một số mục sư phí phạm thời giờ của họ (và thời giờ của Hội Thánh họ) suốt cả tuần dài và rồi không có gì bổ dưỡng để ban phát cho các tín hữu vào Ngày của Chúa.

Giống như một gia đình, một Hội Thánh cần sự sửa phạt trong tình yêu thương. Con cái không được sửa phạt trở nên những kẻ phản loạn và bạo ngược. Những người lãnh đạo thuộc linh của hội chúng cần thực hành sự sửa phạt (ICo 5:1-13 IICo 2:6-11 ICo 4:18-21). Có những lúc con cái cần sự quở trách có những lúc khác sự sửa phạt phải nghiêm khắc hơn.

Con cái cũng cần được khích lệ và nêu gương tốt (ITe 2:7-12). Những người lãnh đạo thuộc linh phải có sự mềm mại của một người mẹ chăm sóc nâng niu và sự mạnh mẽ của một người cha đầy yêu thương âu yếm.

B. *Hội chúng* (ITi 3:15). Từ “Hội Thánh” là dịch từ chữ Hy Lạp *ekklesia* (*ek-klay-SEE-a*) có nghĩa là “buổi nhóm họp.” Nó liên hệ tới những cuộc họp có tính cách chính trị tại các thành phố Hy Lạp (Cong 19:29,32) nơi mà công việc được giải quyết bởi những công dân

đủ tư cách. Nhưng từ này được dùng khoảng 100 lần trong Tân Ước để ám chỉ các Hội Thánh địa phương, các buổi nhóm họp của các tín đồ. Từ Hy Lạp có nghĩa là “những kẻ được kêu gọi ra khỏi.” (Từ này được dùng trong Cong 7:38 để mô tả dân tộc Y-sơ-ra-ên, đã được kêu gọi ra khỏi Ai Cập, nhưng Y-sơ-ra-ên không phải là một “Hội Thánh” trong ý nghĩa của Tân Ước.)

Phao-lô mong muốn chàng trai trẻ Ti-mô-thê biết “cư xử” như thế nào với tư cách một người lãnh đạo của một hội chúng địa phương. Các Thư tín Giám mục là những sách chỉ dẫn về cách cư xử của một Hội Thánh địa phương. Nhiều quyển sách đã được xuất bản trong những năm gần đây, ngụ ý chỉ cho chúng ta cách bắt đầu, xây dựng, và gia tăng một Hội Thánh địa phương và một số quyển chứa đựng những lời khuyên hữu ích. Tuy nhiên, lời khuyên hay nhất cho việc quản lý một Hội Thánh địa phương được tìm thấy trong ba bức thư được linh cảm này. Vị mục sư trẻ trong Hội Thánh đầu tiên của mình, cũng như những người kỳ cựu nhiều kinh nghiệm trong chức vụ, cần phải giữ chính mình bảo hoà với những lời dạy dỗ Phao-lô chia sẻ với Ti-mô-thê và Tít.

Có nhiều loại “hội chúng” khác nhau, nhưng Hội Thánh là hội chúng của Đức Chúa Trời hằng sống. Vì cố đó là hội chúng của Đức Chúa Trời, nên Ngài có quyền truyền dạy chúng ta cần phải quản trị nó như thế nào. Hội Thánh đã được chuộc mua bởi huyết của Con Đức Chúa Trời (Cong 20:28) do đó, chúng ta phải cẩn trọng trong cách cư xử của mình. Các chức viên của Hội Thánh không được trở thành những kẻ độc tài về tôn giáo lạm dụng người khác để đạt những mục tiêu vị kỷ của riêng mình (IPhi 5:3-5 IIIGi 1:9-12).

C. *Trụ và nền của lễ thật* (ITi 3:15-16). Đây là một hình ảnh thuộc về kiến trúc, và nó có nhiều ý nghĩa với Ti-mô-thê tại Ê-phê-sô vì đền thờ vĩ đại của nữ thần Đi-anh có 127 cột trụ. Từ “nền” ám chỉ một bức tường thành hoặc một vật chống đỡ. Hội Thánh địa phương được xây dựng trên nền Chúa Giê-xu Christ là chân lý (Gi 14:6 ICo 3:9-15) nhưng Hội Thánh địa phương tự nó cũng là một cột trụ và vật chống đỡ cho chân lý.

Khía cạnh cột trụ của công tác Hội Thánh liên hệ chủ yếu tới việc trình bày chân lý của Lời Đức Chúa Trời, y như một cái tượng được đặt trên một cái bệ để cho tất cả mọi người đều có thể nhìn thấy nó. Chúng ta phải giữ lấy “Lời (đạo) của sự sống” hầu cho thế gian có thể nhìn thấy đạo ấy (Phi 2:15). Hội Thánh địa phương phô bày Chúa Giê-xu Christ trong đời sống của các tín hữu trung tín.

Như là một vật chống đỡ, Hội Thánh bảo vệ chân lý và làm cho nó chắc chắn không bị sụp đổ (vì ở một nơi nào khác “chân lý vấp ngã giữa đường phố, và sự ngay thẳng chẳng được vào” – Es 59:14). Khi các Hội Thánh địa phương xoay khỏi chân lý (ITi 4:1) và thoả hiệp trong chức vụ của mình, thì kẻ thù lấn tới. Đôi khi các nhà lãnh đạo Hội Thánh phải chiến đấu chống lại với tội lỗi và sự bội đạo. Điều này không làm cho họ nổi tiếng, nhưng nó thực sự làm đẹp lòng Chúa.

Chân lý chính yếu mà một Hội Thánh cần phải làm chứng là thân vị và công vụ của Chúa Giê-xu Christ (ITi 3:16 – có lẽ là câu này được trích từ một bài thánh ca của các tín hữu Hội Thánh đầu tiên). Chúa Giê-xu Christ là Đức Chúa Trời được bày tỏ trong xác thịt, không chỉ vào lúc Ngài giáng sinh, nhưng trong suốt cả chức vụ của Ngài trên đất (Gi 14:1-9). Mặc dầu dân sự của chính Ngài với tư cách một dân tộc đã chối bỏ Ngài, Chúa Giê-xu Christ đã được ấn chứng bởi Thánh Linh vì Thánh Linh đã ban cho Ngài năng quyền để làm các phép lạ và thậm chí đã khiến Chính mình Ngài sống lại từ kẻ chết (Ro 1:4). Chính sự hiện diện của Thánh Linh trong thế gian tự nó là một sự phán xét đối với thế gian này (Gi 16:7-11).

Được thiên sứ trông thấy ám chỉ vô số lần mà các thiên sứ được chọn cùng cộng tác với đời sống và chức vụ của Chúa chúng ta. (Từ angelos, được dịch là “thiên sứ,” cũng có nghĩa là “sứ giả.” (Gia 2:25). Có lẽ Phao-lô đang ám chỉ các sứ giả được chọn lựa là những người làm chứng về Đấng Christ phục sinh.) Tuy nhiên, Đấng Christ đã không chết thay cho các thiên sứ, nhưng thay cho những tội nhân hư mất và vì thế Ngài được rao giảng ra cho các dân tộc. Điều này nhắc chúng ta nhớ đến những mệnh lệnh Chúa giao cho Hội Thánh Ngài là đem Phúc Âm đến tận các đầu cùng đất, nơi Ngài được mọi người tin cậy. Vào lúc thăng thiên, Ngài đã được cất lên trong sự vinh hiển (Cong 1:2,22) và một ngày kia Ngài sẽ trở lại để cất Hội Thánh Ngài lên cùng chia sẻ sự vinh hiển ấy.

Thật là một thách thức thú vị biết bao đối với Hội Thánh địa phương của bạn khi làm chứng về Chúa Giê-xu Christ cho những tội nhân hư mất tại quê hương, và khắp thế giới!

#### **4. CÁCH THỨC ĐỂ TRỞ NÊN MỘT NGƯỜI CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI (ITi 4:1-16)**

Nếu bạn dự định viết cho mục sư của mình một bài miêu tả công việc ông cần phải làm, thì nó sẽ gồm những gì? Dem so với bài miêu tả bản thân ông có thể viết thì nó sẽ thế nào? Chúng ta thấy đều biết rằng một mục sư giảng dạy thường xuyên, cử hành lễ hôn phối và các buổi nhóm họp thờ phượng khác, thăm viếng người đau, và khuyên bảo những kẻ buồn khổ. Nhưng chức vụ của ông là gì, và ông phải thuộc tuýp người nào để làm trọn chức vụ đã được Đức Chúa Trời giao phó?

Trong phân đoạn này của thư tín gửi cho Ti-mô-thê, Phao-lô nhấn mạnh đặc tính và công việc của bản thân một người hầu việc Chúa và ông liệt kê ba phẩm chất mà một người hầu việc phải có nếu người ấy muốn được thành công trong việc phục sự Đức Chúa Trời.

##### **1. Một người hầu việc tốt, rao giảng Lời Đức Chúa Trời (ITi 4:1-6)**

Phao-lô đã cảnh cáo các trưởng lão tại Ê-phê-sô rằng các giáo sư giả sẽ tràn vào Hội Thánh (Cong 20:28-31) và hiện nay họ đã đến. Đức Thánh-Linh đã phán tỏ tường về các giáo sư này, và lời tiên tri đang bắt đầu được ứng nghiệm vào thời của Phao-lô. Chắc hẳn nó được ứng nghiệm trong thời đại của chính chúng ta nữa! Chúng ta có thể nhận ra các giáo sư giả qua lời mô tả của Phao-lô trong đoạn này.

A. *Họ được Sa-tan ban năng lực* (ITi 4:1). Đây là chỗ duy nhất ma quỷ được đề cập đến trong các Thư tín Giám mục. Giống như có “sự mâu nhiệm của sự tin kính” liên quan đến Đấng Christ (ITi 3:16), thì cũng có “sự mâu nhiệm của điều bội nghịch” vây quanh Sa-tan và việc làm của nó (IITe 2:7). Sa-tan là một kẻ bắt chước (IICo 11:13-15) nó có những kẻ hầu việc và các đạo lý riêng của nó và tìm cách lừa dối dân sự của Đức Chúa Trời và dẫn họ đi lạc đường (IICo 11:3). Thử nghiệm đầu tiên của bất cứ đạo giáo nào là đạo ấy nói gì về Chúa Giê-xu Christ (IGi 4:1-6).

Một số người sững sốt trước việc Sa-tan sử dụng những người tự nhận là Cơ Đốc Nhân trong Hội Thánh để hoàn tất công việc của nó. Nhưng Sa-tan đã từng sử dụng Phi-e-rơ để cố tìm cách dẫn Chúa Giê-xu vào con đường sai lạc (Mat 16:21-23), và nó sử dụng A-na-nia và Sa-phia-ra để cố tìm cách dối gạt Hội Thánh tại Giê-ru-sa-lem (Cong 5:1-42). Phao-lô cảnh cáo rằng các giáo sư giả sẽ xuất hiện từ trong Hội Thánh (Cong 20:30).

B. *Họ dẫn người ta đi lạc đường* (ITi 4:1). Mục tiêu của chúng là đổ dành mọi người và làm cho họ tách khỏi đức tin. Đây là từ “sự bội đạo,” và nó được định nghĩa là “việc cố



tình xoay khỏi chân lý của đức tin Cơ Đốc”. Các giáo sư giả này không cố tìm cách xây dựng Hội Thánh hay liên kết người ta với Chúa Giê-xu Christ trong một cách thức sâu đậm hơn. Thay vào đó họ mong muốn làm cho các môn đệ đi theo họ và gia nhập vào nhóm của họ và đẩy mạnh các chương trình của họ. Đây là một sự khác biệt giữa một Hội Thánh thật và một tà giáo: Một Hội Thánh thật tìm cách chinh phục những người trở lại với Chúa Giê-xu Christ và gây dựng họ về mặt thuộc linh trong khi đó một tà giáo thu phục tín đồ, cướp lấy những người mới tin đạo từ các tôn giáo khác, và khiến họ trở nên tội lỗi (thậm chí nô lệ) của những người lãnh đạo của tà giáo họ. Tuy nhiên, không phải tất cả những kẻ bội đạo đều ở trong các tà giáo một số những người này ở trong các Hội Thánh và các tòa giảng, dạy dỗ các đạo lý giả dối và dẫn người ta đi lạc đường.

**C. Họ là những kẻ giả hình** (4:2). “Các người nhờ những trái của chúng mà biết được chúng” (Mat 7:15-20). Các giáo sư giả này giảng dạy một đường mà làm một nẻo. Họ truyền dạy các môn đệ mình những việc phải làm, nhưng chính mình họ lại không hề làm những việc đó. Sa-tan hành động “bởi sự giả hình của những kẻ lừa dối” (dịch sát nghĩa đen, ITi 4:2). Một trong những dấu hiệu của một tội lỗi thật của Đức Chúa Trời là sự chân thật và tính ngay thẳng: Người ấy thực hành những gì mình giảng dạy. Điều này không có nghĩa là người ấy hoàn toàn trọn vẹn, nhưng người ấy thật lòng tìm cách vâng theo Lời phán của Đức Chúa Trời. Người ấy cố gắng giữ một lương tâm tốt (1:5, 19 3:9).

Từ “chai lì” nghĩa là “bị chai cứng.” Giống như thịt của một người có thể bị “đốt bằng sắt nung” để nó trở nên cứng và không còn cảm giác nữa, cũng vậy lương tâm của một người có thể bị làm cho u mê. Hễ khi nào chúng ta xác quyết trên môi miệng một điều gì đó mà đời sống chúng ta không chịu làm theo (dù cho người khác có biết điều đó hay không), tức chúng ta đã làm cho lương tâm mình u mê thêm một chút nữa. Chúa Giê-xu đã vạch rõ rằng một người đủ điều kiện để vào thiên đàng không phải do việc nói tin kính suông hay thậm chí thực hiện các phép lạ, mà là do làm theo ý muốn Đức Chúa Trời trong đời sống hàng ngày (Mat 7:21-29).

Một kẻ bội đạo không phải chỉ sai lạc về đạo lý thôi người ấy còn sai lạc về đạo đức nữa. Đời sống cá nhân người ấy trở nên sai trật trước khi các đạo lý của người ấy thay đổi. Thật ra, có thể là người ấy đã thay đổi những sự dạy dỗ của mình để có thể tiếp tục đời sống tội lỗi và trấn an lương tâm mình. Niềm tin và cách sống luôn đi đôi nhau.

**D. Họ chối bỏ lời Đức Chúa Trời** (ITi 4:3-5). Các giáo sư giả tại Ê-phê-sô kết hợp việc tuân giữ luật pháp Do Thái với việc khổ tu Đông phương. Bạn thấy Phao-lô đề cập tới cùng đạo lý giả dối này trong bức thư của ông gửi cho người Cô-lô-se (đặc biệt Co 2:8-23). Về một mặt, họ dạy rằng sống độc thân thì thuộc linh hơn là kết hôn, vốn là điều trái ngược với Thánh Kinh. “Loài người ở một mình thì không tốt”, là lời phán của chính Đức Chúa Trời (Sa 2:18). Chúa Giê-xu đã xác định sự tán đồng của Ngài đối với hôn nhân (Mat 19:1-9), mặc dầu Ngài vạch rõ rằng không phải mọi người đều phải kết hôn (19:10-12). Phao-lô cũng xác định nền tảng Thánh Kinh đối với hôn nhân (ICo 7:1-24), dạy rằng mỗi người cần phải vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời trong vấn đề này.

Hãy đề phòng bất cứ sự dạy dỗ có ý thức nào giả mạo sự thiết lập hôn nhân của Đức Chúa Trời. Và hãy đề phòng bất cứ sự dạy dỗ nào giả mạo sự sáng tạo của Đức Chúa Trời. Các giáo sư giả đang đầu độc Hội Thánh tại Ê-phê-sô dạy rằng một số thức ăn nào đó bị kiêng cử nếu bạn ăn những thức ăn đó thì bạn không thuộc linh. Sự kiện Đức Chúa Trời gọi các tạo vật của chính Ngài là “tốt lành” (Sa 1:10,12,18,21,25) đã không làm các giáo sư này quan tâm. Thảm quyền đòi hỏi những sự kiêng cử của họ đem đến cho họ quyền hành trên những người trở lại đạo.

Những người “tin và biết chân lý” không bị tác động bởi những điều ‘hãy’ và ‘đừng’ của những người tuân giữ pháp luật. Chúa Giê-xu đã phán rằng mọi thứ thức ăn đều tinh sạch (Mac 7:14-23). Ngài lại dạy bài học này một lần nữa cho Phi-e-rơ (Cong 10:1-48), và tái khẳng định nó qua Phao-lô (ICo 10:23-33). Một người không thể ăn được một số thức ăn nào đó vì những lý do thể chất (bị dị ứng, chẳng hạn) nhưng không thức ăn nào được định là không ăn được vì những lý do thuộc linh. Tuy nhiên, chúng ta không nên dùng quyền tự do ăn uống của mình để huỷ phá những Cơ Đốc Nhân yếu đuối hơn (Ro 14:13-23). Thức ăn chúng ta ăn được thánh hoá (biệt riêng, dâng lên cho Đức Chúa Trời) khi chúng ta cầu nguyện và cảm ơn vì thể Lời của Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện biến ngay đến một bữa ăn bình thường thành một sự hầu việc thuộc linh vì có sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (ICo 10:31).

Điểm nhấn mạnh trong đời sống một người hầu việc Chúa cần phải là “Lời của Đức Chúa Trời và sự cầu nguyện” (ITi 4:5). Thật đáng buồn khi một Hội Thánh cứ để cho vị mục sư của mình quá bận bịu với những công tác phục dịch đến nỗi họ khó mà có được thời gian để nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời và cầu nguyện (Cong 6:1-7). Phao-lô nhắc nhở chàng trai trẻ Ti-mô-thê về trách nhiệm lớn lao của mình là nghiên cứu, dạy dỗ, và rao giảng Lời Thánh Kinh, và dành thời gian trong sự cầu nguyện. Là một “người hầu việc Chúa tốt” ông phải được “nuôi dưỡng bởi các lời của đức tin” (ITi 4:6). Ti-mô-thê có những trách nhiệm nào đó trong ánh sáng của sự bội đạo đang gia tăng này.

E. *Dạy dỗ cho Hội Thánh chân lý* (4:6a). Dân sự Đức Chúa Trời cần được cảnh tỉnh trước đạo lý giả dối và sự bội đạo. Một người hầu việc Chúa không được chỉ chuyên về những đề tài này, vì người ấy bị buộc phải dạy “mọi ý muốn của Đức Chúa Trời” (Cong 20:27) nhưng người ấy cũng không nên bỏ qua những điều đó. Khi chúng ta đi trên các đường phố và xa lộ, chúng ta nhìn thấy hai loại bảng hiệu: những bảng hiệu chỉ cho chúng ta biết mình đang đi đâu (“Boston 45 dặm”) và những bảng hiệu báo trước cho chúng ta những nguy hiểm có thể xảy ra (“Coi chừng cầu sập!”). Một vị mục sư phải dạy đạo lý tích cực để mọi người sẽ biết mình tin gì và mình đang đi đâu. Nhưng ông cũng phải vạch trần đạo lý giả dối để mọi người sẽ không bị đổ dằn và dẫn đi lạc đường.

F. *Người ấy phải tự nuôi mình bằng Lời Chúa* (ITi 4:6b). Dĩ nhiên, mọi Cơ Đốc nhân cần phải được nuôi dưỡng hàng ngày bằng Lời Chúa (Mat 4:4 IPhi 2:2 Gie 15:16) nhưng điều đặc biệt quan trọng là một mục sư phải tăng trưởng trong Lời Chúa. Chính bởi việc hàng ngày nghiên cứu “đạo lành” và suy gẫm Lời ấy mà ông sẽ tăng trưởng trong Chúa và có khả năng dẫn dắt Hội Thánh.

“Kẻ giúp việc ngay lành” rao giảng Lời mà bản thân người ấy được nuôi dưỡng hàng ngày. Nhưng rao giảng Lời Chúa không, chưa đủ người ấy cũng phải thực hành lời ấy nữa.

## 2. Một người hầu việc tin kính, thực hành Lời Chúa (ITi 4:7-12)

Phao-lô chuyển sang một hình ảnh minh hoạ về điển kinh tại điểm này của bức thư ông viết. Giống như một vận động viên Hy Lạp hoặc La Mã phải từ chối những điều nào đó, ăn thức ăn thích hợp, và tập luyện thân thể thích hợp, cũng vậy Cơ Đốc nhân cần phải thực hành “việc rèn luyện về tâm linh.” Nếu một Cơ Đốc nhân tập trung tối đa năng lực và kỷ luật vào đời sống tâm linh của mình y như một vận động viên tập trung hết sức lực và kỷ luật vào cuộc thi đấu của người ấy, thì Cơ Đốc nhân đó tăng trưởng nhanh hơn và làm được nhiều điều hơn cho Đức Chúa Trời. Phao-lô thảo luận trong phân đoạn này ba mức độ của sự sống:

A. *Mức độ tệ hại – “lời hư ngụy phạm tục và chuyện ngòi lê đôi mách”* (ITi 4:7a). Dĩ nhiên, những điều này là sự dạy dỗ và truyền thống giả dối của những kẻ bội đạo. Những đạo

lý này không có nền tảng trong Thánh Kinh thật ra, chúng trái ngược với Lời của Đức Chúa Trời. Chúng là loại dạy dỗ mà những kẻ ngu xuẩn thích bàn cãi, chớ không phải những người nam và nữ sốt sắng học hỏi Lời Chúa! Không nghi ngờ gì những sự dạy dỗ này bao gồm những đạo lý giả dối vừa được nêu trên (ITi 4:2-3). Phao-lô cũng cảnh tỉnh Tít về những “chuyện huyền của người Do thái” (Tit 1:14). Phao-lô cảnh tỉnh Ti-mô-thê về cùng những “chuyện huyền” này trong bức thư thứ nhì của ông (IITi 4:4)

Một tín đồ không thể nhận ra những đạo lý mới. Phao-lô khuyên Ti-mô-thê hãy cứ chân thành với “đạo lành mà con đã theo sát cho đến hiện nay” (4:6b, dịch sát nghĩa đen). Ông cảnh cáo Ti-mô-thê chớ “chú ý đến những phù ngôn (chuyện huyền) và gia phả vô cùng” (ITi 1:4). Một mục sư phải biết kẻ thù đang dạy dỗ điều gì, nhưng ông không được bị tác động bởi sự dạy dỗ ấy. Một nhà hoá học có thể pha chế và nghiên cứu thuốc độc, nhưng ông không được để cho chúng xâm nhập vào cơ thể mình.

B. *Mức độ tạm thời - “sự tập tành thân thể”* (4:7-8). Một lần nữa, đây là một hình ảnh về thể thao. Hẳn nhiên chúng ta cần chăm sóc cho thân thể của mình, và sự luyện tập là một phần của sự chăm sóc ấy. Thân thể chúng ta là đền thờ của Đức Chúa Trời, phải được sử dụng cho sự vinh hiển của Ngài (ICo 6:19-20), và là đồ dùng để hầu việc Ngài (Ro 12:1-2). Nhưng sự luyện tập thân thể mang lại lợi ích cho chúng ta chỉ trong đời này mà thôi sự tập tành tin kính mang lại lợi ích cho bây giờ và cho cả cõi đời đời nữa. Phao-lô không yêu cầu Ti-mô-thê chọn lựa giữa hai điều này tôi cho rằng Đức Chúa Trời mong đợi chúng ta thực hành cả hai. Một thân thể khoẻ mạnh có thể được Đức Chúa Trời sử dụng, nhưng chúng ta phải chuyên tâm về sự thánh khiết.

C. *Mức độ đời đời – “sự tin kính”* (4:7-8). Phillips Brooks đã nói, “Mục đích lớn lao của cuộc sống – đó là việc hình thành tính cách bởi chân lý”. Tính cách và đạo đức tin kính thì quan trọng hơn nhiều so với những chiếc cúp môn đánh gôn hay những kỷ lục trong môn bóng chày, mặc dù một người có thể có cả hai điều trên. Phao-lô thách thức Ti-mô-thê hãy sốt sắng đối với sự tin kính giống như một vận động viên hết lòng với môn thể thao của mình. Chúng ta đang sống và nỗ lực cho cõi đời đời.

Phao-lô dùng hai hình ảnh về thể thao tương tự nhau trong khi viết thư cho người Cô-rinh-tô (ICo 9:24-27), nhấn mạnh những kỷ luật cần thiết cho đời sống tin kính. Như một vận động viên phải điều khiển thân thể mình và tuân theo những luật lệ, cũng vậy một Cơ Đốc nhân phải bắt thân thể mình làm tôi cho mình chớ không phải làm chủ mình. Khi nhìn những đội bóng đá và bóng chày của trường trung học đang luyện tập môn thể dục của họ dưới ánh nắng mùa hè gay gắt, tôi được nhắc nhở rằng có những sự luyện tập thuộc linh mà lẽ ra tôi phải đang thực hiện (He 5:14). Sự cầu nguyện, suy gẫm Lời Chúa, tự tra xét mình, sự thông công, sự hầu việc, hy sinh, vâng phục ý muốn của người khác, việc làm chứng – tất cả những điều này có thể giúp đỡ tôi, qua sự vận hành của Thánh Linh, trở nên một người tin kính hơn.

Sự luyện tập thuộc linh không dễ dàng, chúng ta phải “khó nhọc và đánh trận (chiến đấu)” (ITi 4:10a). “Vì điều này chúng ta khổ nhọc và cố gắng”. Từ dịch là “cố gắng” là một từ về thể thao, từ đó chúng ta có từ Tiếng Anh là “chịu đau đớn”. Đây là bức tranh của một vận động viên đang cố gắng và nỗ lực hết sức mình để thắng. Một Cơ Đốc Nhân muốn trôi vượt lên phải thật sự nỗ lực trong đó, nhờ ân điển của Đức Chúa Trời và nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời.

Nhưng tự luyện tập trong đời sống tin kính không chỉ có lợi cho chúng ta nó cũng đem lợi ích đến cho những người khác nữa (4:11-12). Nó giúp chúng ta có thể trở nên những gương mẫu tốt đẹp, để rồi chúng ta khích lệ người khác. Phao-lô kể ra một số lãnh vực của đời sống mà bạn và tôi cần phải làm gương.

Trong lời nói (4:12) ám chỉ là lời nói của chúng ta cần phải luôn thành thật và đầy yêu thương, “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chân thật” (Eph 4:15).

Trong cách cư xử (từ “conversation” (cuộc nói chuyện) của bản KJV có nghĩa là “walk” (sự bước đi), chứ không phải “talk” (cuộc trò chuyện)) ám chỉ là đời sống chúng ta phải được điều khiển bởi Lời của Đức Chúa Trời. Chúng ta không được giống như những kẻ giả hình Phao-lô mô tả với Tít (Tit 1:16): “Họ xưng mình biết Đức Chúa Trời nhưng theo những việc làm thì đều từ chối Ngài.”

Trong sự yêu thương (sự nhân từ) vạch ra động cơ của đời sống chúng ta. Chúng ta không vâng lời Đức Chúa Trời để được con người khen ngợi (Mat 6:1-18), nhưng vì chúng ta yêu kính Đức Chúa Trời và yêu thương dân sự Ngài.

(Nhóm từ Trong tâm linh không có trong nhiều bản văn, nhưng nó nói lên sự sốt sắng và vui thích bên trong của một con cái Đức Chúa Trời.)

Trong đức tin ám chỉ rằng chúng ta tin cậy Đức Chúa Trời và trung tín với Ngài. Đức tin và sự yêu thương thường đi đôi với nhau (ITi 1:14 2:15 6:11 IITi 1:13 2:22). Đức tin luôn đưa đến sự trung tín.

Trong sự tinh sạch là điều quan trọng khi chúng ta sống trong thế giới tội lỗi hiện nay. Ê-phê-sô là một trung tâm của sự bất khiết về tình dục, và mục sư trẻ Ti-mô-thê phải đối đầu với những sự cám dỗ. Ông phải có một mối quan hệ trong sạch với những người nữ trong Hội Thánh (ITi 5:2) và giữ cho tâm trí, tấm lòng, và thân thể mình được thanh sạch.

Nhưng đời sống tin kính không chỉ giúp chúng ta và các tín hữu khác nó cũng có ảnh hưởng trên những người hư mất nữa. Phao-lô nhắc nhở mục sư Ti-mô-thê rằng Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa (ITi 4:10), và trách nhiệm của người tín đồ chính là chia sẻ Tin Mừng ấy với những người hư mất. Thật vậy ông đã viết, “Cơ Đốc nhân chúng ta đã đặt hy vọng của mình nơi Đức Chúa Trời hằng sống, còn những người hư mất không có hy vọng và không biết Đức Chúa Trời hằng sống. Tất cả những gì nhiều người trong số họ biết là những thần tượng chết không bao giờ có thể cứu được họ.”

Danh xưng “Cứu Chúa của mọi người” không hàm ý là mọi người đều sẽ được cứu (như chủ trương của thuyết phổ độ, universalism), hay là Đức Chúa Trời cứu người ta bất chấp bản thân họ thế nào vì Phao-lô thêm vào “nhất là của những kẻ tin”. Chính đức tin cứu rỗi linh hồn người ta (Eph 2:8-10). Vì Đức Chúa Trời “muốn mọi người được cứu rỗi” (ITi 2:4), và vì Đấng Christ “đã phó Chính mình Ngài làm giá chuộc mọi người” (2:6), thì bất cứ tội nhân hư mất nào cũng có thể tin nhận Đấng Christ để được cứu. Đấng Christ là “Cứu Chúa của mọi người”, vì vậy không ai cần phải tuyệt vọng.

Ti-mô-thê không nên sợ thực hành Lời Đức Chúa Trời và áp dụng lời ấy vào đời sống của Hội Thánh, vì Lời này là “một lời nói chắc chắn (trung tín) và đáng đem lòng tin trọn vẹn mà nhận lấy” (4:9). Những lời nói trung tín này cấu thành một bản tóm tắt chân lý đối với Hội Thánh ban đầu (1:15 3:1 IITi 2:11 Tit 3:8). Sự kiện Ti-mô-thê là một thanh niên (từ này lúc ấy áp dụng cho một người từ tuổi thanh niên đến 40) không ngăn ông thực hành Lời Chúa. Thực ra, ông phải “truyền dạy” những điều này, và đây là từ quân sự “truyền mệnh lệnh” của chúng ta (ITi 1:3). Hội Thánh địa phương là một đơn vị trong đội quân thuộc linh của Đức Chúa Trời, và những người lãnh đạo của Hội Thánh phải truyền các mệnh lệnh của Đức Chúa Trời cho các tín hữu với thẩm quyền và sự tin quyết.

### 3. Một người hầu việc tăng trưởng trong Lời Chúa (ITi 4:13-16)

Ý tưởng trọng tâm trong phân đoạn này là “hầu cho thiên hạ thấy sự tấn tới của con” (4:15). Từ “tấn tới” là một thuật ngữ quân sự Hy Lạp nó có nghĩa là “xung phong tiến tới.” Nó mô tả những binh sĩ đi đầu các toán quân, dẹp các trở lực, và dọn đường cho những binh sĩ khác tiến theo sau. Là một mục sư tin kính, Ti-mô-thê phải tăng trưởng về thuộc linh hầu cho toàn thể Hội Thánh có thể nhìn thấy sự tấn tới thuộc linh của ông và bắt chước theo.

Không mục sư nào có thể dẫn dắt tín hữu của mình đến nơi mà bản thân ông chưa hề đến. “Điều ta có thì ta cho người” là một nguyên tắc căn bản của đời sống và chức vụ (Cong 3:6). Vị mục sư (hoặc thành viên của Hội Thánh) không đang tăng trưởng thì thật ra đang đi thụt lùi, vì không thể nào đứng yên trong đời sống theo Chúa. Trong cách sống, sự dạy dỗ, việc rao giảng, và lãnh đạo, người hầu việc Chúa phải chứng tỏ sự tăng trưởng thuộc linh của mình. Nhưng các yếu tố nào khiến cho sự tấn tới thuộc linh có thể thực hiện được?

A. *Chú trọng vào lời Đức Chúa Trời* (ITi 4:13). “Chú trọng đến” có nghĩa là “tận hiến cho, miệt mài trong”. Sự chăm chỉ học Lời Chúa không phải là một điều gì đó Ti-mô-thê sẽ phải làm sau khi ông đã làm những việc khác đó sẽ phải là điều quan trọng nhất ông thực hiện. Đọc có nghĩa là đọc Lời Chúa lớn tiếng trước mọi người trong hội chúng tại địa phương. Người Do Thái luôn đọc to Luật pháp và các Lời Tiên tri trong các nhà hội của họ, và việc làm này cũng được thực hiện trong các Hội Thánh của Chúa. Chúa Giê-xu đọc lời Thánh Kinh trong nhà hội tại Na-xa-rét (Lu 4:16), và Phao-lô thường có những lời khuyên bảo khi đến thăm một nhà hội nào (Cong 13:15).

Trong chức vụ lưu động của mình, tôi để ý thấy nhiều Hội Thánh đã bỏ qua việc đọc Lời Đức Chúa Trời, và tôi cảm thấy thất vọng. Họ có thời gian cho “âm nhạc đặc biệt” và những thông báo bất tận, nhưng không có thời gian cho việc đọc Kinh-Thánh. Vị mục sư có thể đọc một đoạn Kinh-Thánh trước khi giảng, nhưng đó lại là một việc khác. Mỗi Hội Thánh địa phương cần có một thời khóa biểu đọc Kinh-Thánh cho những buổi nhóm chung. Thánh Kinh truyền dạy rằng chúng ta phải đọc Lời Đức Chúa Trời trong các buổi thờ phượng chung. (Tôi có thể nói thêm là những người đọc Lời Chúa trước hội chúng cần phải tự chuẩn bị cách riêng tư. Không nên mời một người nào đó “vào giây phút chót” để đọc lời Thánh Kinh trước hội chúng. Kinh-Thánh đáng để chúng ta phải dành sự ưu tiên trước hết.)

Sự khuyên bảo (ITi 4:13) nghĩa đen là “sự khích lệ” và gợi ý việc ứng dụng Lời Chúa vào đời sống tín hữu. Vị mục sư có nhiệm vụ đọc Lời Đức Chúa Trời, giải nghĩa Lời ấy, và áp dụng Lời ấy. Đạo lý có nghĩa là “sự dạy dỗ,” và là điều nhấn mạnh chính yếu trong các thư tín giám mục. Có ít nhất 22 lần nhắc đến “sự dạy dỗ” hay “đạo lý” trong 13 chương này.

“Có khả năng dạy dỗ” là một trong những phẩm chất của một người hầu việc Chúa (ITi 3:2), và có người đã nói thật đúng, “Có khả năng dạy dỗ hàm ý có khả năng học hỏi.” Một người hầu việc Chúa (hoặc tín hữu trong Hội Thánh) đang tăng trưởng phải là một người nghiên cứu Lời Đức Chúa Trời. Trước khi dạy dỗ những người khác người ấy phải dạy dỗ chính mình (Ro 2:21). Sự tấn tới thuộc linh của người ấy là một tấm gương cho bầy chiên của người và là một sự khích lệ cho những người khác.

B. *Sử dụng các ân tứ thuộc linh của bạn* (ITi 4:14). Trong những năm gần đây đã có quá nhiều điều được viết về những ân tứ thuộc linh đến nỗi chúng ta hầu như quên đi những vẻ đẹp của Thánh Linh (Ga 5:22-23). Từ “ân tứ” là từ Hy Lạp charisma. Nó chỉ có nghĩa là “một sự ban cho đầy ân điển từ Đức Chúa Trời.” (Thế giới dùng từ “charisma” (sức thu hút của lãnh tụ) để mô tả một người có cá tính đầy thu hút và có dáng vẻ của người chỉ huy.) Mọi Cơ Đốc Nhân đều được sự ban cho Thánh Linh (Ro 8:9) và ít nhất một ân tứ từ Thánh Linh (ICo 12:1-11). Sự ban cho Thánh Linh, và các ân tứ từ Thánh Linh, đều bởi Đức Chúa Trời ban cho một người vào lúc trở lại đạo (ICo 12:13).

Tuy nhiên, khi Đức Chúa Trời kêu gọi một tín đồ bước vào một vị trí đặc biệt trong chức vụ, Ngài có thể (và thường xuyên) ban một ân tứ thuộc linh cho công tác ấy. Khi Ti-mô-thê được các trưởng lão (“hội đồng trưởng lão”) phong chức, ông nhận lãnh một sự ban cho quyền năng từ Đức Chúa Trời khi các trưởng lão đặt tay trên ông. Nhưng vì một lý do nào đó, Ti-mô-thê đã xao lãng không trau dồi ơn này, là điều thật cần thiết cho sự tấn tới thuộc linh và chức vụ của ông. Thực ra thì Phao-lô đã phải khuyên bảo ông trong bức thư thứ nhì của mình, “Hãy nhen lại ơn của Đức Chúa Trời ban cho, mà con đã nhận lãnh bởi sự đặt tay của ta” (ITi 1:6).

Thật khích lệ khi biết rằng chính Đức Chúa Trời đáng kêu gọi chúng ta cũng trang bị chúng ta để làm công việc Ngài. Tự bản thân mình, chúng ta không có gì để giúp chúng ta có thể hầu việc Ngài chức vụ phải đến từ Đức Chúa Trời (ICo 15:9-10 ITi 1:12 Phi 4:13). Tuy nhiên, chúng ta không được thụ động chúng ta phải trau dồi các ân tứ của Đức Chúa Trời, sử dụng chúng, và phát triển chúng, trong chức vụ của Hội Thánh địa phương và bất cứ nơi nào Đức Chúa Trời đặt để chúng ta.

C. *Tận hiến trọn vẹn cho Đấng Christ* (ITi 4:15). “Chuyên lo” mang ý tưởng “ở trong, dâng hiến chính mình hoàn toàn cho những việc đó.” Đời sống thuộc linh và chức vụ của Ti-mô-thê phải là việc chuyên tâm, điều khiển mọi việc trong đời sống mình, chớ không chỉ những việc phụ thuộc mà ông thỉnh thoảng thực hành. Không thể có sự tấn tới thực sự trong chức vụ của một người nếu không có sự tận hiến hoàn toàn cho công tác được giao. “Không ai có thể làm tôi hai chủ” (Mat 6:24).

Tôi không muốn tỏ ra phê phán, nhưng phải thú thật rằng tôi lo âu trước sự kiện quá nhiều mục sư và nhân sự hầu việc Chúa chia thời gian và mối quan tâm của họ giữa Hội Thánh và một công việc phụ nào đó. Đó có thể là bất động sản, những chuyến du ngoạn đến Xứ Thánh, chính trị, bồn phận công dân, kể cả sự phục vụ giáo phái. Đời sống tâm linh của chính họ trở nên tồi tệ hơn, Hội Thánh của họ chịu thiệt hại, vì những người này không đang tận hiến trọn vẹn cho chức vụ của họ. “Tôi cứ làm một điều” là động cơ điều khiển Phao-lô, và đó cần phải là động cơ của chúng ta nữa (Phi 3:14a). “Một người phân tâm, phạm làm việc gì cũng không định” (Gia 1:8).

D. *Lượng giá về mặt thuộc linh* (ITi 4:16). Hãy tra xét tấm lòng của chính bạn trong ánh sáng của Lời Đức Chúa Trời. Hãy lưu ý là Phao-lô đặt từ “chính mình con” trước từ “sự dạy dỗ.” Phao-lô đã rao truyền cùng lời cảnh cáo này cho các trưởng lão tại Ê-phê-sô trong lời giảng từ biệt của ông: “Anh em hãy giữ lấy chính mình” (Cong 20:28). Một tội tở của Đức Chúa Trời có thể quá bận rộn giúp đỡ những người khác đến nỗi quên lững chính mình và đời sống thuộc linh riêng của mình.

Nhà truyền giảng Tin lành vĩ đại người Mỹ Charles Finney đã từng giảng một bài giảng dựa trên đoạn Kinh-Thánh này. Ông đặt tên cho bài giảng đó là, “Hỡi Nhà Truyền đạo, Hãy Tự Cứu Chính Mình!” Bài giảng ấy vẫn cần thiết ngày nay, vì chúng ta đang chứng kiến nhiều người phải từ bỏ chức vụ vì đời sống họ đã không theo kịp với lời tuyên xưng đức tin của họ. Những vấn đề về đạo đức, những sự ly dị, và những loại hành vi đáng hổ thẹn khác đã huỷ hoại nhiều người trong vòng các tội tở của Đức Chúa Trời. “Ai tưởng mình đứng, hãy giữ kẻo ngã” (ICo 10:12).

Việc gây dựng những người đã được cứu, và việc chinh phục những linh hồn hư mất, là những mục đích của chức vụ chúng ta, nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời. Nhưng Đức Chúa Trời phải hành động trong chúng ta trước khi Ngài có thể hành động cách hữu hiệu qua chúng ta (Phi 2:12-13). Là những người hầu việc ngay lành, chúng ta rao giảng Lời Đức Chúa Trời là

những người hầu việc tin kính, chúng ta thực hành Lời Đức Chúa Trời là những người hầu việc tăng trưởng, chúng ta tấn tới trong Lời của Đức Chúa Trời.

## 5. TRẬT TỰ TRONG HỘI THÁNH (ITi 5:1-25)

Vấn đề đầu tiên Hội Thánh ban đầu đối diện cũng là một vấn đề trong thời đại ngày nay: Một nhóm tín hữu trong Hội Thánh bị những chức viên bàn tiệc bỏ bê (Cong 6:1-15). Có lần tôi nghe có người mô tả một mục sự nọ như “một người không thể nào gặp được trong suốt tuần lễ, và không thể nào hiểu nổi vào ngày Chúa nhật”. Một lần nữa, một người nào đó trong hội chúng của ông đang cảm thấy bị bỏ bê.

Kế đó Phao-lô dạy dỗ Ti-mô-thê cách thức giúp đỡ những nhóm tín hữu riêng biệt trong Hội Thánh của ông.

### 1. Những người già cả (ITi 5:1-2)

Phao-lô khuyên Ti-mô-thê giúp đỡ những loại người khác nhau trong Hội Thánh, và đừng tỏ ra thiên vị ai (ITi 5:21). Vì Ti-mô-thê là một người trẻ tuổi hơn, ông có thể bị cám dỗ bỏ qua những người già cả vì thế Phao-lô khuyên giục ông hãy yêu mến và phục vụ tất cả những người này, bất kể họ thuộc lứa tuổi nào. Hội Thánh là một gia đình: Hãy đối đãi với những người già cả như cha mẹ bạn, và những tín hữu trẻ tuổi hơn như anh, chị, em mình.

### 2. Những người goá bụa (ITi 5:3-10)

Từ buổi đầu của chức vụ mình, Hội Thánh đã có sự quan tâm đối với những tín đồ goá bụa (Cong 6:1 9:39). Dĩ nhiên, dân tộc Y-sơ-ra-ên đã tìm cách chăm lo cho những người goá bụa và Đức Chúa Trời đã ban bố những luật lệ đặc biệt để bảo vệ họ (Phu 10:18 24:17 Es 1:17). Sự chăm sóc đặc biệt của Đức Chúa Trời đối với những người goá bụa là một chủ đề thường xuất hiện trong Thánh Kinh (Phu 14:29 Thi 94:6 Ma 3:5). Hội Thánh địa phương cần phải bày tỏ lòng thương xót đối với những người nữ đang thiếu thốn.

Tuy nhiên, Hội Thánh phải cẩn thận không được phí phạm nguồn tài chánh của mình cho những người thật sự không đang thiếu thốn. Dù chúng ta có thích thừa nhận hay không, vẫn có những cá nhân và những gia đình lợi dụng các Hội Thánh địa phương, trong khi bản thân họ không chịu làm việc hoặc sử dụng nguồn tài chánh riêng của mình cách khôn ngoan. Nếu họ còn có thể nhận sự giúp đỡ từ Hội Thánh, thì tại sao họ lại phải lo đi làm việc để kiếm sống?

Phao-lô liệt kê những phẩm chất một người goá bụa cần phải có nếu người này muốn được Hội Thánh chu cấp cho mình.

A. *Không được ai trợ cấp* (ITi 5:5a, “ở một mình”). Nếu một goá phụ có họ hàng thì những người này cần phải chăm lo cho bà để Hội Thánh có thể sử dụng tiền quỹ chăm lo cho những người khác không có ai giúp đỡ. Nếu con cái riêng của bà đã qua đời, thì cháu của bà (“children,” tức là cháu nội hay ngoại) (bản KJV dịch là cháu (“nephews”) tức là cháu gọi bằng cô, dì, v. v... trong câu 4) cần phải nhận lấy trách nhiệm này. Khi bạn nhớ lại xã hội thời đó không có loại tổ chức từ thiện như chúng ta có ngày nay – trợ cấp hưu, Tổ chức An ninh Xã hội, nhà ở dành cho người hưu trí, v. v . . . – bạn có thể nhìn thấy sự chăm sóc của gia đình thật sự quan trọng như thế nào. Dĩ nhiên, sự có mặt của những tổ chức từ thiện ngày nay không làm nhẹ đi nghĩa vụ yêu thương của bất cứ gia đình nào. Điều răn “Hãy hiếu kính cha mẹ người” vẫn còn trong Kinh Thánh (Xu 20:12 Eph 6:1-3).

Giả sử một người bà con không sẵn lòng giúp chu cấp cho người thân yêu của mình thì sao? Lời kết án của Phao-lô là “Người ấy . . . còn xấu hơn người chưa tin nữa!” (ITi 5:8,16). Một người bạn giáo sĩ của tôi, hiện nay đã về với Chúa, từ khu vực truyền giáo trở về quê nhà để chăm sóc cho cha mẹ bà đã già yếu. Bà bị một số bạn đồng lao chỉ trích nặng nề (“Chúng ta cần phải yêu kính Đức Chúa Trời hơn cha mẹ!”), nhưng bà vẫn giữ trung tín đến cuối cùng. Sau đó bà trở lại khu vực truyền giáo và hầu việc thật kết quả trong suốt nhiều năm, biết rằng bà đã vâng theo lời Đức Chúa Trời. Xét cho cùng, chúng ta yêu kính Đức Chúa Trời bởi việc yêu mến dân sự của Ngài và Ngài có mối quan tâm đặc biệt đối với những người già cả, những kẻ goá bụa, và những trẻ mồ côi.

B. *Một tín đồ có lời chứng trung tín* (ITi 5:5b). Hội Thánh không thể nào chăm lo cho tất cả những goá phụ trong thành phố, nhưng Hội Thánh cần phải chăm lo cho các tín đồ có phần trong mỗi thông công thuộc linh. Chúng ta cần phải “làm điều thiện cho mọi người, nhất là cho anh em chúng ta trong đức tin” (Ga 6:10). Một người đàn bà goá Hội Thánh giúp đỡ không được là một người đam mê lạc thú, tìm kiếm sự khoái lạc, mà phải là một người nữ tin kính để lòng trông cậy nơi Đức Chúa Trời và có chức vụ cầu nguyện và nài xin. Xin xem Lu 2:36-27 để có gương mẫu của một goá phụ tin kính.

Tùng trái của tôi trong ba chức vụ mục sư khác nhau là những goá phụ tin kính là một “nhà máy điện thuộc linh” trong Hội Thánh. Họ là sức mạnh của những buổi nhóm cầu nguyện. Họ dâng mình cho việc thăm viếng, và họ làm gia tăng đội ngũ giáo viên trong Trường Chúa nhật. Tôi cũng đã từng kinh nghiệm là, nếu một goá phụ không tin kính, bà có thể là một nan đề lớn đối với Hội Thánh. Bà sẽ đòi hỏi mọi người chú ý, than phiền về những điều những người trẻ tuổi hơn làm, và thường xuyên “bám chặt máy điện thoại” để tán gẫu. (Dĩ nhiên, đó không thật sự là “ngồi lê đôi mách.” Bà chỉ mong muốn những người bạn của mình có thể “cầu nguyện cách thông minh hơn” về những vấn đề này!) Phao-lô vạch rõ (trong ITi 5:7) rằng những người đàn bà goá được Hội Thánh giúp đỡ phải “không chỗ trách được” – không thể chê trách được.

C. *Ít nhất là 60 tuổi* (5:9a). Một phụ nữ ở tuổi này không thể nào tái hôn vào thời ấy, mặc dầu 60 tuổi không bị xem là “già” vào thời nay. Có lẽ động từ “được ghi tên vào sổ” cho chúng ta một đầu mối. Về nghĩa đen nó có nghĩa là “được ghi tên vào danh sách”. Từ này được dùng cho việc tuyển quân. Hội Thánh ban đầu có một danh sách chính thức ghi tên của những đàn bà goá đủ tư cách, và chúng ta có ấn tượng là những bà goá “được ghi tên” này đã giúp đỡ cho hội chúng trong nhiều cách thức khác nhau. (Bạn nhớ Đô-ca và các bạn hữu goá bụa của bà trong Cong 9:36-43 chớ?) Có lẽ Phao-lô đã có thể cho chúng ta biết là họ đã được chính thức phong làm các nữ chấp sự hay không.

D. *Một lý lịch hôn nhân tốt đẹp* (5:9). Chúng ta đã gặp cùng điều kiện này trước đây, đối với các giám mục (ITi 3:2) và đối với các chấp sự (3:12). Điều ngụ ý là goá phụ này không phải là một phụ nữ đã ly dị. Vì những người đàn bà goá trẻ tuổi hơn được khuyên là phải tái hôn (5:14), nên sự quy định này không thể ám chỉ một phụ nữ đã tạm thời kết hôn lần thứ hai sau khi người chồng đã qua đời. Sự trung thành đối với những lời thề nguyện trong hôn nhân của một người rất quan trọng dưới mắt Đức Chúa Trời.

E. *Một lời chứng về những việc lành* (5:10). Nếu một người đang trung tín hầu việc Đức Chúa Trời, sự sáng của người ấy sẽ chiếu sáng và những người khác sẽ nhìn thấy điều đó và tôn vinh Đức Chúa Trời (Mat 5:16). “Nuôi dưỡng con cái” có thể ám chỉ hoặc con cái của riêng bà, hoặc những đứa trẻ mồ côi cần một mái ấm gia đình. Nếu nó ám chỉ con cái riêng của bà, thì chúng phải đã qua đời rồi nếu không Hội Thánh sẽ không chu cấp cho bà.



Có thể là ở đây đang muốn nói đến việc cứu sống những đứa trẻ bị bỏ rơi và nuôi dạy chúng để biết về Chúa.

Lòng hiếu khách là một yếu tố khác, vì đây là một chức vụ quan trọng trong thời đó khi sự đi lại rất nguy hiểm và những nơi an toàn để ngụ lại đêm rất hiếm hoi. Việc rửa chân không ám chỉ một nghi thức đặc biệt, nhưng nói đến tục lệ phổ biến là rửa chân cho khách khi người ấy đến nhà (Lu 7:44). Điều này không phải là không xứng đáng với phẩm cách của người nữ này khi thể chỗ của một kẻ tội tởn khiêm nhường.

“Cứu giúp kẻ khốn nạn” có thể bao gồm nhiều loại chức vụ đối với những kẻ nghèo túng: cho những kẻ đói ăn, chăm sóc những người đau, khích lệ những kẻ buồn rầu, v. v. . . Mọi mục sư đều tạ ơn Chúa vì có những người nữ tin kính giúp đỡ cho các nhu cầu vật chất lẫn thuộc thể trong Hội Thánh. Những người đàn bà goá này được Hội Thánh chăm lo cho, nhưng đến lượt họ, họ lại giúp đỡ chăm lo cho Hội Thánh.

### 3. Những người đàn bà goá còn trẻ (ITi 5:11-16)

Những goá phụ trẻ tuổi hơn theo nguyên tắc là những người dưới 60 tuổi, nhưng chắc hẳn Phao-lô nghĩ đến những người trẻ tuổi hơn nhiều. Không thể nào một phụ nữ 59 tuổi lại sẽ “sinh con” nếu bà tái hôn! (ITi 5:14) Những hiểm họa của việc đi lại, những sự tàn hại của bệnh tật, và một loạt những điều khác có thể cướp mất người chồng khỏi người vợ trẻ. Nhưng Phao-lô ngăn Ti-mô-thê ghi tên những người goá phụ trẻ tuổi hơn và đặt họ dưới sự chăm sóc của Hội Thánh.

A. *Những lý do từ chối họ* (5:11-14). Vì có tuổi tác, những goá phụ còn trẻ tự nhiên sẽ hấp dẫn đối với nam giới và muốn kết hôn một lần nữa. Việc này thì có gì không tốt đẹp? Phao-lô dường như ám chỉ (5:12) rằng mỗi goá phụ được ghi tên đều hứa nguyện sẽ tiếp tục sống goá bụa và phục sự Chúa trong Hội Thánh. Lời hứa nguyện này không được diễn giải như là một “lời thề sống độc thân”, mà chúng ta cũng không nên nhìn nhóm người goá bụa đang hầu việc Chúa này như một “tầng lớp tu sĩ đặc biệt”. Dường như có một sự thoả thuận giữa những người goá bụa và Hội Thánh rằng họ sẽ giữ nguyên tình trạng goá bụa và phục sự Chúa.

Có một sự giải thích khả dĩ khác: Những đàn bà goá trẻ này, nếu được Hội Thánh chu cấp, sẽ có cơ hội để “sống theo ý mình” và sẽ tìm những người chồng khác, chắc chắn lắm đó là những người chưa tin Chúa. Bởi việc kết hôn với một người chưa tin, họ sẽ từ bỏ đức tin ban đầu. Tuy nhiên, tôi thích lối giải thích đầu tiên hơn.

Phao-lô vạch rõ (trong 5:13) rằng những goá phụ trẻ tuổi hơn, nếu được Hội Thánh chăm lo, sẽ rảnh tay và dính dấp vào những hoạt động tội lỗi. Họ sẽ tiếm nhiệm thói quen ăn không ngồi rồi thay vì trở nên hữu ích. Họ sẽ chạy hết nhà này sang nhà kia và say sưa việc thày lay thóc mạch và hay dính vào việc của người khác. Giữa sự ăn không ngồi rồi và tội lỗi có một mối quan hệ rõ rệt.

Phao-lô cảnh cáo Ti-mô-thê đề phòng việc dùng công tác “từ thiện” của Hội Thánh để khuyến khích người ta ăn không ngồi rồi. Hội Thánh chắc chắn nên trợ giúp những người thật sự cần được giúp đỡ, nhưng không được bao che tội lỗi. Là một mục sư, tôi đã từng có quyết định trong những vấn đề này, và đôi lúc việc làm này không dễ dàng.

B. *Những đòi hỏi đối với goá phụ trẻ* (5:14-16). Từ những điều tiêu cực, Phao-lô liệt kê những điều tích cực ông muốn những goá phụ trẻ thực hiện, được Hội Thánh chấp nhận và tán đồng. Ông muốn những goá phụ trẻ tuổi nên lấy chồng và có gia đình riêng. Không

phải tất cả mọi người đều có bổn phận phải lập gia đình, nhưng hôn nhân là điều tự nhiên đối với hầu hết mọi người đã từng kết hôn trước đó. Tại sao lại cứ ở trong tình trạng goá bụa cô đơn nếu vẫn còn cơ hội để có một người chồng và một mái ấm gia đình? Dĩ nhiên, tất cả mọi điều này sẽ phải ở “trong Chúa” (ICo 7:39).

“Hãy sinh sản và thêm nhiều” là uỷ nhiệm của Đức Chúa Trời cho tổ phụ đầu tiên của chúng ta (Sa 1:28), vì thế kết quả bình thường của hôn nhân là một gia đình. Những người ngày nay không chịu có con vì có “những ngày là xấu” cần phải xem xét lại những ngày trong thời của Phao-lô còn khó khăn biết bao nữa! Nếu Cơ Đốc Nhân không có con cái và nuôi dạy chúng để sống cho Đức Chúa Trời, ai sẽ làm điều đó?

“Dẫn dắt nhà mình” (ITi 5:14) nghĩa đen là “cai trị nhà mình”. Người vợ cần phải quản lý những công việc trong nhà, và người chồng cần phó thác cho nàng làm điều đó (Ch 31:10-31). Dĩ nhiên, hôn nhân là một sự cộng tác, nhưng mỗi người phối ngẫu có một phạm vi trách nhiệm đặc biệt. Ít người nam nào có thể làm được những công việc dành cho một người nữ trong gia đình. Hễ khi vợ tôi ngã bệnh, hoặc bận chăm sóc các con thơ, và tôi phải quản lý một số công việc của gia đình, tôi nhanh chóng khám phá rằng tôi đang ở ngoài phạm vi chức vụ của mình!

Tất cả những điều này sẽ đem lại một lời chứng tốt khiến những kẻ kiện cáo phải im lặng. Sa-tan (tức kẻ thù) luôn tinh khôn bắt lấy cơ hội để xâm nhập và phá huỷ gia đình Cơ Đốc. Từ “cơ hội” là một thuật ngữ quân sự có nghĩa là “một căn cứ hoạt động”. Một người vợ Cơ Đốc không đang làm công việc của mình trong gia đình cung cấp cho Sa-tan một vị trí đồ bộ để hoạt động, và hậu quả thật bi thảm. Có những lúc một người vợ và người mẹ Cơ Đốc có thể phải làm việc bên ngoài gia đình, nhưng khuôn mẫu thông thường là bà phải chăm lo trong gia đình. Người vợ nào đi làm chỉ để có được những thứ xa hoa có thể khám phá quá muộn màng rằng mình đã đánh mất một số điều cần yếu trong đời. Có được những gì tiền bạc có thể mua được có thể là điều tốt, với điều kiện bạn không đánh mất những gì tiền bạc không thể mua được.

Cách thức những người vợ và những bà mẹ Cơ Đốc quản lý gia đình mình có thể là một lời chứng cho những người bên ngoài Hội Thánh. Một mục sư phải có danh tiếng tốt với những người ngoại (ITi 3:7), và những người tội lỗi không được làm cho Lời Đức Chúa Trời phải bị gièm chê (6:1) thế nào, thì những người vợ phải có lời chứng tốt thế ấy. Những người phụ nữ có thể không được làm trưởng lão của Hội Thánh, nhưng họ có thể hầu việc Chúa ngay tại nhà riêng của mình. (xem Tit 2:4-5 để biết thêm về chức vụ quan trọng này.)

Kế đó Phao-lô tóm tắt nguyên tắc của việc mỗi gia đình chăm lo cho nhu cầu của các thành viên trong nhà riêng mình (ITi 5:16). Phao-lô không cho họ biết cần phải giúp đỡ những goá phụ này như thế nào – phát cho họ một số tiền trợ cấp đều đặn, tiếp nhận họ vào một gia đình, hoặc cho họ một việc làm, v.v... Mỗi hội chúng địa phương sẽ phải quyết định việc này tùy theo nhu cầu của từng trường hợp riêng lẻ.

Nguyên tắc này áp dụng cho Cơ Đốc nhân ngày nay ra sao? Chắc hẳn chúng ta phải tôn kính cha mẹ và ông bà mình và tìm cách chu cấp cho họ nếu họ có nhu cầu. Không phải mọi gia đình Cơ Đốc đều có khả năng nhận nuôi thêm một thành viên khác, và không phải mọi goá phụ đều muốn sống với con cái mình. Nơi nào có người đau ốm hoặc tật nguyền, nơi đó cần có sự chăm sóc chuyên môn, và có lẽ điều này không thể thực hiện được tại nhà. Mỗi gia đình phải quyết định xem ý muốn Đức Chúa Trời trong vấn đề đó ra sao, và không quyết định nào là dễ dàng cả. Điều quan trọng là các tín đồ phải bày tỏ sự yêu thương và quan tâm và làm tất cả mọi điều họ có thể làm để giúp đỡ lẫn nhau.

#### 4. Các chức viên trong Hội Thánh (ITi 5:17-25)

Những lời chỉ dẫn trong phân đoạn này có liên hệ chủ yếu tới các trưởng lão, nhưng các nguyên tắc này cũng áp dụng cho mỗi quan hệ của vị mục sư với bất cứ chức viên nào trong Hội Thánh của ông. Thật tốt đẹp khi các trưởng lão và các chấp sự (và các chức viên khác) làm việc với nhau trong sự hoà hợp và yêu thương. Thật đáng buồn khi một mục sư cố gắng trở thành một người độc tài thuộc linh (IPhi 5:3), hoặc một chức viên cố gắng trở nên một nhân vật quan trọng trội hơn những người khác (IIIGi 1:9-10).

Rõ ràng Ti-mô-thê đang gặp một số nan đề với các trưởng lão của Hội Thánh tại Ê-phê-sô. Ông còn trẻ tuổi và vẫn còn nhiều điều phải học hỏi. Ê-phê-sô không phải là một nơi dễ hầu việc Chúa. Hơn thế nữa, Ti-mô-thê đã theo Phao-lô như người coi sóc Hội Thánh, và Phao-lô không phải là một người dễ tính để đi theo! Bài giảng từ biệt của Phao-lô với các trưởng lão tại Hội Thánh Ê-phê-sô (Cong 20:1-38) cho thấy ông đã làm việc vất vả thế nào và đã trung tín ra sao, và các trưởng lão yêu quý Phao-lô đến mức nào (20:36-38). Bất chấp sự kiện Phao-lô đã đích thân cử Ti-mô-thê đến Ê-phê-sô, vị mục sư trẻ tuổi này đang trải qua một giai đoạn khó khăn.

Tình huống này có thể là lý do cho lời dạy dỗ của Phao-lô về rượu (ITi 5:23). Ti-mô-thê có bị đau bao tử không? Phải chăng ông bị bệnh vì có quá nhiều trách nhiệm và nan đề? Hay ông đã cố gắng làm theo ý tưởng của một số kẻ ép xác khổ tu (4:1-5), chỉ để khám phá rằng sự kiêng cử của mình đang khiến cho mình tội tệ hơn thay vì khả quan hơn? Chúng ta không biết lời giải đáp cho tất cả những câu hỏi này chúng ta chỉ có thể đoán được ần ý. Điều đáng lưu ý là Phao-lô đề cập đến rượu ở đây không phải để ủng hộ cho toàn bộ việc kinh doanh rượu. Dùng rượu vì lý do chữa trị bệnh không phải là sự khuyến khích cho việc uống rượu trong xã hội. Như chúng ta đã thấy, mặc dù Kinh-Thánh không đòi hỏi sự kiêng rượu hoàn toàn, nhưng lại lên án việc say rượu.

Phao-lô khuyên bảo Ti-mô-thê trong mối quan hệ của ông với các trưởng lão bằng cách thảo luận ba đề tài:

A. *Trả lương cho các trưởng lão* (5:17-18). Trong Hội Thánh ban đầu, thay vì một mục sư, một số trưởng lão giúp đỡ lo cho các tín hữu. Những người này sẽ dâng mình cho sự hầu việc Chúa trọn thời gian, và do đó họ xứng đáng được sự trả công nào đó. Trong hầu hết các hội chúng ngày nay, các trưởng lão là những nhân sự vốn có những ngành nghề khác, nhưng dự phần phụ giúp trong công việc của Hội Thánh. Thông thường những người trong ban trị sự là những nhân sự trọn thời gian duy nhất trong Hội Thánh. (Dĩ nhiên, cũng có các thư ký, những người canh giữ, v. v. . . nhưng Phao-lô không đang viết về họ.)

Có hai loại trưởng lão trong Hội Thánh: các trưởng lão cai trị giám sát công việc của hội chúng và các trưởng lão dạy dỗ dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời. Những trưởng lão này được lựa chọn từ hội chúng dựa trên nền tảng sự kêu gọi của Đức Chúa Trời, việc trang bị của Thánh Linh, và lời chứng cùng việc làm của bản thân họ. Sau khi đã được chọn lựa, họ được phong chức và biệt riêng cho chức vụ này (Cong 14:23 20:17,28 Tit 1:5).

Hội Thánh địa phương cần cả việc cai trị lẫn việc dạy dỗ. Thánh Linh thật sự ban các ân tứ “cứu giúp” và “cai trị” cho Hội Thánh (ICo 12:28). Nếu một Hội Thánh không được tổ chức, sẽ có những nỗ lực, tiền bạc, và cơ hội bị lãng phí. Nếu những người lãnh đạo có đầu óc thuộc linh không giám sát những chức vụ khác nhau của Hội Thánh địa phương, sẽ có những sự hỗn loạn thay vì trật tự. Tuy nhiên, sự giám sát này không được mang tính độc tài. Bạn không quản lý công việc của một Hội Thánh địa phương như cách bạn quản lý một tiệm

tạp hoá hay một xí nghiệp sản xuất. Một Hội Thánh cần phải tuân theo những nguyên tắc làm việc hay, nhưng đó không phải là một ngành kinh doanh. Một số người lãnh đạo Hội Thánh đã nhấn tâm xô đẩy tín hữu của mình khắp nơi và đó là một điều hổ thẹn đối với Phúc Âm.

Nhưng cai trị mà không dạy dỗ sẽ kết quả rất ít. Hội Thánh địa phương tăng trưởng qua chức vụ của Lời Đức Chúa Trời (Eph 4:11). Bạn không thể nào cai trị trẻ thơ được! Nếu các tín đồ không được nuôi dưỡng, thanh tẩy, và làm cho vững mạnh bởi Lời Chúa, thì họ sẽ yếu đuối và không ích lợi gì và sẽ chỉ gây ra nan đề thôi.

Phao-lô truyền dạy Ti-mô-thê phải biết chắc là những người lãnh đạo được trả công cách đầy đủ, trên nền tảng của chức vụ họ. Ông trích dẫn một luật trong Cựu Ước để làm sáng tỏ quan điểm của mình (Phu 25:4). (Lời dẫn giải thích hợp nhất về việc này là ICo 9:7-14). Kế đó Phao-lô thêm vào một câu nói của Chúa Giê-xu Christ: “Người làm công đáng được tiền lương mình” (Lu 10:7). Đây là một câu nói phổ biến vào thời đó, nhưng Phao-lô đặt lời phán của Đấng Christ ngang hàng với lời Thánh Kinh trong Cựu Ước!

Nếu các mục sư trung tín trong việc nuôi dưỡng và chăn dắt các tín hữu, thì Hội Thánh cần phải trung tín và cung lương cho họ đầy đủ. “Kính trọng bội phần” (ITi 5:17) có thể được dịch là “cung lương rời rộng”. (Từ “kính trọng” (honor) được dùng như trong từ “tiền thù lao” (honorarium)). Kế hoạch của Đức Chúa Trời là các Hội Thánh địa phương phải cung ứng cho nhu cầu của các tôi tớ Ngài và Ngài sẽ ban phước cho những Hội Thánh nào trung tín với các tôi tớ của Ngài. Nếu một Hội Thánh không trung tín, và nhu cầu của mục sư nơi đó không được thoả mãn, đó là một lời chứng tể hại và Đức Chúa Trời có cách thức để xử lý tình huống này. Ngài có thể chu cấp qua các phương tiện khác, nhưng lúc ấy Hội Thánh sẽ mất phước hoặc Ngài có thể chuyển tôi tớ Ngài đến một nơi khác.

Một mặt khác của vấn đề là điều này: Một mục sư không bao giờ được hầu việc Chúa chỉ để kiếm tiền (ITi 3:3). Việc “thương lượng” với các Hội Thánh, hoặc đi đây đó tìm kiếm một nơi có lương hưởng cao hơn, không nằm trong ý muốn của Đức Chúa Trời. Một mục sư cũng không được đem các nhu cầu về tài chánh của riêng mình vào trong các bài giảng, hy vọng uỷ ban tài chánh của Hội Thánh sẽ hỗ trợ cho mình!

**B. Sửa phạt các trưởng lão (5:19-21).** Kỷ luật Hội Thánh thường đi đến một trong hai thái cực. Hoặc là không có kỷ luật chi hết, và Hội Thánh sa sút dần vì có sự không vâng lời và tội lỗi. Hoặc các viên chức trong Hội Thánh trở thành những cảnh sát viên Tin Lành tiến hành một phiên toà chiếu lệ và vi phạm nhiều nguyên tắc thuộc linh trong Kinh-Thánh.

Việc sửa phạt các thuộc viên trong Hội Thánh được giải thích trong Mat 18:15-18 IITe 3:6-16 IITi 2:23-26 Ro 16:17-18 IIGi 1:9-11 Ga 6:1-3 Tit 3:10 ICo 5:1-13 IICo 2:6-11.

Trong đoạn này (ITi 5:19-21) Phao-lô bàn về việc sửa phạt những người lãnh đạo Hội Thánh. Thật đau buồn khi một thuộc viên trong Hội Thánh phải bị sửa phạt, nhưng thậm chí còn đau buồn hơn khi một người lãnh đạo thuộc linh không làm tròn trách nhiệm và phải bị sửa phạt vì khi những người lãnh đạo sa ngã, thì họ gây tác hại đến những người khác.

Mục đích của kỷ luật là để phục hồi, chứ không phải để báo thù. Mục đích của chúng ta phải là cứu vớt kẻ phạm tội, chứ không phải xua đuổi người ấy đi. Thái độ của chúng ta phải là một thái độ yêu thương và mềm mại (Ga 6:1-3). Thật ra động từ “phục hồi” mà Phao-lô dùng trong Ga 6:1 có nghĩa là “nắn một cái xương đã gãy”. Hãy nghĩ đến sự kiên nhẫn và mềm mại cần có trong quá trình đó!

Điều răn bảo đầu tiên của Phao-lô đối với Ti-mô-thê là phải biết chắc về các sự kiện, và cách làm điều đó là phải có những người làm chứng (ITi 5:19). Nguyên tắc này cũng được nêu lên trong Phu 19:15 Mat 18:16 IICo 13:1. Tôi cho rằng ở đây hàm ý một ứng dụng đôi

của nguyên tắc này. Trước tiên, những người nào có sự kiện cáo nghịch cùng một mục sư thì phải có những người chứng để hỗ trợ cho việc đó. Lời đồn đại và sự nghi ngờ không phải là những lý do thoả đáng để sửa phạt. Kế đến, khi có sự kiện cáo nào, những người chứng cần phải có mặt. Nói cách khác, kẻ bị kiện cáo có quyền đối diện với kẻ kiện cáo mình trong sự hiện diện của những người làm chứng.

Một buổi tối nọ, một thuộc viên trong Hội Thánh tiến đến gần tôi tại một bữa tiệc chiêu đãi của Hội Thánh, và bắt đầu kiện cáo tôi vì đã phá hại Hội Thánh. Bà ta kể đủ loại tin đồn nhằm linh tinh, không có tin gì là thật cả. Ngay khi bà ta khởi sự tuôn ra tràng đả kích của mình, tôi mời hai trong các chức viên đứng gần bên để chứng kiến những gì bà đang nói. Dĩ nhiên, bà ta liền ngưng bật và bực bội bỏ đi.

Thật đau buồn khi các Hội Thánh không vâng theo Lời Đức Chúa Trời và lắng nghe những tin đồn nhằm, những lời dối trá, và chuyện bịa đặt. Nhiều mục sư tin kính đã bị đánh bại trong đời sống và chức vụ mình theo cách này, và một số thậm chí đã từ bỏ chức vụ. “Nơi nào có khói, ắt có lửa” có thể là một khẩu hiệu tốt đối với một bộ phận cứu hoả tình nguyện, nhưng nó không áp dụng cho các Hội Thánh địa phương. “Nơi nào có khói, ắt có lửa” một cách hợp lý có thể có nghĩa là lưỡi của người nào đó đã bị “lửa địa ngục đốt cháy”! (Gia 3:6).

Điều răn bảo thứ nhì của Phao-lô là Ti-mô-thê phải làm mọi việc cách công khai và thẳng thắn. Sự bàn thảo chính trị lén lút của Hội đồng thành phố không có chỗ trong một Hội Thánh. Chúa Giê-xu phán: “Ta chẳng từng nói kín giấu điều gì” (Gi 18:20). Nếu một chức viên có lỗi, thì người ấy cần phải bị quở trách trước mặt tất cả những người lãnh đạo khác (ITi 5:20). Người ấy cần phải được tạo cơ hội để ăn năn, và nếu thật sự ăn năn thì người ấy cần phải được tha thứ (II Co 2:6-11). Một khi người ấy đã được tha thứ, vấn đề đã được giải quyết và không bao giờ nên đem ra trở lại nữa.

Điều răn bảo thứ ba của Phao-lô (ITi 5:21) là Ti-mô-thê phải vâng theo Lời Đức Chúa Trời dù cho ý kiến cá nhân của ông thế nào đi nữa. Ông cần phải xử sự cách không thành kiến nghịch lại hay thiên vị đứng về phía chức viên bị kiện cáo. Không có quyền lợi thâm niên trong một Hội Thánh địa phương mỗi thuộc viên đều có vị trí như nhau trước mặt Đức Chúa Trời và Lời Ngài. Tổ ra thành kiến hoặc thiên vị là làm cho tình huống càng tồi tệ hơn.

C. *Chọn lựa và phong chức các trưởng lão* (5:22-25). Chỉ Đức Chúa Trời mới biết tâm lòng của mọi người (Cong 1:24). Hội Thánh cần sự khôn ngoan và dẫn dắt thuộc linh trong việc chọn lựa các chức viên của mình. Thật nguy hiểm khi hấp tấp đặt để một người mới tin Chúa hoặc một thuộc viên mới của Hội Thánh vào một vị trí trách nhiệm thuộc linh. Tội lỗi của một số người có thể nhìn thấy rõ ràng một số khác có thể che giấu tội lỗi mình, dầu tội lỗi của họ vẫn cứ theo đuổi họ (ITi 5:24). Các việc lành của những tín đồ sốt sắng cần phải hiển nhiên, dù rằng họ không hầu việc để được mọi người nhìn thấy (5:25).

Nói cách khác, Hội Thánh phải cẩn thận điều tra đời sống của những người lãnh đạo có tiềm năng, để bảo đảm là không có gì sai sót cách trầm trọng. Phong chức cho các trưởng lão chứa chấp tội lỗi trong đời sống họ là dự phần vào các tội lỗi đó! Nếu chỉ nói “Tạm biệt” (‘Good-bye’), hàm ý ‘God be with you’ (Chúa ở cùng bạn) với một người theo tà giáo khiến chúng ta trở thành kẻ dự phần vào những việc làm xấu xa của người ấy (IIGi 1:10-11), thì chúng ta càng có lỗi hơn biết bao nếu chúng ta phong chức cho những người có đời sống không ngay thẳng với Đức Chúa Trời?

Không mục sư nào hoặc thuộc viên nào trong Hội Thánh là hoàn hảo cả, nhưng điều đó không được ngăn trở chúng ta nỗ lực để tiến đến sự trọn lành. Sự hầu việc Chúa của một Hội Thánh địa phương lên cao và xuống thấp tùy vào bộ phận lãnh đạo của Hội Thánh. Bộ phận

lãnh đạo tin kính sẽ đem đến sự chúc phước của Đức Chúa Trời, và đó là điều chúng ta mong muốn và cần có.

## 6. MỆNH LỆNH TỪ CẤP CHỈ HUY (ITi 6:1-21)

Chương này tiếp tục lời khuyên bảo của Phao-lô dành cho Ti-mô-thê về việc giúp đỡ các tầng lớp tín hữu khác nhau trong Hội Thánh. Bầu không khí ở đây mang tính quân sự, vì Phao-lô dùng những từ thuộc về quân đội: “Hãy vì đức tin mà đánh trận tốt lành” (ITi 6:12). “Ta truyền cho con” (6:13, là từ ngữ về quân sự giống như trong 1:3). “Hãy răn bảo kẻ giàu có ở thế gian” (6:17). “Hỡi Ti-mô-thê, hãy giữ (canh giữ) lấy sự giao phó đã nấy cho con” (6:20). Nói cách khác, bạn có thể nói Phao-lô là vị tướng, truyền cho Ti-mô-thê các mệnh lệnh từ nơi Chúa, Vị Chỉ Huy Trưởng.

D. L. Moody không thích người hát đơn ca của ông là Ira Sankey sử dụng bài “Tinh binh Giê-xu Tiến lên” trong các chiến dịch truyền giảng của họ. Moody cảm nhận rằng Hội Thánh ông nhìn thấy thật không giống một đạo quân. Nếu người lính trung bình thuộc phía chúng ta trong Thế Chiến II đã xử sự với cấp trên của mình và các mệnh lệnh của họ theo cách người tín đồ Cơ Đốc trung bình xử sự với Chúa, thì có lẽ chúng ta đã bại trận rồi! Thay vì hát “Tinh binh Giê-xu Tiến lên,” có người đã đề nghị là có lẽ chúng ta nên hát “Tinh binh Giê-xu Thối lui” thì hơn.

Phao-lô chỉ dạy Ti-mô-thê cách thức giúp đỡ ba nhóm tín hữu nữa trong Hội Thánh, và cả cách thức giữ đời sống riêng của ông trong ý muốn của Đức Chúa Trời.

### 1. Những người nô lệ tin Chúa (ITi 6:1-2)

Một số sử gia ước lượng rằng phân nửa dân số đế quốc La Mã bao gồm nô lệ. Nhiều người trong số này được học hành và có văn hoá, nhưng về mặt pháp luật họ không được xem là những con người chút nào. Sứ điệp cứu rỗi và tự do của Phúc Âm trong Đấng Christ thu hút đối với các nô lệ, và nhiều người trong số họ đã trở nên tín đồ. (Từ ngữ dịch là “tôi tớ” trong bản Tân Ước KJV thường có nghĩa là “nô lệ”). Khi các nô lệ có thể thoát khỏi những bôn phận trong nhà của mình, họ sẽ nhóm lại tại các hội chúng địa phương nơi mà thân phận nô lệ không còn là một điều ngăn trở (Ga 3:28).

Nhưng có một nan đề: Một số nô lệ đã dùng sự tự do mới tìm thấy trong Đấng Christ như một cơ biện hộ để không vâng theo, nếu không nói là coi thường, chủ mình. Họ cần phải học biết rằng sự tự do thuộc linh của họ trong Đấng Christ không thay đổi địa vị xã hội của họ, ngay cho dù họ đã được tiếp nhận cách khoan dung vào trong cộng đồng tín hữu của Hội Thánh.

A. *Các nô lệ có chủ không tin Chúa* (ITi 6:1). Không người chủ tin Chúa nào xem các nô lệ của mình là “kẻ dưới ách dây tớ”, nhưng sẽ đối xử với họ bằng lòng yêu thương và tôn trọng (Co 4:1 Phil 1:16). Đối với một nô lệ, việc nổi loạn chống lại một người chủ chưa được cứu sẽ đem đến sự hổ thẹn cho Phúc Âm. “Danh của Đức Chúa Trời” và đạo lý của Ngài sẽ bị nói phạm đến (Ro 2:24). Đây là một lý do Phao-lô và các nhà truyền giáo đầu tiên đã không đi đây đó rao giảng chống lại chế độ nô lệ đầy tội lỗi. Một việc làm như thế rất có thể đã làm suy yếu Hội Thánh như một đạo quân cố gắng phá hoại trật tự xã hội, và sự tấn tới của Phúc Âm rất có thể đã bị trở ngại lớn lao.

B. *Các nô lệ có chủ là tín đồ* (ITi 6:2). Mỗi nguy hiểm ở đây là một nô lệ tin Chúa có thể lợi dụng chủ mình vì cả hai đều đã được cứu. “Chủ tôi là anh em tôi!” một nô lệ có thể biện luận. “Vì chúng tôi bình đẳng nhau, ông ta không có quyền sai khiến tôi phải làm điều này điều nọ!” Thái độ này sẽ tạo nên những vấn đề nghiêm trọng cả trong gia đình lẫn trong Hội Thánh.

Phao-lô nêu ba lý do vì sao các nô lệ Cơ Đốc cần phải tỏ lòng kính trọng những người chủ tin Chúa của mình chớ không lợi dụng họ. Lý do rõ rệt nhất là: Chủ họ là những tín đồ Cơ Đốc (“trung tín” = tin). Làm thế nào một tín đồ có thể lợi dụng một tín đồ khác? Thứ nhì là, chủ họ được yêu mến. Tình yêu thương không nổi loạn hoặc tìm cơ hội để trốn tránh trách nhiệm. Cuối cùng, cả chủ và tôi tớ đều được lợi do sự vâng lời (nhóm từ “những người cùng được hưởng lợi” có thể áp dụng cho cả hai bên). Cả hai đều được phước hạnh chung khi các tín đồ Cơ Đốc phục vụ lẫn nhau trong ý muốn Đức Chúa Trời.

Tôi nhớ đã có lần khai đạo cho một phụ nữ trẻ từ bỏ một việc làm trong đời này để đi làm việc trong một tổ chức Cơ Đốc. Cô ở đó khoảng một tháng và hoàn toàn bị vỡ mộng.

Cô than phiền, “Tôi nghĩ đó sẽ là thiên đàng trên đất. Thế nhưng chẳng có gì cả ngoài ra những rắc rối mà thôi.”

“Cô có làm việc chăm chỉ cho người chủ Cơ Đốc của cô như cô đã làm cho người chủ kia không?” tôi hỏi. Về mặt cô ấy cho tôi câu giải đáp. “Hãy thử làm việc chăm chỉ hơn xem,” tôi khuyên, “và bày tỏ với ông ta lòng kính trọng thật sự. Chỉ vì tất cả các nhân viên trong văn phòng đều đã được cứu không có nghĩa là cô không cần phải nỗ lực hết sức mình.” Cô ta làm theo lời khuyên của tôi và các vấn đề của cô đều được giải quyết.

## 2. Các giáo sư giả (ITi 6:3-10)

Phao-lô đã mở đầu bức thư này với lời cảnh cáo về các giáo sư giả (ITi 1:3), và thậm chí đã bác bỏ một số sự dạy dỗ nguy hại của họ (4:1). Những nhà lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh địa phương phải thường xuyên giám sát những điều đang được dạy dỗ, vì dễ dàng các đạo lý giả dối sẽ lên vào (Cong 20:28-32). Một mục sư tôi biết khám phá một giáo viên Trường Chúa nhật đang chia sẻ “các khái tượng” của mình thay vì dạy dỗ Lời của Đức Chúa Trời!

A. *Dấu hiệu của các giáo sư giả này* (6:3-5a). Dấu hiệu đầu tiên là họ từ chối trung thành với “lời giáo huấn có ích của Chúa Giê-xu Christ chúng ta và sự dạy dỗ tin kính” (6:3). Sự dạy dỗ này là tin kính và nó khuyến khích sự tin kính. Sự thử nghiệm đầu tiên của Ê-sai đối với bất cứ giáo sư nào là, “Theo luật pháp và theo lời chứng: Nếu họ chẳng nói theo lời này, ấy là vì không có sự sáng trong họ” (Es 8:20). Quan trọng là một Hội Thánh phải “giữ lấy mẫu mực của các sự dạy dỗ có ích” (IITi 1:13).

Một dấu hiệu thứ nhì là thái độ riêng của giáo sư này. Thay vì khiêm nhường, một giáo sư giả đầy kiêu ngạo thế nhưng người ấy chẳng có gì để lên mình kiêu ngạo vì ông ta chẳng biết chi hết (ITi 6:4 1:7).

Một tín đồ hiểu Lời Chúa sẽ có một tâm lòng nóng cháy, chớ không phải một cái đầu thật to (Lu 24:32 Da 9:1-20). “Thái độ kiêu ngạo” này khiến cho một giáo sư hay cãi lầy về những vấn đề thứ yếu liên quan đến “ngôn từ” (ITi 6:3). Thay vì nuôi mình bằng “lời có ích của Đấng Christ”, bạn có thể nói ông ta có bệnh hay gạn hỏi. Từ “mê mẩn” (6:4) có nghĩa là “đầy sự ham muốn không lành mạnh, bệnh hoạn”. Kết quả của sự dạy dỗ không thuộc linh như

thể là “sự ghen ghét, tranh cạnh, gièm chê, nghi ngờ xấu xa, và những lời cãi lẽ hư không” (6:4b-5a).

Điều đáng buồn của tất cả những điều này là các tín hữu “bị cướp đoạt mất chân lý” (6:5) trong khi họ lại nghĩ mình đang khám phá ra chân lý! Họ cho rằng những sự tranh cãi hàng tuần trong các buổi nhóm của họ, qua đó họ trao đổi sự dốt nát thiếu hiểu biết của mình, là một phương tiện để tăng trưởng trong ân điển nhưng kết quả là họ đánh mất nhân cách, chớ không tiến bộ hơn.

B. *Động cơ sự dạy dỗ của họ* (6:5b-10). Các giáo sư giả này cho rằng “sự tin kính là một cách để có lợi về mặt tài chánh” (dịch sát nghĩa đen). “Sự tin kính” ở đây (6:5) có nghĩa là “sự tuyên xưng đức tin Cơ Đốc” chớ không phải là đời sống thánh khiết trong năng quyền của Thánh Linh. Họ dùng sự tuyên xưng tín ngưỡng như một phương tiện để kiếm tiền. Điều họ làm không phải là một chức vụ chân thật đó chỉ là một việc làm tôn giáo.

Phao-lô luôn cẩn thận không dùng sự kêu gọi và chức vụ của mình như một phương tiện để kiếm tiền. Thật ra, ông đã có lần từ chối sự chu cấp từ Hội Thánh Cô-rinh-tô, để không ai có thể kiện cáo ông là tham lợi (ICo 9:15-19). Ông không bao giờ dùng sự rao giảng của mình như “một chiếc áo khoác để kiếm tư lợi” (ITe 2:5). Thật là một điều đáng buồn ngày nay khi nhìn thấy những kẻ tống tiền tôn giáo săn bắt những kẻ khờ dại cả tin, hứa hẹn giúp đỡ họ trong khi lại lấy tiền của họ đi mất.

Để cảnh cáo Ti-mô-thê – và chúng ta – về những hiểm họa của lòng tham lam, Phao-lô chia sẻ bốn sự kiện:

1. *Của cải không đem lại sự thoả lòng* (ITi 6:6). Từ “sự thoả lòng” có nghĩa là “một sự đầy đủ bên trong giữ chúng ta bình an bất chấp hoàn cảnh bên ngoài”. Phao-lô đã dùng cùng từ ngữ này sau đó. “Vì tôi đã tập hễ gặp cảnh ngộ nào, cũng thoả lòng ở vậy” (Phi 4:11). Sự thoả lòng thật đến từ sự tin kính trong tâm lòng, chớ không phải của cải trong tay. Một người nhờ vào của cải vật chất để có sự bình an và sự đảm bảo sẽ không bao giờ được thoả mãn, vì của cải vật chất có thể mất đi sự thu hút của nó. Chính những người giàu có, chớ không phải những kẻ nghèo thiếu, thường đến các bác sĩ tâm thần và thường hay tự tử hơn.

2. *Của cải không bền lâu* (ITi 6:7). Tôi thích dịch câu này là: “Chúng ta không mang gì vào trong thế gian này vì chúng ta không thể mang gì ra khỏi đây cả.” (Giop 1:21) Khi linh hồn một người lìa khỏi thân xác người ấy lúc chết, nó không thể mang gì theo cả bởi lẽ, khi người đó đến thế gian này lúc chào đời, người ấy không mang gì theo cả. Mọi của cải chúng ta thu trữ được sẽ thuộc về nhà cầm quyền, những người thừa kế của mình, và có lẽ tổ chức từ thiện và Hội Thánh. Chúng ta luôn biết được câu trả lời, “Người ấy bỏ lại bao nhiêu?” Tất cả mọi thứ!

3. *Những nhu cầu căn bản của chúng ta dễ dàng được đáp ứng* (ITi 6:8). Thức ăn và “những thứ che thân” (áo quần và nơi trú ngụ) là những nhu cầu căn bản nếu chúng ta mất chúng, chúng ta mất đi khả năng để bảo đảm cho những thứ khác. Một kẻ hà tiện không có thức ăn sẽ ngồi đếm tiền và chết vì đói. Tôi được nhắc nhớ đến người tín đồ phái Quaker có lối sống giản đơn đang đứng nhìn người hàng xóm mới của mình dọn đến, với tất cả những món đồ gỗ và “đồ chơi” đắt tiền mà “những người thành đạt” sưu tầm. Người tín đồ Quaker này cuối cùng tiến lại phía người hàng xóm mới của mình và nói: “Anh bạn láng giềng ơi, nếu khi nào anh thật sự cần một thứ gì, hãy đến gặp tôi, và tôi sẽ chỉ cho anh làm thế nào để sống mà không cần có nó.” Henry David Thoreau nhắc chúng ta nhớ rằng một người giàu có tương xứng với số vật dụng mà người ấy có thể không cần đến.



Những cuộc khủng hoảng kinh tế và năng lượng mà thế giới đối diện có lẽ sẽ được Đức Chúa Trời dùng để khuyến khích con người đơn giản hoá cuộc sống của mình. Quá nhiều người trong chúng ta biết “giá cả của mọi thứ” nhưng không biết “giá trị của chúng.” Chúng ta quá thừa thãi những thứ xa hoa đến độ chúng ta quên đi cách tận hưởng những nhu cầu thiết yếu của mình.

4. *Sự ham muốn của cải dẫn đến tội lỗi* (ITi 6:9-10). “Những kẻ muốn được giàu có...” là từ dịch chính xác. Nó mô tả một người phải có ngày càng nhiều của cải vật chất hơn để được sung sướng và cảm thấy thành công. Nhưng sự giàu có là một cái bẫy chúng dẫn đến sự nô lệ, chứ không phải sự tự do. Thay vì đem lại sự thoả mãn, sự giàu có tạo nên những sự tham muốn có thêm và những tham muốn này phải được đáp ứng. Thay vì mang lại sự trợ giúp và sức khoẻ, sự thừa mứa của cải vật chất khiến tổn thương và gây thiệt hại. Kết quả Phao-lô mô tả rất sống động: “Những sự tham muốn vô lý thiệt hại làm đắm người ta vào sự huỷ diệt hư mất” (6:9). Đây là bức tranh của một người đang chết đuối! Người ấy nương cậy nơi sự giàu có của mình và “vượt biển khơi,” nhưng bão táp đến và người ấy chìm tàu.

Thật là một việc làm nguy hiểm khi dùng tôn giáo như một tấm bình phong để thu đạt tài sản. Người làm công của Đức Chúa Trời chắc chắn đáng được tiền công mình (5:17-18), nhưng động cơ làm việc của người ấy không được vì tiền. Điều đó sẽ khiến người ấy trở thành một “kẻ làm thuê,” chứ không phải một người chân thật (Gi 10:11-14). Chúng ta không nên hỏi, “Tôi sẽ nhận được bao nhiêu?” nhưng đúng hơn “Tôi có thể ban cho đến mức nào?”

### 3. Bản thân vị mục sư (ITi 6:11-16,20-21)

Trong khi chăm lo cho nhu cầu của tín hữu mình, Ti-mô-thê cũng cần phải chăm lo cho nhu cầu của bản thân nữa. Một trong những lời khuyên của Phao-lô là “Hãy giữ chính mình con” (ITi 4:16). Cụm từ “Nhưng hồi con” (6:11) cho thấy một sự tương phản giữa Ti-mô-thê và các giáo sư giả. Họ là những kẻ thuộc về thế gian, còn ông là một “người của Đức Chúa Trời.” Danh hiệu đặc biệt này cũng ban cho Môi-se (Phu 33:1), Sa-mu-ên (ISA 9:6), Ê-li (IVua 17:18), và Đa-vít (Ne 12:24), vì thế Ti-mô-thê ở trong nhóm người tốt lành.

Phao-lô nhắc nhở Ti-mô-thê bốn lời khuyên mà, nếu Ti-mô-thê vâng theo, sẽ bảo đảm cho ông sự thành công trong chức vụ mình và tiếp tục được lời chứng tốt như một “người của Đức Chúa Trời”:

A. *Chạy trốn (tránh)* (ITi 6:11a). Có những lúc việc chạy trốn là một dấu hiệu của sự hèn nhát. Nê-hê-mi đã nói, “Một người như tôi đây sẽ chạy trốn ư?” (Ne 6:11). Nhưng có những lúc khác việc chạy trốn là một dấu hiệu của sự khôn ngoan và một phương tiện để chiến thắng. Giô-sép chạy trốn khi ông bị vợ của chủ mình cám dỗ (Sa 39:12), và Đa-vít chạy trốn khi Vua Sau-lơ tìm cách giết hại ông (ISa 19:10). Từ “chạy trốn” (tránh) mà Phao-lô dùng ở đây không ám chỉ việc chạy trốn theo nghĩa đen, nhưng ám chỉ việc Ti-mô-thê tự phân rẽ khỏi tội lỗi của các giáo sư giả. Điều này lặp lại ý của lời khuyên trong ITi 6:5: “Con hãy trốn khỏi những điều như thế” (Theo bản KJV).

Không phải mọi sự hiệp nhất đều tốt, và không phải mọi sự chia rẽ đều xấu. Có những lúc một đầy tớ của Đức Chúa Trời cần phải chống trả đạo lý giả dối và những thói tục xấu xa, và phân rẽ khỏi chúng. Tuy nhiên, người ấy phải biết chắc mình hành động dựa trên nền tảng sự cáo trách của Thánh Kinh chứ không phải vì thành kiến cá nhân hay tinh thần bè phái xác thịt.

B. *Theo đuổi (tìm)* (6:11b). Sự phân rẽ mà không tăng trưởng tích cực trở thành sự cô lập. Chúng ta phải trau dồi những vẻ đẹp này của Thánh Linh trong đời sống mình, nếu không

mọi người khác sẽ chỉ biết chúng ta vì những gì chúng ta phản đối hơn là những gì chúng ta đề nghị. “Sự công bình” có nghĩa là “sự ngay thẳng của cá nhân”.

“Sự tin kính” có nghĩa là “lòng sùng kính thực tế”. Sự công bình liên hệ đến đặc tính, còn sự tin kính liên quan đến cách cư xử.

“Đức tin” có thể được dịch hay hơn là “sự trung tín”. Có người đã nói thật hay rằng khả năng lớn lao nhất là khả năng có thể tin cậy được.

“Tình yêu thương” là tình yêu agape (a-ga-pê) hy sinh vì lợi ích của người khác. Tình yêu thương cố gắng thông hiểu người khác, chứ không mưu cầu lợi riêng cho mình.

“Nhịn nhục” mang ý tưởng của “sự chịu đựng”, nương nơi hoàn cảnh dù khi nó không thuận lợi chút nào. Đó không phải là một sự tự mãn chờ đợi, nhưng là một sự can đảm vẫn tiếp diễn trong những nơi khó khăn.

“Sự mềm mại” không phải là sự yếu đuối, nhưng thay vào đó là “sức mạnh được kiểm soát”. Sự chịu đựng can đảm mà không có sự mềm mại có thể khiến một người thành kẻ bạo ngược. Có lẽ “sự hiền lành, dịu dàng” diễn tả ý nghĩa này hay nhất.

C. **Đánh trận** (ITi 6:12-16). Động từ này có nghĩa là “Hãy tiếp tục chiến đấu!” Đây là một từ mà qua đó chúng ta có từ Tiếng Anh là agonize (chịu đau đớn, chịu khổ), và nó áp dụng cho cả những vận động viên lẫn những người lính chiến. Nó mô tả một người gắng sức và nỗ lực tối đa để giết giải hay thắng trận chiến. Gần cuối đời mình, Phao-lô đã viết, “Ta đã đánh trận tốt lành” (ITi 4:7).

Tuy nhiên, “sự đánh trận” này không phải giữa các tín đồ với nhau nó diễn ra giữa một người của Đức Chúa Trời với kẻ thù quanh người ấy. Người ấy đang đánh trận để bảo vệ đức tin, phần chân lý được giao phó cho Hội Thánh (xin xem ITi 6:20). Giống như Nê-hê-mi của thời xưa, Cơ Đốc nhân ngày nay cần phải một tay cầm bay để xây dựng, và tay kia cầm gươm để chiến đấu (Ne 4:17). Thật đáng buồn khi một số Cơ Đốc nhân ngày nay dành quá nhiều thời gian chiến đấu với kẻ thù đến nỗi họ không có thời gian để làm công việc của mình và xây dựng Hội Thánh. Mặt khác, nếu chúng ta không đứng gác và chống lại kẻ thù, những gì chúng ta đã xây dựng có thể bị tước đoạt khỏi chúng ta.

Điều gì khích lệ chúng ta trong chiến trận? Chúng ta có “sự sống đời đời” và cần phải nắm chặt điều đó và để nó hành động trong kinh nghiệm của mình. Chúng ta đã được kêu gọi bởi Đức Chúa Trời, và điều này bảo đảm cho chúng ta sự chiến thắng. Chúng ta đã công khai xưng nhận đức tin nơi Đấng Christ và những người khác trong Hội Thánh đứng với chúng ta.

Một sự khích lệ khác trong chiến trận của chúng ta là lời chứng của Chúa Giê-xu Christ, Cứu Chúa của chúng ta. Ngài “làm chứng tốt” (ITi 6:13) trước mặt Bôn-xơ Phi-lát và không cúi lòng trước kẻ thù. Ngài biết rằng Đức Chúa Cha đang ở với Ngài và đang canh giữ Ngài, và Ngài sẽ được sống lại từ kẻ chết. Đó là “Đức Chúa Trời dâng ban sự sống cho mọi vật”, đang đang chăm sóc chúng ta, vì thế chúng ta không cần phải sợ hãi. Tính nhút nhát tự nhiên của Ti-mô-thê có thể muốn làm cho ông rút lui khỏi chiến trận. Nhưng mọi việc ông phải làm là nhớ đến Chúa Giê-xu Christ và sự làm chứng dạn dĩ của Ngài, và điều này sẽ khích lệ ông.

Phao-lô truyền cho Ti-mô-thê những mệnh lệnh có tính quân sự: “Ta truyền cho con” (c.13 1:3). Ông sẽ phải giữ điều răn và làm theo. Vì sao? Bởi vì một ngày kia Đấng Chỉ Huy sẽ hiện đến và ông sẽ phải khai trình về công việc mình được giao! Cách duy nhất ông có thể sẵn sàng là vâng theo các mệnh lệnh cách “không vết tích và không chỗ trách được” (6:14).

Từ Hy Lạp dịch là “sẽ hiện ra” (6:14) cho chúng ta từ tiếng Anh epiphany có nghĩa là “một sự hiện ra vinh hiển”. Vào thời của Phao-lô, từ này được dùng trong những chuyện

hoang đường để mô tả việc hiện ra của một vị thần, đặc biệt để giải thoát một người nào đó khỏi tình trạng lo lắng bất an. Phao-lô dùng từ này nói về việc hiện đến lần đầu tiên của Chúa Giê-xu Christ (ITi 1:10), và về sự trở lại của Ngài (ITi 4:1,8). Chúng ta không biết khi nào Đấng Christ sẽ lại hiện đến, nhưng việc ấy sẽ “đúng thời điểm của Ngài” (ITi 6:15) và Ngài biết kỳ hạn. Bôn phận chúng ta là trung tín mỗi ngày và cứ ở trong Ngài (IGi 2:28).

Chủ đề của ITi 6:16 là Đức Chúa Trời, là chính Đức Chúa Trời và Cha của Chúa Giê-xu Christ chúng ta. Ngài là Vua duy nhất, mặc dầu những kẻ khác có thể giành lấy danh xưng này. “Đấng Chủ tể” (6:15) ra từ một từ có nghĩa là “quyền hành”. Các vua chúa của thế gian này có thể nghĩ rằng mình có quyền hành và uy quyền, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng Trị Vì trên tất cả (Thi 2:1-12).

“Vua của mọi vua, và Chúa của mọi chúa” (ITi 6:15) khiến chúng ta nghĩ đến Chúa Giê-xu Christ (Kh 17:14 19:16) nhưng ở đây danh xưng này được dùng để nói đến Đức Chúa Cha. Chúa Giê-xu Christ, dĩ nhiên, bày tỏ Cha cho chúng ta vì thế Ngài có thể xứng đáng nhận danh xưng này.

“Sự không hề chết” (ITi 6:16) có nghĩa là “không ở dưới quyền của sự chết”. Con người phải phục dưới quyền của sự chết, nhưng Đức Chúa Trời thì không. Chỉ Đức Chúa Trời mới có sự không hề chết như một phần thiết yếu và cố hữu của chính mình Ngài. Ngài “không hề chết, không nhìn thấy được, là Đức Chúa Trời khôn sáng duy nhất” (1:17). Vì Đức Chúa Trời không ở dưới quyền của sự chết, Ngài là Sự Sống và Đấng ban sự sống. Ngài không hề hư nát và không chịu phục dưới sự mục nát hoặc biến đổi. Trong đời này, tín đồ ở trong thân thể hay chết nhưng khi Chúa Giê-xu Christ trở lại, chúng ta sẽ mặc lấy sự không hề chết của Ngài (ICo 15:50-58).

Hãy ghi nhớ rằng Phao-lô giải thích tất cả những chân lý về Đức Chúa Trời này để khích lệ Ti-mô-thê “đánh trận đức tin tốt lành” chứ không bỏ cuộc. Chúng ta không cần phải sợ hãi sự sống, vì Đức Chúa Trời là Đấng Trị vì tất cả và chúng ta không cần sợ hãi sự chết, vì Ngài san sẻ sự không hề chết với chúng ta.

Ti-mô-thê sống trong thành phố Ê-phê-sô gian ác, nhưng Đức Chúa Trời ngự trong sự sáng vinh hiển. “Và cảnh trạng của sự vinh quang Đức Giê-hô-va khác nào như đám lửa hừng” (Xu 24:17). “Chúa bao phủ chính mình Ngài bằng ánh sáng khác nào bằng cái áo” (Thi 104:2). Việc mô tả cảnh thiên đàng của Giăng nhấn mạnh đến sự vinh hiển của Đức Chúa Trời soi sáng cho thành thánh (Kh 21:11,23-24 22:5). Dĩ nhiên, ánh sáng là một biểu tượng của sự thánh khiết (IGi 1:5-7). Đức Chúa Trời ngự cách xa khỏi tội lỗi, và Đức Chúa Trời vinh hiển trong sự thánh khiết của Ngài.

Một người có tội không thể nào đến gần Đức Chúa Trời thánh khiết. Chỉ qua Chúa Giê-xu Christ chúng ta mới có thể được tiếp nhận vào trong sự hiện diện của Ngài. Gia-cóp nhìn thấy Đức Chúa Trời trong một sự hiện ra của Ngài trên đất này trong thời Cựu Ước (Sa 32:30) và Đức Chúa Trời cho phép Môi-se nhìn thấy một phần sự vinh hiển của Ngài (Xu 33:18-23). “Chẳng hề ai thấy Đức Chúa Trời” (Gi 1:18) ám chỉ việc nhìn thấy Đức Chúa Trời trong bản chất của Ngài, bản tánh thuộc linh của Ngài. Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy sự biểu hiện của bản chất này, như trong thân vị của Chúa Giê-xu Christ.

Tại sao Phao-lô lại viết quá nhiều về thân vị và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời? Có lẽ như một lời cảnh cáo trước “sự tôn sùng hoàng đế” đang hiện hữu trong đế quốc La Mã. Người ta đã quen xưng nhận thường xuyên rằng, “Sê-sa là Chúa!” Dĩ nhiên, Cơ Đốc nhân sẽ nói rằng, “Giê-xu Christ là Chúa!” Chỉ Đức Chúa Trời mới có “danh vọng và quyền năng đời

đời” (ITi 6:16b). Nếu Ti-mô-thê muốn đánh trận đức tin tốt lành, ông phải quyết định rằng một mình Chúa Giê-xu Christ đáng được thờ phượng và tôn kính hoàn toàn.

D. *Hãy trung tín* (ITi 6:20-21). Đức Chúa Trời đã giao phó chân lý này cho Phao-lô (ITi 1:11), và Phao-lô đã giao phó cho Ti-mô-thê. Trách nhiệm của Ti-mô-thê là giữ gìn sự phó thác này và rồi truyền lại cho những kẻ khác là những người, đến lượt họ, sẽ tiếp tục truyền dạy lại cho thế hệ sau (IITi 2:2). Đây là cách thức Đức Chúa Trời bảo vệ chân lý và truyền bá chân lý khắp thế giới. Chúng ta là những người quản lý các đạo lý của đức tin, và Đức Chúa Trời trông mong chúng ta trung tín trong việc san sẻ Tin Mừng của Ngài.

Từ “trí thức” (science) (ITi 6:20) không ám chỉ loại kỹ thuật chúng ta biết ngày nay theo tên gọi đó. Từ dịch đúng hơn là “tri thức được ngụy xưng”. Ở đây Phao-lô muốn nói đến những sự dạy dỗ của một nhóm tà giáo gọi là “Tri thức giáo” là kẻ tự xưng là có “sự hiểu biết thuộc linh đặc biệt”. (Từ Hy Lạp chỉ “sự tri thức” là gnosis, đọc là No-sis. Một “agnostic” (vô tri thức) là một người không hiểu biết. Một kẻ thuộc tri thức giáo là kẻ tự nhận mình biết nhiều thứ.)

Không cần phải đi sâu vào chi tiết ở đây về những ý tưởng tà giáo của những người theo Tri thức giáo. Bức thư của Phao-lô gửi cho người Cô-lô-se được viết để chống lại họ. Họ nhận là có “sự tri thức thuộc linh đặc biệt” từ các khái tượng và những từng trải khác. Họ cũng nhận là tìm thấy “những chân lý kín giấu” trong Thánh Kinh Cựu Ước, đặc biệt là các gia phả. Họ xem vật chất là xấu, và họ dạy rằng một loạt “những lưu xuất” nối kết Đức Chúa Trời với con người. Chúa Giê-xu Christ, theo họ, chỉ là một lưu xuất lớn lao nhất của những lưu xuất này.

Những kẻ theo thuyết Tri thức thật ra có một giáo lý vốn là sự pha trộn lạ kỳ của Cơ Đốc giáo, chủ nghĩa thần bí Đông phương, triết học Hy Lạp, và chủ nghĩa tuân giữ luật pháp của Do Thái. Giống như nhiều tà giáo Đông phương chúng ta thấy ngày nay, nó đem lại “một điều gì đó cho tất cả mọi người”. Nhưng Phao-lô tóm tắt tất cả những điều họ dạy dỗ trong một câu có tính cách huỷ phá: “những lời lẽ hư không và phạm tục”. Phillips dịch câu này là “Sự pha trộn không tin kính của những quan điểm trái ngược nhau.”

Tại sao Ti-mô-thê cần phải tránh xa những sự dạy dỗ này? Bởi vì một số người dính dấp đến họ đã “rời bỏ đức tin” (ITi 6:21). Không chỉ những động cơ sai trật (sự ham mến tiền bạc) sẽ khiến cho một người bội đạo (6:10), mà cả những sự dạy dỗ sai trật cũng vậy. Những sự lừa dối này len lỏi dần vào tâm trí và tấm lòng của một người, và trước khi người ấy nhận ra nó, người ấy đang đi xa khỏi con đường của chân lý.

#### 4. Những người giàu (ITi 6:17-19)

Phao-lô đã viết về hiểm họa của lòng ham mê tiền bạc, và ông thêm vào một “mệnh lệnh” đặc biệt để Ti-mô-thê răn bảo những kẻ giàu. Chúng ta không thể nghĩ rằng mệnh lệnh này áp dụng cho mình, nhưng thật sự là vậy. Xét cho cùng, mức sống của chúng ta ngày nay chắc hẳn sẽ khiến chúng ta nên “giàu có” dưới mắt hội chúng của Ti-mô-thê!

A. *Hãy khiêm nhường* (6:17a). Nếu của cải khiến cho một người kiêu ngạo, thì người ấy không hiểu được chính mình lẫn của cải của mình. “Hãy nhớ lại Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi, vì ấy là Ngài ban cho ngươi sức lực đoạt được những sản nghiệp” (Phu 8:18). Chúng ta không phải là những người chủ chúng ta là những quản gia. Nếu chúng ta có của cải, đó là bởi sự tốt lành của Đức Chúa Trời chớ không bởi bất cứ công trạng đặc biệt nào của riêng chúng ta. Sự sở hữu của cải vật chất cần phải khiến một người khiêm nhường và khiến người ấy tôn vinh Đức Chúa Trời, chớ không phải bản thân mình.

Có thể lắm “giàu ở thế gian (đời này)” (ITi 6:17) và nghèo trong đời sau. Cũng có thể nghèo ở đời này và giàu trong đời sau. Chúa Giê-xu đã phán dạy về cả hai trường hợp (Lu 16:19-31). Nhưng một tín đồ có thể giàu có trong đời này và cũng giàu có trong đời sau, nếu người ấy sử dụng những điều mình có để tôn vinh Đức Chúa Trời (Mat 6:19-34). Trên thực tế, một người nghèo ở đời này có thể sử dụng ngay đến phương tiện hạn chế của mình để tôn vinh Đức Chúa Trời, và khám phá sự ban thưởng lớn lao trong đời sau.

B. *Hãy tin cậy nơi Đức Chúa Trời, chớ không nơi của cải* (ITi 6:17b). Người nông dân giàu có trong ân dụ của Chúa chúng ta (Lu 12:13-21) nghĩ rằng của cải mình có đem lại sự an ninh, trong khi thật ra nó lại là một dấu hiệu của sự thiếu an ninh. Người ấy không thật sự tin cậy nơi Đức Chúa Trời. Của cải thì không chắc chắn, không chỉ về giá trị của chúng (vốn thay đổi thường xuyên), mà cả về tính lâu bền của chúng. Những kẻ trộm cắp có thể ăn trộm của cải, vốn đầu tư có thể giảm sút về giá trị, và những sự tàn phá của thời gian có thể huỷ hoại nhà cửa và xe cộ. Nếu Đức Chúa Trời ban cho chúng ta của cải, chúng ta cần phải tin cậy nơi Ngài, là Đấng ban cho, chớ không phải nơi quà tặng.

C. *Hãy hưởng những gì Đức Chúa Trời ban cho bạn* (6:17c). Thật thế, từ “hưởng” có trong Kinh-Thánh! Thật ra, một trong những chủ đề trở lại luôn trong sách Truyền đạo là, “Hãy hưởng lấy phước của đời mình ngay hiện giờ, vì một ngày kia cuộc sống sẽ kết thúc” (Tr 2:24 3:12-15,22 5:18-20 9:7-10 11:9-10). Đây không phải là “chủ nghĩa khoái lạc” đầy tội lỗi, sống cho những lạc thú của đời này. Đó chỉ là tận hưởng tất cả những gì Đức Chúa Trời ban cho chúng ta vì cố sự vinh hiển của Ngài.

D. *Hãy sử dụng những gì Đức Chúa Trời ban cho bạn* (ITi 6:18-19). Chúng ta cần phải sử dụng của cải mình có để làm lợi cho những người khác chúng ta cần phải san sẻ chúng ta cần phải dùng tiền bạc mình có để làm lợi ra. Khi chúng ta làm như vậy, chúng ta khiến mình được giàu có về mặt tâm linh, và chúng ta đầu tư cho tương lai (Lu 16:1-13). “Để họ có thể nắm giữ sự sống đời đời” (ITi 6:19) không ám chỉ là những người này không được cứu. “Để họ có thể nắm lấy sự sống thật” sẽ diễn tả ý này cách hoàn hảo. Của cải có thể quyến dụ một người vào một thế giới giả tạo của sự vui thú hời hợt. Nhưng của cải cộng với ý muốn của Đức Chúa Trời có thể giới thiệu một người với sự sống thật và chức vụ còn đến lâu dài.

Lời cuối cùng của Phao-lô không chỉ dành cho Ti-mô-thê mà thôi, vì đại từ ở số nhiều: “Nguyên xin ân điển ở cùng các anh em!” Phao-lô hướng đến toàn thể Hội Thánh khi ông viết bức thư này, và chắc hẳn bao gồm tất cả các trưởng lão, chớ không chỉ một mình Ti-mô-thê. Là trưởng lão của Hội Thánh, Ti-mô-thê cần phải chú ý đến lời của sứ đồ Phao-lô nhưng tất cả mọi thành viên trong Hội Thánh của ông cũng có trách nhiệm nghe và vâng theo nữa.

Và chúng ta ngày nay cũng vậy